

HỒ SƠ MỜI THẦU (E-HSMT)

Gói thầu: CHI PHÍ GIÁM SÁT THI CÔNG XÂY DỰNG
Dự án: ĐƯỜNG ĐỨC HÒA ĐÔNG- KÊNH 6- CỐNG BÀ BÔNG
Chủ đầu tư: BQLDA ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHU VỰC ĐỨC HÒA
Đơn vị tư vấn đấu thầu: CÔNG TY TNHH TM XD SONG KHÁNH PHÁT

Tây Ninh, năm 2025

HỒ SƠ MỜI THẦU

E-TBMT:

Tên gói thầu: Chi phí giám sát thi công xây dựng

Dự án: Đường Đức Hòa Đông- Kênh 6- Công Bà Bông

Phát hành ngày: Ngày tháng 11 năm 2025

Ban hành kèm theo Quyết định: Số ngày ... tháng 11 năm 2025
Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Đức Hòa

Công ty TNHH TM XD Song Khánh Phát
Giám đốc

Nguyễn Huỳnh Ngọc Yên

MỤC LỤC

Mô tả tóm tắt

Từ ngữ viết tắt

Phần 1. THỦ TỤC ĐẤU THẦU

Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu

Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu

Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT

Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu

Phần 2. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

Chương V. Điều khoản tham chiếu

Phần 3. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Chương VI. Điều kiện chung của hợp đồng

Chương VII. Điều kiện cụ thể của hợp đồng

Chương VIII. Biểu mẫu hợp đồng

MÔ TẢ TÓM TẮT

Phần 1. THỦ TỤC ĐẦU THẦU

Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu

Chương này cung cấp thông tin nhằm giúp nhà thầu chuẩn bị E-HSDT. Thông tin bao gồm các quy định về việc chuẩn bị, nộp E-HSDT, mở thầu, đánh giá E-HSDT và trao hợp đồng. Chỉ được sử dụng mà không được sửa đổi các quy định tại Chương này.

Chương này áp dụng thống nhất đối với tất cả các gói thầu dịch vụ tư vấn qua mạng, được cố định theo định dạng tệp tin PDF và đăng tải trên Hệ thống.

Chương II. Bảng dữ liệu đầu thầu

Chương này quy định cụ thể các nội dung của Chương I khi áp dụng đối với từng gói thầu.

Chương này được số hóa dưới dạng các biểu mẫu trên Hệ thống (webform). Chủ đầu tư, tổ chuyên gia nhập các nội dung thông tin vào E-BDL trên Hệ thống.

Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT

Chương này bao gồm các tiêu chí để đánh giá E-HSDT. Cụ thể:

- Mục 1: Đánh giá tính hợp lệ của E-HSDT được cố định theo định dạng tệp tin PDF/word và đăng tải trên Hệ thống;
- Mục 2: Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật được số hóa dưới dạng webform. Chủ đầu tư, tổ chuyên gia cần nhập thông tin vào các webform tương ứng;
- Mục 3: Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính được trích xuất theo phương pháp đánh giá do chủ đầu tư, tổ chuyên gia lựa chọn trong quá trình lập E-HSMT.

Căn cứ vào các thông tin do chủ đầu tư, tổ chuyên gia nhập, Hệ thống sẽ tự động tạo ra các biểu mẫu dự thầu có liên quan tương ứng với tiêu chuẩn đánh giá.

Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu

Chương này bao gồm các biểu mẫu mời thầu, biểu mẫu dự thầu mà chủ đầu tư và nhà thầu sẽ phải hoàn chỉnh để thành một phần nội dung của E-HSMT và E-HSDT.

Trong chương này một số mẫu được số hóa dưới dạng webform và một số Mẫu là tệp tin PDF/Word. Chủ đầu tư, tổ chuyên gia và nhà thầu cần nhập các thông tin vào các mẫu để lập E-HSMT, E-HSDT của mình.

Phần 2. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

Chương V. Điều khoản tham chiếu

Điều khoản tham chiếu bao gồm việc giới thiệu về gói thầu, phạm vi công việc; yêu cầu về báo cáo, thời gian thực hiện, kinh nghiệm, nhân sự của nhà thầu và các yêu cầu cần thiết khác (nếu có); trách nhiệm của chủ đầu tư. Điều khoản tham chiếu được hiển thị dưới dạng tệp tin PDF/Word được đính kèm lên Hệ thống.

Phần 3. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Chương VI. Điều kiện chung của hợp đồng

Chương này bao gồm điều khoản chung, áp dụng thống nhất đối với tất cả các gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn qua mạng, được cố định theo định dạng tệp tin PDF và đăng tải trên Hệ thống.

Chương VII. Điều kiện cụ thể của hợp đồng

Chương này bao gồm dữ liệu hợp đồng và điều kiện cụ thể cho mỗi hợp đồng. Điều kiện cụ thể của hợp đồng nhằm chi tiết hóa, bổ sung nhưng không thay thế được điều kiện chung của hợp đồng.

Chương này được số hóa dưới dạng webform. Chủ đầu tư, tổ chuyên gia nhập các nội dung thông tin vào điều kiện cụ thể của hợp đồng trên Hệ thống.

Chương VIII. Biểu mẫu hợp đồng

Chương này gồm các biểu mẫu mà sau khi được hoàn chỉnh sẽ trở thành một bộ phận cấu thành của hợp đồng.

Chương này bao gồm tệp tin PDF/Word do chủ đầu tư, tổ chuyên gia chuẩn bị theo mẫu.

Phần 1. THỦ TỤC ĐẤU THẦU
Chương I. CHỈ DẪN NHÀ THẦU

1. Phạm vi gói thầu	1.1. Chủ đầu tư quy định tại E-BDL phát hành bộ E-HSMT này để lựa chọn nhà thầu thực hiện gói thầu dịch vụ tư vấn theo phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ. 1.2. Tên gói thầu, dự án/dự toán mua sắm được quy định tại E-BDL .
2. Giải thích từ ngữ trong đấu thầu qua mạng	2.1. Thời điểm đóng thầu là thời điểm hết hạn nhận E-HSDT và được quy định trong E-TBMT trên Hệ thống. 2.2. Ngày là ngày theo dương lịch, bao gồm cả ngày nghỉ cuối tuần, nghỉ lễ, nghỉ Tết theo quy định của pháp luật về lao động. 2.3. Thời gian và ngày tháng trên Hệ thống là thời gian và ngày tháng được hiển thị trên Hệ thống (GMT+7).
3. Nguồn vốn	Nguồn vốn để sử dụng cho gói thầu được quy định tại E-BDL .
4. Hành vi bị cấm	4.1. Đưa, nhận, môi giới hối lộ. 4.2. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để gây ảnh hưởng, can thiệp trái pháp luật vào hoạt động đấu thầu dưới mọi hình thức. 4.3. Thông thầu bao gồm các hành vi sau đây: a) Dàn xếp, thỏa thuận, ép buộc để một hoặc các bên chuẩn bị E-HSDT hoặc rút E-HSDT để một bên trúng thầu; b) Dàn xếp, thỏa thuận để từ chối cung cấp hàng hóa, dịch vụ, không ký hợp đồng thầu phụ hoặc thực hiện các hình thức thỏa thuận khác nhằm hạn chế cạnh tranh để một bên trúng thầu; c) Nhà thầu có năng lực, kinh nghiệm đã tham dự thầu và đáp ứng yêu cầu của E-HSMT nhưng cố ý không cung cấp tài liệu để chứng minh năng lực, kinh nghiệm khi được chủ đầu tư yêu cầu làm rõ E-HSDT hoặc khi được yêu cầu đối chiếu tài liệu nhằm tạo điều kiện để một bên trúng thầu. 4.4. Gian lận bao gồm các hành vi sau đây: a) Làm giả hoặc làm sai lệch thông tin, hồ sơ, tài liệu trong đấu thầu; b) Cố ý cung cấp thông tin, tài liệu không trung thực, không khách quan trong E-HSDT nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu. 4.5. Cản trở bao gồm các hành vi sau đây: a) Hủy hoại, lừa dối, thay đổi, che giấu chứng cứ hoặc báo cáo sai sự thật; đe dọa hoặc gợi ý đối với bất kỳ bên nào nhằm ngăn chặn việc làm rõ hành vi đưa, nhận, môi giới hối lộ, gian lận hoặc thông đồng với cơ quan có chức năng, thẩm quyền về giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán;

	<p>b) Cản trở người có thẩm quyền, chủ đầu tư, nhà thầu trong lựa chọn nhà thầu;</p> <p>c) Cản trở cơ quan có thẩm quyền giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán đối với hoạt động đấu thầu;</p> <p>d) Cố tình khiếu nại, tố cáo, kiến nghị sai sự thật để cản trở hoạt động đấu thầu;</p> <p>đ) Có hành vi vi phạm pháp luật về an toàn, an ninh mạng nhằm can thiệp, cản trở việc đấu thầu qua mạng.</p> <p>4.6. Không bảo đảm công bằng, minh bạch bao gồm các hành vi sau đây:</p> <p>a) Tham dự thầu với tư cách là nhà thầu đối với gói thầu do mình làm chủ đầu tư hoặc thực hiện nhiệm vụ của chủ đầu tư không đúng quy định của Luật Đấu thầu;</p> <p>b) Tham gia lập, đồng thời tham gia thẩm định E-HSMT đối với cùng một gói thầu;</p> <p>c) Tham gia đánh giá E-HSMT đồng thời tham gia thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu đối với cùng một gói thầu;</p> <p>d) Cá nhân thuộc chủ đầu tư trực tiếp tham gia quá trình lựa chọn nhà thầu hoặc tham gia tổ chuyên gia, tổ thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc là người có thẩm quyền, người đứng đầu chủ đầu tư đối với các gói thầu do người có quan hệ gia đình theo quy định của Luật Doanh nghiệp đứng tên dự thầu hoặc là người đại diện hợp pháp của nhà thầu tham dự thầu;</p> <p>đ) Đứng tên tham dự thầu gói thầu thuộc dự án do chủ đầu tư là cơ quan, tổ chức nơi mình đã công tác và giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý trong thời gian 12 tháng kể từ ngày không còn làm việc tại cơ quan, tổ chức đó;</p> <p>e) Nhà thầu tư vấn giám sát đồng thời thực hiện tư vấn kiểm định đối với gói thầu do nhà thầu đó giám sát.</p> <p>4.7. Tiết lộ những tài liệu, thông tin về quá trình lựa chọn nhà thầu, trừ trường hợp cung cấp thông tin theo quy định tại điểm b khoản 8 Điều 77, khoản 11 Điều 78, khoản 4 Điều 80, khoản 4 Điều 81, khoản 2 Điều 82 của Luật Đấu thầu, bao gồm:</p> <p>a) Nội dung E-HSMT trước thời điểm phát hành theo quy định;</p> <p>b) Nội dung E-HSMT; nội dung yêu cầu làm rõ E-HSMT của Chủ đầu tư và trả lời của nhà thầu trong quá trình đánh giá E-HSMT; báo cáo của Chủ đầu tư, báo cáo của tổ chuyên gia, báo cáo thẩm định, báo cáo của nhà thầu tư vấn, báo cáo của cơ quan chuyên môn có liên quan trong quá trình lựa chọn nhà thầu; tài liệu ghi chép, biên bản cuộc họp xét thầu, các ý kiến nhận xét, đánh giá đối với từng E-HSMT trước khi được công khai theo quy định;</p> <p>c) Kết quả lựa chọn nhà thầu trước khi được công khai theo quy định;</p> <p>d) Các tài liệu khác trong quá trình lựa chọn nhà thầu được xác định</p>
--	--

	<p>chứa nội dung bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật.</p> <p>4.8. Chuyển nhượng thầu trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Nhà thầu chuyển nhượng cho nhà thầu khác phần công việc thuộc gói thầu ngoài giá trị tối đa dành cho nhà thầu phụ và khối lượng công việc dành cho nhà thầu phụ đặc biệt đã nêu trong hợp đồng;</p> <p>b) Nhà thầu chuyển nhượng cho nhà thầu khác phần công việc thuộc gói thầu chưa vượt mức tối đa giá trị công việc dành cho nhà thầu phụ nêu trong hợp đồng nhưng ngoài phạm vi công việc dành cho nhà thầu phụ đã đề xuất trong E-HSMT mà không được chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận;</p> <p>c) Chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận để nhà thầu chuyển nhượng công việc quy định tại điểm a khoản này;</p> <p>d) Chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận để nhà thầu chuyển nhượng công việc quy định tại điểm b khoản này mà vượt mức tối đa giá trị công việc dành cho nhà thầu phụ nêu trong hợp đồng.</p>
<p>5. Tư cách hợp lệ của nhà thầu</p>	<p>5.1. Nhà thầu là tổ chức đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>a) Hạch toán tài chính độc lập;</p> <p>b) Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản;</p> <p>c) Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định tại E-BDL;</p> <p>d) Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của Luật Đấu thầu;</p> <p>đ) Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự.</p> <p>5.2. Nhà thầu là hộ kinh doanh đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>a) Có giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật;</p> <p>b) Không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh; chủ hộ kinh doanh không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;</p> <p>c) Đáp ứng điều kiện quy định tại điểm c và điểm d Mục 5.1 E-CDNT.</p>
<p>6. Nội dung của E-HSMT</p>	<p>6.1. E-HSMT bao gồm: E-TBMT và Phần 1, Phần 2, Phần 3 cùng với tài liệu sửa đổi, làm rõ E-HSMT theo quy định tại Mục 7 E-CDNT (nếu có), trong đó bao gồm các nội dung sau đây:</p> <p>Phần 1. Thủ tục đấu thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu; - Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu; - Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSMT;

	<p>- Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu.</p> <p>Phần 2. Điều khoản tham chiếu:</p> <p>- Chương V. Điều khoản tham chiếu.</p> <p>Phần 3. Điều kiện hợp đồng và Biểu mẫu hợp đồng:</p> <p>- Chương VI. Điều kiện chung của hợp đồng;</p> <p>- Chương VII. Điều kiện cụ thể của hợp đồng;</p> <p>- Chương VIII. Biểu mẫu hợp đồng.</p> <p>6.2. Chủ đầu tư không chịu trách nhiệm về tính chính xác, hoàn chỉnh của E-HSMT, tài liệu giải thích làm rõ E-HSMT hay các tài liệu sửa đổi E-HSMT theo quy định tại Mục 7 E-CDNT nếu các tài liệu này không được cung cấp bởi chủ đầu tư trên Hệ thống. E-HSMT do chủ đầu tư phát hành trên Hệ thống sẽ là cơ sở để xem xét, đánh giá.</p> <p>6.3. Nhà thầu phải nghiên cứu mọi thông tin của E-TBMT, E-HSMT bao gồm các nội dung sửa đổi, làm rõ E-HSMT, biên bản hội nghị tiền đấu thầu (nếu có) để chuẩn bị E-HSDT theo yêu cầu của E-HSMT cho phù hợp.</p>
<p>7. Sửa đổi, làm rõ E-HSMT</p>	<p>7.1. Trường hợp sửa đổi E-HSMT thì chủ đầu tư đăng tải quyết định sửa đổi kèm theo các nội dung sửa đổi và E-HSMT đã được sửa đổi cho phù hợp (webform và file đính kèm). Việc sửa đổi E-HSMT được thực hiện trong thời gian tối thiểu là 10 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu và bảo đảm đủ thời gian để nhà thầu hoàn chỉnh E-HSDT; trường hợp không bảo đảm đủ thời gian như nêu trên thì phải gia hạn thời điểm đóng thầu.</p> <p>7.2. Trường hợp cần làm rõ E-HSMT, nhà thầu phải gửi đề nghị làm rõ đến chủ đầu tư thông qua Hệ thống trong thời hạn tối thiểu 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu để chủ đầu tư xem xét, xử lý. Chủ đầu tư tiếp nhận nội dung làm rõ để xem xét, làm rõ theo đề nghị của nhà thầu và thực hiện làm rõ trên Hệ thống trong thời hạn tối thiểu 02 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu, trong đó mô tả nội dung yêu cầu làm rõ nhưng không nêu tên nhà thầu đề nghị làm rõ. Trường hợp việc làm rõ dẫn đến phải sửa đổi E-HSMT thì chủ đầu tư tiến hành sửa đổi E-HSMT theo quy định tại Mục 7.1 E-CDNT.</p> <p>7.3. Trường hợp cần thiết, chủ đầu tư tổ chức hội nghị tiền đấu thầu để trao đổi về những nội dung trong E-HSMT mà các nhà thầu chưa rõ theo quy định tại E-BDL. Chủ đầu tư đăng tải thông báo tổ chức hội nghị tiền đấu thầu trên Hệ thống; tất cả các nhà thầu quan tâm được tham dự hội nghị tiền đấu thầu mà không cần phải thông báo trước cho chủ đầu tư. Nội dung trao đổi giữa chủ đầu tư và nhà thầu phải được chủ đầu tư ghi lại thành biên bản và lập thành văn bản làm rõ E-HSMT đăng tải trên Hệ thống trong thời gian tối đa 02 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc hội nghị tiền đấu thầu. Việc nhà thầu không tham dự hội nghị tiền đấu thầu</p>

	<p>hoặc không có giấy xác nhận đã tham dự hội nghị tiền đấu thầu không phải là lý do để loại bỏ E-HSĐT của nhà thầu.</p> <p>7.4. Trường hợp E-HSMT cần phải được sửa đổi sau khi tổ chức hội nghị tiền đấu thầu, chủ đầu tư thực hiện việc sửa đổi E-HSMT theo quy định tại Mục 7.1 E-CDNT. Biên bản hội nghị tiền đấu thầu không phải là văn bản sửa đổi E-HSMT.</p> <p>7.5. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm theo dõi thông tin trên Hệ thống để kịp thời làm rõ E-HSMT theo đề nghị của nhà thầu.</p> <p>7.6. Nhà thầu chịu trách nhiệm theo dõi thông tin trên Hệ thống để cập nhật thông tin về việc sửa đổi E-HSMT, thay đổi thời điểm đóng thầu (nếu có) để làm cơ sở chuẩn bị E-HSĐT. Trường hợp xảy ra các sai sót do không theo dõi, cập nhật thông tin trên Hệ thống dẫn đến bất lợi cho nhà thầu trong quá trình tham dự thầu bao gồm: thay đổi, sửa đổi E-HSMT, thời điểm đóng thầu, thời gian thương thảo hợp đồng và các nội dung khác thì nhà thầu phải tự chịu trách nhiệm và chịu bất lợi trong quá trình tham dự thầu.</p> <p>7.7. Đối với các gói thầu tư vấn đơn giản hoặc gói thầu tư vấn cấp bách cần thực hiện ngay do yêu cầu về tiến độ, thời gian sửa đổi E-HSMT thực hiện theo quy định tại E-BDL.</p>
<p>8. Chi phí dự thầu</p>	<p>E-HSMT được phát hành miễn phí trên Hệ thống ngay sau khi chủ đầu tư đăng tải thành công E-TBMT trên Hệ thống. Nhà thầu phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham dự thầu. Chi phí nộp E-HSĐT theo quy định tại E-BDL. Trong mọi trường hợp, chủ đầu tư không chịu trách nhiệm về các chi phí liên quan đến việc tham dự thầu của nhà thầu.</p>
<p>9. Ngôn ngữ của E-HSĐT</p>	<p>E-HSĐT cũng như tất cả văn bản và tài liệu liên quan đến E-HSĐT được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu bổ trợ trong E-HSĐT có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, chủ đầu tư có thể yêu cầu nhà thầu gửi bổ sung (nếu cần thiết).</p>
<p>10. Thành phần của E-HSĐT</p>	<p>E-HSĐT bao gồm E-HSĐXKT và E-HSĐXTC:</p> <p>10.1. E-HSĐXKT bao gồm các thành phần sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn dự thầu trong E-HSĐXKT được Hệ thống tự trích xuất theo quy định tại Mục 11 E-CDNT; - Thỏa thuận liên danh được Hệ thống trích xuất theo Mẫu số 03 Chương IV (đối với trường hợp nhà thầu liên danh); - Đề xuất kỹ thuật theo quy định tại Mục 14 E-CDNT và các Mẫu thuộc Chương IV; <p>10.2. E-HSĐXTC bao gồm các thành phần sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn dự thầu trong E-HSĐXTC được Hệ thống trích xuất theo quy định tại Mục 11 E-CDNT; - Đề xuất về tài chính và các bảng biểu được ghi đầy đủ thông tin theo quy định tại Mục 11 E-CDNT và Mục 12 E-CDNT.

	10.3. Các nội dung khác theo quy định tại E-BDL .
11. Đơn dự thầu và các bảng biểu	Nhà thầu điền đầy đủ thông tin vào các Mẫu ở Chương IV. Nhà thầu kiểm tra thông tin trong đơn dự thầu và các bảng biểu được Hệ thống trích xuất để hoàn thành E-HSDT.
12. Giá dự thầu và giảm giá	<p>12.1. Giá dự thầu là giá do nhà thầu chào trong đơn dự thầu thuộc E-HSĐXTC (chưa bao gồm giảm giá), bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện gói thầu. Hệ thống sẽ tự động trích xuất giá dự thầu từ Mẫu số 15 Chương IV vào đơn dự thầu.</p> <p>Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì ghi tỷ lệ phần trăm giảm giá vào đơn dự thầu. Giá trị giảm giá này được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục nêu trong Bảng tổng hợp chi phí.</p> <p>12.2. Việc phân tích chi phí thù lao cho chuyên gia được thực hiện theo quy định tại E-BDL.</p>
13. Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán	Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán là VND.
14. Đề xuất kỹ thuật	<p>14.1. Đề xuất kỹ thuật không được nêu bất kỳ thông tin tài chính nào. Nếu đề xuất kỹ thuật của nhà thầu có những thông tin tài chính quan trọng thì nhà thầu phải chịu trách nhiệm về những bất lợi do việc để lộ thông tin tài chính trong đề xuất kỹ thuật (nếu có).</p> <p>14.2. Nhà thầu không được đề xuất phương án khác về nhân sự chủ chốt. Mỗi vị trí nhân sự chủ chốt chỉ được đề xuất một lý lịch chuyên gia.</p> <p>14.3. Đối với gói thầu áp dụng hợp đồng theo thời gian, trường hợp E-HSMT có yêu cầu, nhà thầu phải đề xuất thời gian làm việc của nhân sự chủ chốt không ngắn hơn thời gian quy định tại E-BDL.</p> <p>14.4. Trường hợp gói thầu đã áp dụng mời quan tâm, nếu có sự thay đổi về năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu khi nộp E-HSDT và khi tham dự quan tâm thì phải cập nhật lại năng lực và kinh nghiệm của mình.</p>
15. Thời hạn có hiệu lực của E-HSDT	<p>15.1. E-HSDT có hiệu lực không ngắn hơn thời hạn nêu tại E-BDL.</p> <p>15.2. Trong trường hợp cần thiết, trước khi hết thời hạn hiệu lực của E-HSDT, chủ đầu tư có thể đề nghị các nhà thầu gia hạn hiệu lực của E-HSDT. Nếu nhà thầu không chấp nhận việc gia hạn hiệu lực của E-HSDT thì E-HSDT của nhà thầu sẽ không được xem xét tiếp. Nhà thầu chấp nhận đề nghị gia hạn E-HSDT không được phép thay đổi bất kỳ nội dung nào của E-HSDT. Việc đề nghị gia hạn và chấp thuận hoặc</p>

	không chấp thuận gia hạn được thực hiện trên Hệ thống.
16. Thời điểm đóng thầu	<p>16.1. Thời điểm đóng thầu là thời điểm quy định tại E-TBMT.</p> <p>16.2. Chủ đầu tư có thể gia hạn thời điểm đóng thầu bằng cách sửa đổi E-TBMT. Khi gia hạn thời điểm đóng thầu, mọi trách nhiệm của chủ đầu tư và nhà thầu theo thời điểm đóng thầu trước đó sẽ được thay đổi theo thời điểm đóng thầu mới được gia hạn.</p>
17. Nộp, rút và sửa đổi E-HSDT	<p>17.1. Nộp E-HSDT: Nhà thầu chỉ nộp một bộ E-HSDT đối với một E-TBMT khi tham gia đấu thầu qua mạng. Trường hợp liên danh, thành viên đứng đầu liên danh (theo thỏa thuận trong liên danh) thay mặt liên danh nộp E-HSDT sau khi được sự chấp thuận của tất cả các thành viên trong liên danh.</p> <p>17.2. Sửa đổi, nộp lại E-HSDT: Trường hợp cần sửa đổi E-HSDT đã nộp, nhà thầu phải tiến hành rút toàn bộ E-HSDT đã nộp trước đó để sửa đổi cho phù hợp. Sau khi hoàn thiện E-HSDT, nhà thầu tiến hành nộp lại E-HSDT mới. Trường hợp nhà thầu đã nộp E-HSDT trước khi chủ đầu tư thực hiện sửa đổi E-HSMT (nếu có) thì nhà thầu phải nộp lại E-HSDT mới cho phù hợp với E-HSMT đã được sửa đổi. Trường hợp nhà thầu không nộp lại E-HSDT thì E-HSDT đã nộp trước thời điểm E-HSMT được sửa đổi sẽ không được mở, xem xét, đánh giá.</p> <p>17.3. Rút E-HSDT: nhà thầu được rút E-HSDT trước thời điểm đóng thầu. Trường hợp rút E-HSDT sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của E-HSDT thì nhà thầu bị đánh giá là không bảo đảm uy tín khi tham dự thầu và không được tiếp tục đánh giá E-HSDT. Khi rút E-HSDT, Hệ thống sẽ thông báo cho nhà thầu tình trạng rút E-HSDT (thành công hay không thành công). Hệ thống ghi lại thông tin về thời gian rút E-HSDT của nhà thầu.</p> <p>17.4. Nhà thầu chỉ được rút, sửa đổi, nộp lại E-HSDT trước thời điểm đóng thầu. Sau thời điểm đóng thầu, tất cả các E-HSDT nộp thành công trên Hệ thống (ngoại trừ E-HSDT của nhà thầu đã nộp trước thời điểm sửa đổi E-HSMT và nhà thầu không nộp E-HSDT mới để phù hợp với E-HSMT đã được sửa đổi) đều được mở thầu để đánh giá.</p>
18. Mở E-HSĐXKT	<p>18.1. Chủ đầu tư phải tiến hành mở E-HSĐXKT và công khai biên bản mở E-HSĐXKT trên Hệ thống trong thời hạn không quá 02 giờ, kể từ thời điểm đóng thầu. Trường hợp có 01 nhà thầu nộp E-HSDT, chủ đầu tư xem xét, xử lý tình huống theo quy định tại khoản 5 Điều 140 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP. Trường hợp không có nhà thầu nộp E-HSDT, chủ đầu tư xem xét gia hạn thời điểm đóng thầu hoặc tổ chức lại việc lựa chọn nhà thầu qua mạng (hủy E-TBMT này và đăng tải E-TBMT mới) theo quy định tại khoản 4 Điều 140 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.</p> <p>18.2. Biên bản mở E-HSĐXKT được đăng tải công khai trên Hệ thống, bao gồm các nội dung chủ yếu sau:</p>

	<p>a) Thông tin về gói thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số E-TBMT; - Tên gói thầu; - Tên chủ đầu tư; - Hình thức lựa chọn nhà thầu; - Loại hợp đồng; - Thời điểm hoàn thành mở thầu; - Tổng số nhà thầu tham dự. <p>b) Thông tin về các nhà thầu tham dự:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên nhà thầu; - Thời gian có hiệu lực của E-HSĐXKT; - Thời gian thực hiện gói thầu; - Các thông tin liên quan khác (nếu có).
<p>19. Đánh giá E-HSĐXKT</p>	<p>19.1. Tổ chuyên gia áp dụng phương pháp đánh giá theo quy định tại E-BDL để đánh giá E-HSĐXKT.</p> <p>19.2. Quy trình đánh giá E- HSĐXKT như sau:</p> <p>a) Bước 1: Đánh giá tính hợp lệ theo quy định tại Mục 1 Chương III:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống tự động đánh giá trên cơ sở cam kết của nhà thầu trong đơn dự thầu đối với các nội dung: <ul style="list-style-type: none"> + Tư cách hợp lệ của nhà thầu; + Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu. <p>Trường hợp tổ chuyên gia phát hiện nhà thầu cam kết không trung thực dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu sẽ bị coi là có hành vi gian lận trong đấu thầu.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống tự động đánh giá về trạng thái bị tạm ngừng, chấm dứt tham gia Hệ thống của Nhà thầu. - Tổ chuyên gia đánh giá tính hợp lệ của thỏa thuận liên danh (đối với trường hợp liên danh). - Đối với nội dung về thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của nhà thầu, Hệ thống tự động đánh giá trên cơ sở thông tin kê khai, trích xuất trong E-HSDT và nhà thầu không phải đính kèm các tài liệu để chứng minh khi nộp E-HSDT. - Nhà thầu được đánh giá là đạt ở tất cả nội dung về tính hợp lệ thì được chuyển sang đánh giá về kỹ thuật.

	<p>b) Bước 2: Tổ chuyên gia đánh giá về kỹ thuật theo quy định tại Mục 2 Chương III:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với nội dung đánh giá về hợp đồng tương tự, tổ chuyên gia căn cứ vào thông tin nhà thầu kê khai trong tài liệu đính kèm trong E-HSDT để đánh giá. Trường hợp nhà thầu không kê khai thông tin hợp đồng tương tự hoặc thông tin hợp đồng tương tự kê khai trong tài liệu đính kèm E-HSDT không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT, chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu làm rõ, bổ sung hợp đồng khác đáp ứng yêu cầu của E-HSMT trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. - Đối với nội dung giải pháp, phương pháp luận: Tổ chuyên gia đánh giá trên cơ sở file đính kèm.. - Đối với nội dung nhân sự chủ chốt: Tổ chuyên gia đánh giá theo thông tin nhân sự kê khai trên webform. Trường hợp có sự sai khác giữa thông tin kê khai trên webform so với tài liệu đính kèm thì thông tin trên webform là cơ sở để xem xét, đánh giá, trừ trường hợp không xác định được nhân sự đã kê khai trên webform hoặc nhân sự không tồn tại trên thực tế. Đối với một vị trí nhân sự chủ chốt, E-HSDT chào thầu hoặc thiếu số lượng theo yêu cầu của E-HSMT thì không đáp ứng về kỹ thuật.- Đối với gói thầu áp dụng phương pháp giá thấp nhất hoặc phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá, nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật sẽ được mở E-HSDXTC để đánh giá theo quy định tại Mục 20 E-CDNT và Mục 21 E-CDNT. - Đối với gói thầu áp dụng phương pháp dựa trên kỹ thuật: nhà thầu đạt điểm kỹ thuật cao nhất được mở E-HSDXTC theo quy định tại Mục 20 E-CDNT để thương thảo theo quy định tại Mục 27 E-CDNT. - Nhà thầu có E-HSDXKT không đáp ứng sẽ không được mở E-HSDXTC để đánh giá. - Chủ đầu tư đăng tải danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật lên Hệ thống. <p>19.3. Nguyên tắc đánh giá E-HSDXKT:</p> <p>Đối với các nội dung Hệ thống đánh giá tự động bao gồm: tư cách hợp lệ, nhà thầu không có nhân sự bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng, thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế, trường hợp nhà thầu không kê khai thông tin hoặc có kê khai nhưng không đúng, không đầy đủ, không đáp ứng theo yêu cầu của E-HSMT thì Hệ thống sẽ đánh giá nhà thầu "không đạt" ở nội dung này. Tổ chuyên gia không thể sửa đổi kết quả đánh giá từ "không đạt" thành "đạt" khi Hệ thống đã đánh giá "không đạt". Trường hợp các thông tin mà nhà thầu cam kết, kê khai trong E-HSDT không trung thực dẫn đến làm sai lệch kết quả đánh giá E-HSDT của nhà thầu thì nhà thầu sẽ bị coi là có hành vi gian lận.</p>
<p>20. Mở E-HSDXTC</p>	<p>20.1. E-HSDXTC của các nhà thầu có tên trong danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật hoặc nhà thầu đạt điểm kỹ thuật cao nhất (đối với</p>

	<p>phương pháp dựa trên kỹ thuật) sẽ được chủ đầu tư tiến hành mở và công khai trên Hệ thống.</p> <p>20.2. Biên bản mở E-HSDXTC được đăng tải công khai trên Hệ thống, bao gồm các nội dung chủ yếu sau:</p> <p>a) Thông tin về gói thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số E-TBMT; - Tên gói thầu; - Tên chủ đầu tư; - Hình thức lựa chọn nhà thầu; - Loại hợp đồng; - Thời điểm hoàn thành mở thầu; <p>b) Thông tin về các nhà thầu được mở E-HSDXTC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên nhà thầu; - Giá dự thầu; - Tỷ lệ phần trăm (%) giảm giá (nếu có); - Giá dự thầu sau giảm giá (nếu có) (<i>Hệ thống tự động tính toán giá dự thầu sau giảm giá</i>); - Điểm kỹ thuật của các nhà thầu vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật, điểm kỹ thuật của nhà thầu xếp thứ nhất đối với phương pháp dựa trên kỹ thuật; - Thời gian có hiệu lực của E-HSDXTC; - Các thông tin liên quan khác (nếu có).
<p>21. Đánh giá E-HSDXTC và xếp hạng nhà thầu</p>	<p>21.1. Đánh giá E-HSDXTC theo quy định tại Mục 3 Chương III;</p> <p>21.2. Sau khi đánh giá về giá, tổ chuyên gia lập danh sách xếp hạng nhà thầu. Nhà thầu xếp hạng thứ nhất được mời vào đối chiếu tài liệu và thương thảo hợp đồng theo quy định tại Mục 27 E-CDNT. Trường hợp thương thảo không thành công, chủ đầu tư xem xét, quyết định mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào đối chiếu tài liệu và thương thảo hợp đồng. Trường hợp có một nhà thầu vượt qua bước đánh giá về giá thì không cần phải xếp hạng nhà thầu. Việc xếp hạng nhà thầu thực hiện theo quy định tại E-BDL.</p> <p>21.3. Trường hợp có sự không thống nhất giữa thông tin kê khai trên webform và file đính kèm thì thông tin trên webform là cơ sở để xem xét, đánh giá, trừ trường hợp hiệu chỉnh sai lệch theo quy định tại Mục 24.2 E-CDNT.</p>
<p>22. Bảo mật</p>	<p>22.1. Thông tin liên quan đến việc đánh giá E-HSDT và đề nghị trao hợp đồng phải được giữ bí mật và không được phép tiết lộ cho các nhà thầu hay bất kỳ người nào không có liên quan chính thức đến quá trình lựa chọn nhà thầu cho tới khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu. Trong</p>

	<p>mọi trường hợp không được tiết lộ thông tin trong E-HSDT của nhà thầu này cho nhà thầu khác, trừ thông tin được công khai trong biên bản mở thầu.</p> <p>22.2. Trừ trường hợp làm rõ E-HSDT, đối chiếu tài liệu và thương thảo hợp đồng, nhà thầu không được tiếp xúc với chủ đầu tư, thành viên tổ chuyên gia về các vấn đề liên quan đến E-HSDT của mình và các vấn đề khác liên quan đến gói thầu trong suốt thời gian từ khi mở thầu cho đến khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu.</p>
<p>23. Làm rõ E-HSDT</p>	<p>23.1. Sau khi mở thầu, nhà thầu có trách nhiệm làm rõ E-HSDT theo yêu cầu của chủ đầu tư, kể cả về tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm, nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế, tài liệu về nhân sự cụ thể đã được đề xuất trong E-HSDT của nhà thầu. Đối với nội dung về tư cách hợp lệ, việc làm rõ phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi bản chất của nhà thầu tham dự thầu. Đối với các nội dung về tính hợp lệ của E-HSDT (trừ nội dung về tư cách hợp lệ), đề xuất về kỹ thuật, tài chính, việc làm rõ phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi nội dung cơ bản của E-HSDT đã nộp, không thay đổi giá dự thầu.</p> <p>23.2. Trong quá trình đánh giá, việc làm rõ E-HSDT giữa nhà thầu và chủ đầu tư được thực hiện trực tiếp trên Hệ thống.</p> <p>23.3. Việc làm rõ E-HSDT chỉ được thực hiện giữa chủ đầu tư và nhà thầu có E-HSDT cần phải làm rõ. Đối với các nội dung làm rõ ảnh hưởng trực tiếp đến việc đánh giá tư cách hợp lệ, kỹ thuật, tài chính, nếu quá thời hạn làm rõ mà nhà thầu không thực hiện làm rõ hoặc có thực hiện làm rõ nhưng không đáp ứng được yêu cầu làm rõ của chủ đầu tư thì Chủ đầu tư sẽ đánh giá E-HSDT của nhà thầu theo E-HSDT nộp trước thời điểm đóng thầu. Chủ đầu tư phải dành cho nhà thầu một khoảng thời gian hợp lý nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc để nhà thầu thực hiện việc làm rõ E-HSDT.</p> <p>23.4. Trường hợp E-HSMT có yêu cầu về cam kết, hợp đồng nguyên tắc thuê thiết bị, bảo hành, bảo trì mà E-HSDT không đính kèm các tài liệu này thì chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu làm rõ E-HSDT, bổ sung tài liệu trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc để làm cơ sở đánh giá E-HSDT.</p> <p>23.5. Nhà thầu không thể tự làm rõ E-HSDT sau thời điểm đóng thầu.</p> <p>23.6. Trường hợp có sự không thống nhất trong nội dung của E-HSDT hoặc có nội dung chưa rõ thì chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu làm rõ trên cơ sở tuân thủ quy định tại Mục 23.1 E-CDNT.</p> <p>23.7. Trường hợp có nghi ngờ về tính xác thực của các tài liệu do nhà thầu cung cấp, chủ đầu tư được xác minh với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến nội dung của tài liệu.</p>

<p>24. Hiệu chỉnh sai lệch đối với loại hợp đồng theo thời gian</p>	<p>24.1. Hiệu chỉnh sai lệch không áp dụng với loại hợp đồng trọn gói, hợp đồng theo đơn giá cố định, đơn giá điều chỉnh. Giá dự thầu mà nhà thầu đề xuất trong đơn dự thầu thuộc E-HSĐXTC được coi là đã bao gồm toàn bộ các chi phí cần thiết để thực hiện gói thầu theo phạm vi công việc nêu trong E-HSMT.</p> <p>24.2. Đối với hợp đồng theo thời gian, trường hợp có sự khác biệt giữa đề xuất về kỹ thuật và đề xuất về tài chính về số lượng nhân sự tham gia thực hiện gói thầu, số ngày công, số lượng trong từng hạng mục chi phí ngoài lương, số lượng trong các yếu tố đầu vào khác đã chào trong đề xuất kỹ thuật và đề xuất tài chính thì số lượng thuộc đề xuất về kỹ thuật là cơ sở để sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch. Việc hiệu chỉnh sai lệch trong trường hợp này được thực hiện theo số lượng, khối lượng nêu trong đề xuất kỹ thuật với đơn giá nêu trong đề xuất tài chính.</p>
<p>25. Ưu đãi trong lựa chọn nhà thầu</p>	<p>25.1. Trường hợp sau khi đánh giá, có nhiều nhà thầu được đánh giá tốt nhất, ngang nhau thì xử lý theo thứ tự ưu tiên như sau cho đến khi lựa chọn được nhà thầu trúng thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Trao thầu cho doanh nghiệp nhỏ và vừa do phụ nữ làm chủ theo quy định của pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (nếu có); b) Trao thầu cho nhà thầu có điểm kỹ thuật cao hơn; trao thầu cho nhà thầu có giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp hơn đối với gói thầu áp dụng phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá; c) Trao thầu cho nhà thầu có trụ sở chính ở địa phương nơi triển khai gói thầu; d) Trao thầu cho nhà thầu có sử dụng số lượng lao động là thương binh, người khuyết tật có hợp đồng lao động với thời gian thực hiện hợp đồng từ 03 tháng trở lên, đến thời điểm đóng thầu vẫn còn hiệu lực nhiều hơn; đ) Trao thầu cho nhà thầu có sử dụng số lượng lao động là dân tộc thiểu số có hợp đồng lao động với thời gian thực hiện hợp đồng từ 03 tháng trở lên, đến thời điểm đóng thầu vẫn còn hiệu lực nhiều hơn; e) Trao thầu cho nhà thầu có sử dụng số lượng lao động là nữ giới có hợp đồng lao động với thời gian thực hiện hợp đồng từ 03 tháng trở lên, đến thời điểm đóng thầu vẫn còn hiệu lực nhiều hơn; g) Cho phép các nhà thầu này chào lại giá dự thầu để lựa chọn nhà thầu có giá chào thấp nhất. Nhà thầu không được chào giá cao hơn giá nhà thầu đã chào sau hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có). Việc chào lại giá dự thầu thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 8 Điều 140 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP; h) Mời các nhà thầu này tham gia chào giá trực tuyến theo quy trình rút gọn. Nhà thầu không được chào giá cao hơn giá nhà thầu đã chào sau

	<p>sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có).</p> <p>25.2. Trường hợp thuộc đối tượng ưu đãi nêu tại Mục 25.1 E-CDNT, nhà thầu phải đính kèm tài liệu chứng minh trong E-HSDT.</p>
26. Nhà thầu phụ	<p>26.1. Nhà thầu phụ là tổ chức, cá nhân ký kết hợp đồng với nhà thầu để tham gia thực hiện một hoặc một số hạng mục công việc của gói thầu. Nhà thầu phải kê khai nhà thầu phụ và các hạng mục công việc dành cho nhà thầu phụ theo Mẫu số 10 Chương IV. Trường hợp tại thời điểm tham dự thầu, chưa xác định được nhà thầu phụ thì phải kê khai các hạng mục công việc dự kiến dành cho nhà thầu phụ.</p> <p>26.2. Việc sử dụng nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các trách nhiệm của nhà thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các trách nhiệm khác đối với phần công việc do nhà thầu phụ thực hiện. Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ sẽ không được xem xét khi đánh giá E-HSDT của nhà thầu. Bản thân nhà thầu phải đáp ứng các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm (không xét đến năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ). Nhà thầu được ký kết hợp đồng với các nhà thầu phụ trong danh sách các nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT hoặc ký với nhà thầu phụ được chủ đầu tư chấp thuận để tham gia thực hiện công việc gói thầu.</p> <p>26.3. Nhà thầu chỉ được sử dụng nhà thầu phụ thực hiện các công việc với tổng giá trị dành cho nhà thầu phụ không vượt quá tỷ lệ phần trăm (%) trên giá dự thầu của nhà thầu theo quy định tại E-BDL. Đối với trường hợp liên danh, từng thành viên liên danh chỉ được sử dụng nhà thầu phụ không vượt quá tỷ lệ phần trăm quy định tại Mục này trên giá trị phần công việc mà thành viên liên danh đó đảm nhận trong thoả thuận liên danh.</p> <p>26.4. Nhà thầu có hành vi chuyên nhượng thầu theo quy định tại khoản 8 Điều 16 của Luật Đấu thầu thì bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 133 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.</p> <p>26.5. Nhà thầu không được sử dụng nhà thầu phụ mà nhà thầu phụ này có tham gia cung cấp dịch vụ tư vấn cho gói thầu đó, bao gồm: lập, thẩm định E-HSMQT, E-HSMT; đánh giá E-HSQT, E-HSDT; thẩm định kết quả mời quan tâm (nếu có), kết quả lựa chọn nhà thầu; tư vấn quản lý dự án, quản lý hợp đồng, tư vấn khác mà các dịch vụ tư vấn này có phần công việc liên quan trực tiếp tới gói thầu</p>
27. Đối chiếu tài liệu và thương thảo	<p>27.1. Nhà thầu được mời vào thương thảo hợp đồng phải nộp một bộ tài liệu chứng minh tính hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm, nhân sự cho Chủ đầu tư để Chủ đầu tư¹ tổ chức đối chiếu tài liệu với thông tin nhà thầu kê</p>

¹ Trường hợp trong hợp đồng ký giữa chủ đầu tư và đơn vị tư vấn có nội dung thuê đơn vị tư vấn thực hiện đối chiếu tài liệu thì tổ chuyên gia do đơn vị tư vấn thành lập còn phải thực hiện trách nhiệm đối chiếu tài liệu.

<p>hợp đồng</p>	<p>khai trong E-HSDT.</p> <p>27.2. Đối với thông tin về thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế, chủ đầu tư chỉ đối chiếu nếu nhà thầu cập nhật thông tin mà không đối chiếu trong trường hợp các thông tin trên do Hệ thống tự động trích xuất từ Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, Hệ thống thuế điện tử.</p> <p>Nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu (đối với trường hợp Hệ thống chưa cập nhật thông tin về nghĩa vụ nộp thuế) để đối chiếu khi được mời vào đối chiếu tài liệu. Nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế phải được thực hiện trước thời điểm đóng thầu. Nghĩa vụ nộp thuế là nộp thuế với giá trị thuế tương ứng với thuế suất, thu nhập chịu thuế, doanh thu tính thuế nhà thầu kê khai trên Hệ thống thuế điện tử (số thuế đã nộp tương ứng với số thuế phải nộp); trường hợp được chậm nộp thuế, miễn thuế, giảm thuế theo chính sách của Nhà nước thì thực hiện theo quy định này. Trường hợp Hệ thống chưa trích xuất tự động thông tin về nghĩa vụ nộp thuế của nhà thầu thì nhà thầu nộp các tài liệu như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và Giấy nộp tiền có xác nhận của cơ quan thuế được in từ Hệ thống thuế điện tử hoặc - Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và xác nhận của cơ quan thuế về việc thực hiện nghĩa vụ thuế. <p>27.3. Đối với các nội dung về tính hợp lệ, thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế đã được Hệ thống đánh giá tự động là "đạt" theo thông tin kê khai, trích xuất trong E-HSDT mà tổ chuyên gia đánh giá lại là "không đạt" thì tổ chuyên gia chỉnh sửa lại kết quả đánh giá từ "đạt" thành "không đạt". Nhà thầu được mời vào đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng mà không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng hoặc không ký biên bản đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng trừ trường hợp bất khả kháng hoặc đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng nhưng không đáp ứng quy định của E-HSMT thì mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng mà không phải xếp hạng lại nhà thầu.</p> <p>Trường hợp phát hiện nhà thầu kê khai không trung thực (bao gồm cả số liệu về thuế do nhà thầu tự cập nhật không phù hợp với số liệu trên Hệ thống thuế điện tử) dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu sẽ bị coi là có hành vi gian lận quy định tại Mục 4.4 E-CDNT. Nhà thầu có tài liệu đối chiếu phù hợp sẽ được tiếp tục thương thảo hợp đồng.</p> <p>27.4. Việc thương thảo hợp đồng phải dựa trên các cơ sở sau đây:</p>
------------------------	---

	<p>a) Báo cáo đánh giá E-HSDT;</p> <p>b) E-HSDT và các tài liệu làm rõ E-HSDT (nếu có) của nhà thầu;</p> <p>c) E-HSMT bao gồm điều kiện chung, điều kiện cụ thể của hợp đồng và các tài liệu làm rõ, sửa đổi E-HSMT (nếu có).</p> <p>27.5. Nội dung thương thảo hợp đồng:</p> <p>a) Việc thương thảo bao gồm thảo luận điều khoản tham chiếu, phương pháp luận được đề xuất, điều kiện cụ thể của hợp đồng và hoàn thiện phần “Mô tả dịch vụ” của hợp đồng với điều kiện không làm thay đổi đáng kể phạm vi dịch vụ ban đầu theo điều khoản tham chiếu hay điều khoản của hợp đồng;</p> <p>b) Kế hoạch công tác và bố trí nhân sự;</p> <p>c) Tiến độ;</p> <p>d) Giải quyết thay đổi nhân sự (nếu có);</p> <p>đ) Bố trí điều kiện làm việc;</p> <p>e) Thương thảo về chi phí dịch vụ tư vấn trên cơ sở phù hợp với yêu cầu của gói thầu và điều kiện thực tế, bao gồm việc xác định rõ các khoản thuế nhà thầu phải nộp theo quy định của pháp luật về thuế (nếu có), phương thức nộp thuế (nhà thầu trực tiếp nộp thuế hoặc chủ đầu tư giữ lại một khoản tiền tương đương với giá trị thuế để nộp thay cho nhà thầu theo quy định của pháp luật hiện hành), giá trị nộp thuế và các vấn đề liên quan khác đến nghĩa vụ nộp thuế phải được nêu cụ thể trong hợp đồng;</p> <p>g) Thương thảo về các vấn đề phát sinh trong quá trình lựa chọn nhà thầu (nếu có) nhằm mục tiêu hoàn thiện các nội dung chi tiết của gói thầu;</p> <p>h) Thương thảo về các nội dung cần thiết khác.</p> <p>Trong quá trình thương thảo, nhà thầu không được thay đổi nhân sự đã đề xuất trong E-HSDT, trừ trường hợp do thời gian đánh giá E-HSDT kéo dài hơn so với dự kiến trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu hoặc vì lý do bất khả kháng mà các vị trí nhân sự chủ chốt do nhà thầu đã đề xuất không thể tham gia thực hiện hợp đồng. Trong trường hợp này, nhà thầu được thay đổi nhân sự khác nhưng phải bảo đảm các nhân sự dự kiến thay thế có trình độ, kinh nghiệm và năng lực tương đương hoặc cao hơn nhân sự đã đề xuất và nhà thầu không được thay đổi giá dự thầu.</p> <p>27.6. Trong quá trình thương thảo hợp đồng, các bên tham gia thương thảo tiến hành hoàn thiện dự thảo văn bản hợp đồng; E-ĐKCT của hợp đồng.</p> <p>27.7. Trường hợp thương thảo không thành công, chủ đầu tư xem xét, quyết định mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo; trường hợp thương thảo với các nhà thầu xếp hạng tiếp theo không thành công thì chủ đầu tư xem xét, quyết định hủy thầu theo quy định tại điểm a Mục</p>
--	--

	<p>29.1 E-CDNT.</p> <p>27.8. Trường hợp vì lý do khách quan, bất khả kháng dẫn đến nhà thầu không thể đến thương thảo hợp đồng trực tiếp với chủ đầu tư, chủ đầu tư có thể xem xét, thương thảo qua mạng.</p> <p>27.9. Chủ đầu tư gửi thông báo thương thảo, đối chiếu tài liệu đến nhà thầu trên Hệ thống. Trong thông báo mời thương thảo, đối chiếu tài liệu phải ghi rõ địa điểm, thời gian thương thảo, đối chiếu tài liệu phù hợp để bảo đảm nhà thầu có đủ thời gian chuẩn bị và đến thương thảo, đối chiếu tài liệu theo yêu cầu của chủ đầu tư.</p>
28. Điều kiện xét duyệt trúng thầu	<p>Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>28.1. Có E-HSĐT hợp lệ theo quy định tại Mục 1 Chương III;</p> <p>28.2. Có đề xuất kỹ thuật đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 2 Chương III;</p> <p>28.3. Có giá dự thầu thấp nhất đối với phương pháp giá thấp nhất; có điểm kỹ thuật cao nhất đối với phương pháp dựa trên kỹ thuật; có điểm tổng hợp cao nhất đối với phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá;</p> <p>28.4. Có giá đề nghị trúng thầu không vượt giá gói thầu để làm căn cứ xét duyệt trúng thầu theo quy định tại E-BDL.</p>
29. Hủy thầu	<p>29.1. Các trường hợp hủy thầu bao gồm:</p> <p>a) Tất cả E-HSĐT không đáp ứng được các yêu cầu của E-HSMT;</p> <p>b) Thay đổi về mục tiêu, phạm vi đầu tư trong quyết định đầu tư đã được phê duyệt đối với dự án hoặc thay đổi về mục tiêu, phạm vi mua sắm đối với dự toán mua sắm do sắp xếp đơn vị hành chính, tổ chức bộ máy nhà nước và các trường hợp bất khả kháng khác làm thay đổi khối lượng công việc, tiêu chuẩn đánh giá đã ghi trong E-HSMT;</p> <p>c) E-HSMT không tuân thủ quy định của Luật Đấu thầu, quy định khác của pháp luật có liên quan dẫn đến nhà thầu được lựa chọn không đáp ứng yêu cầu để thực hiện gói thầu;</p> <p>d) Tổ chức, cá nhân khác ngoài nhà thầu trúng thầu thực hiện hành vi bị cấm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu dẫn đến sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu;</p> <p>đ) Hủy thầu theo quy định tại khoản 5 Điều 42 của Luật Đấu thầu.</p> <p>29.2. Tổ chức, cá nhân vi phạm quy định pháp luật về đấu thầu dẫn đến hủy thầu theo quy định tại các điểm c và d Mục 29.1 E-CDNT phải đền bù chi phí cho các bên liên quan và bị xử lý theo quy định của pháp luật.</p>
30. Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu	<p>30.1. Chủ đầu tư đăng tải thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống kèm theo báo cáo đánh giá E-HSĐT trong 05 ngày làm việc, kể từ ngày phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu. Nội dung thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu như sau:</p>

	<p>a) Thông tin về gói thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số E-TBMT; - Tên gói thầu; - Giá gói thầu hoặc dự toán được duyệt (nếu có); - Tên chủ đầu tư; - Hình thức lựa chọn nhà thầu; - Loại hợp đồng; - Thời gian thực hiện gói thầu. <p>b) Thông tin về nhà thầu trúng thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mã số thuế; - Tên nhà thầu; - Giá dự thầu; - Giá dự thầu sau giảm giá (nếu có); - Điểm kỹ thuật; - Giá trúng thầu; - Thời gian thực hiện gói thầu; - Thời gian thực hiện hợp đồng. <p>c) Danh sách nhà thầu không được lựa chọn và tóm tắt lý do không được lựa chọn của từng nhà thầu.</p> <p>30.2. Trường hợp có yêu cầu giải thích lý do cụ thể nhà thầu không trúng thầu, nhà thầu gửi đề nghị trên Hệ thống hoặc gặp trực tiếp chủ đầu tư. Chủ đầu tư có trách nhiệm trả lời yêu cầu của nhà thầu trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của nhà thầu.</p> <p>30.3. Trường hợp hủy thầu theo quy định tại điểm a Mục 29.1 E-CDNT, trong thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu và trên Hệ thống phải nêu rõ lý do hủy thầu.</p>
<p>31. Tùy chọn mua thêm</p>	<p>Trước khi hợp đồng hết hiệu lực, chủ đầu tư với nhà thầu thỏa thuận mua bổ sung khối lượng dịch vụ của gói thầu ngoài khối lượng nêu trong Chương IV với điều kiện không vượt quá tỷ lệ quy định tại E-BDL và đáp ứng quy định tại khoản 8 Điều 39 của Luật Đấu thầu. Phần công việc mua bổ sung phải tương tự với phần công việc nêu trong hợp đồng đã ký và đã có đơn giá. Khối lượng dịch vụ bổ sung này không được sử dụng để đánh giá về năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu. Đối với nhà thầu liên danh, việc phân chia trách nhiệm thực hiện khối lượng bổ sung theo tùy chọn mua thêm thực hiện theo tỷ lệ phân chia công việc theo hợp đồng đã ký, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.</p>
<p>32. Thông báo chấp thuận E-</p>	<p>Sau khi đăng tải thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu, chủ đầu tư gửi thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng thông qua Hệ thống, bao</p>

HSDT và trao hợp đồng	gồm thời gian hoàn thiện, ký kết hợp đồng theo quy định tại Mẫu số 17 Chương VIII cho nhà thầu trúng thầu. Thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng là một phần của hồ sơ hợp đồng. Trường hợp nhà thầu trúng thầu không hoàn thiện, ký kết hợp đồng theo thời hạn nêu trong thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng thì nhà thầu sẽ bị loại. Thời hạn nêu trong thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng được tính kể từ ngày chủ đầu tư gửi thông báo chấp thuận này cho nhà thầu trúng thầu trên Hệ thống.
33. Hoàn thiện và ký kết hợp đồng	<p>Hoàn thiện hợp đồng và ký kết hợp đồng thực hiện như sau:</p> <p>33.1. Việc hoàn thiện hợp đồng để ký kết hợp đồng dựa trên cơ sở sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Dự thảo hợp đồng; b) Các nội dung cần được hoàn thiện hợp đồng giữa chủ đầu tư và nhà thầu trúng thầu (nếu có); c) Kết quả lựa chọn nhà thầu được duyệt; d) Biên bản thương thảo hợp đồng; đ) Các nội dung nêu trong E-HSDT và văn bản giải thích làm rõ E-HSDT của nhà thầu trúng thầu (nếu có); e) Các yêu cầu nêu trong E-HSMT và văn bản làm rõ, sửa đổi E-HSMT (nếu có). <p>33.2. Sau khi nhận được thông báo trúng thầu, trong thời hạn quy định tại E-BDL, các bên tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng. Quá thời hạn nêu trên, nếu nhà thầu từ chối vào hoàn thiện, ký kết hợp đồng thì chủ đầu tư xem xét, quyết định huỷ kết quả lựa chọn nhà thầu trước đó và quyết định lựa chọn nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo hợp đồng theo quy định tại Mục 27 E-CDNT. Trong trường hợp đó, nhà thầu sẽ được chủ đầu tư yêu cầu gia hạn hiệu lực E-HSDT, nếu cần thiết.</p> <p>33.3. Trường hợp nhà thầu trúng thầu từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng mà không có lý do chính đáng thì chủ đầu tư đăng tải thông tin nhà thầu vi phạm lên Hệ thống để các chủ đầu tư có cơ sở đánh giá về uy tín của nhà thầu trong các lần tham dự thầu tiếp theo.</p> <p>33.4. Sau khi hoàn thiện hợp đồng, chủ đầu tư và nhà thầu sẽ ký kết hợp đồng. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, E-HSDT của nhà thầu được lựa chọn còn hiệu lực.</p>
34. Giải quyết kiến nghị trong đấu thầu	<p>34.1. Đối với gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Đấu thầu</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Khi thấy quyền và lợi ích hợp pháp bị ảnh hưởng, nhà thầu, cơ quan, tổ chức được kiến nghị Hội đồng giải quyết kiến nghị, người có thẩm quyền, chủ đầu tư xem xét lại các vấn đề trong quá trình lựa chọn nhà thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định tại Điều 89 của Luật Đấu thầu và các Điều 137, 138 và 139 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP. b) Trường hợp kiến nghị lên chủ đầu tư, nhà thầu, cơ quan, tổ chức gửi kiến

	<p>nghị trực tiếp trên Hệ thống. Trường hợp kiến nghị lên Hội đồng giải quyết kiến nghị, người có thẩm quyền, nhà thầu gửi kiến nghị theo địa chỉ quy định tại E-BDL.</p> <p>34.2. Đối với hoạt động lựa chọn nhà thầu quy định tại điểm d khoản 7 Điều 3 Luật Đấu thầu hoặc hoạt động lựa chọn nhà thầu không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Đấu thầu, việc giải quyết kiến nghị thực hiện Theo quy định tại E-BDL.</p>
--	---

Chương II. BẢNG DỮ LIỆU ĐẦU THẦU

E-CDNT 1.1	Tên chủ đầu tư: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Đức Hòa
E-CDNT 1.2	Tên gói thầu: Chi phí giám sát thi công xây dựng Tên dự án: Đường Đức Hòa Đông- Kênh 6- Cống Bà Bông
E-CDNT 3	Nguồn vốn: Ngân sách huyện và Ngân sách tỉnh
E-CDNT 5.1 (c)	<p>Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhà thầu tham dự thầu không có cổ phần hoặc vốn góp trên 30% với: <i>Chủ đầu tư: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Đức Hòa; Địa chỉ: Ấp Khiêm Cường, Xã Hậu Nghĩa, Tỉnh Tây Ninh.</i> + Trường hợp nhà thầu, chủ đầu tư là công ty mẹ, công ty con, công ty thành viên trong tập đoàn kinh tế nhà nước, tổng công ty nhà nước, nhà thầu được tham dự gói thầu của chủ đầu tư nếu sản phẩm, dịch vụ thuộc gói thầu đó thuộc ngành nghề sản xuất kinh doanh chính của tập đoàn kinh tế nhà nước, tổng công ty nhà nước. + Trường hợp nhà thầu là đơn vị sự nghiệp công lập, nhà thầu tham dự thầu không cùng thuộc một cơ quan hoặc tổ chức trực tiếp quản lý với chủ đầu tư, trừ trường hợp: nhà thầu là đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ quan quản lý nhà nước có chức năng, nhiệm vụ được giao phù hợp với tính chất gói thầu của cơ quan quản lý nhà nước đó; các đơn vị sự nghiệp công lập có cùng một cơ quan trực tiếp quản lý. + Đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp có cùng một cơ quan trực tiếp quản lý, góp vốn khi tham dự thầu các gói thầu của nhau không phải đáp ứng quy định độc lập về pháp lý và độc lập về tài chính giữa nhà thầu với chủ đầu tư. - Nhà thầu tham dự thầu không có cổ phần hoặc vốn góp với các nhà thầu tư vấn; không cùng có cổ phần hoặc vốn góp trên 20% của một tổ chức, cá nhân khác với từng bên, cụ thể như sau: <ul style="list-style-type: none"> + Tư vấn lập E-HSMT: Công ty TNHH TM Xây dựng Song Khánh Phát, địa chỉ: Số 10, Ấp Thành Bắc, Xã Đông Thành, Tỉnh Tây Ninh. + Tư vấn thẩm định E-HSMT: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Đức Hòa; Địa chỉ: Ấp Khiêm Cường, Xã Hậu Nghĩa, Tỉnh Tây Ninh; + Tư vấn đánh giá E-HSDT: Công ty TNHH TM Xây dựng Song Khánh Phát, địa chỉ: Số 10, Ấp Thành Bắc, Xã Đông Thành, Tỉnh Tây Ninh. + Tư vấn thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Đức Hòa; Địa chỉ: Ấp Khiêm Cường, Xã Hậu Nghĩa, Tỉnh Tây Ninh;

	<p>+ Nhà thầu tham dự thầu phải độc lập với nhà thầu xây lắp.</p> <p>Nhà thầu tham dự thầu không cùng thuộc một cơ quan hoặc tổ chức trực tiếp quản lý với nhà thầu tư vấn (đã nêu trên)¹.</p> <p>Tỷ lệ cổ phần, vốn góp giữa các bên được xác định tại thời điểm đóng thầu và theo tỷ lệ ghi trong giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập, các giấy tờ khác có giá trị tương đương.</p> <p>Trường hợp nhà thầu tham dự thầu với tư cách liên danh hoặc nhà thầu tư vấn được lựa chọn với tư cách liên danh, tỷ lệ sở hữu vốn của tổ chức, cá nhân khác trong liên danh được xác định theo công thức sau:</p> $\text{Tỷ lệ sở hữu vốn} = \sum_{i=1}^n X_i \times Y_i$ <p>Trong đó: Xi: Là tỷ lệ sở hữu vốn của tổ chức, cá nhân khác trong thành viên liên danh thứ i; Yi: Là tỷ lệ phần trăm (%) khối lượng công việc của thành viên liên danh thứ i trong thỏa thuận liên danh; n: Là số thành viên tham gia trong liên danh.</p>
E-CDNT 7.3	Hội nghị tiền đấu thầu: Không.
E-CDNT 7.7	Thời gian sửa đổi E-HSMT đối với gói thầu tư vấn đơn giản hoặc gói thầu tư vấn cấp bách cần thực hiện ngay do yêu cầu về tiến độ là 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu.
E-CDNT 8	Chi phí nộp E-HSDT: 330.000 VND.
E-CDNT 10.3	<p>Nhà thầu phải nộp cùng với E-HSDT các tài liệu sau đây:</p> <p>Bản scan màu từ bản gốc hoặc bản chụp được chứng thực tại cơ quan có thẩm quyền các tài liệu sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các tài liệu chứng minh năng lực kinh nghiệm, kỹ thuật (bao gồm thuyết minh các phương án kỹ thuật, hợp đồng tương tự, tài liệu chứng minh về nhân sự theo yêu cầu của E-HSMT). - Để chứng minh nhân sự do nhà thầu đề xuất phải cung cấp: hợp đồng lao động không xác định thời hạn ký với nhà thầu (còn hiệu lực và hợp pháp); hoặc cam kết của nhân sự với nhà thầu về việc thực hiện gói thầu trên (với trường hợp nhà thầu sử dụng nhân sự không thuộc quản lý của nhà thầu, đồng thời nêu rõ lý do); Phải có đính kèm Căn cước công dân của các nhân sự đề xuất. Tất cả tài liệu như bằng cấp, chứng chỉ, chứng nhận, hợp đồng lao động phải còn hiệu lực tính đến thời điểm đóng thầu của gói thầu đang xét. <p>Đối với nhà thầu liên danh: năng lực kinh nghiệm được xác định bằng tổng năng lực kinh nghiệm của các thành viên trong liên danh đồng thời phải đảm bảo từng thành viên liên danh đáp ứng năng lực</p>

¹ Chỉ đánh giá nội dung này đối với nhà thầu là đơn vị sự nghiệp.

	<p>kinh nghiệm đối với quy mô công việc mà mình đảm nhiệm theo thỏa thuận liên danh.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kinh nghiệm làm việc của nhân sự đề xuất: là thời gian tính từ hợp đồng kinh nghiệm tham gia đầu tiên đến thời điểm đóng thầu mà nhà thầu cung cấp trong hồ sơ dự thầu. - Để chứng minh năng lực kinh nghiệm của nhân sự tham gia thực hiện công trình tương tự, nhà thầu cung cấp: Bản xác nhận từ chủ đầu tư cho tất cả và toàn bộ nhân sự tham gia thực hiện giám sát công trình tương tự đó. Xác nhận cần nêu rõ thời gian tham gia tương ứng của từng nhân sự, vai trò cụ thể của nhân sự trong công trình tương tự (trường hợp xác nhận của chủ đầu tư chỉ ghi chung chung là giám sát viên, nhà thầu cần phải xin xác nhận vai trò cụ thể của nhân sự trong gói thầu là trách nhiệm, an toàn lao động, hay hiện trường, thanh quyết toán). Kinh nghiệm của nhân sự trong công trình tương tự được xem là đạt yêu cầu khi nhân sự đã thực hiện và hoàn thành toàn bộ công trình tương tự đó. - Với các nhân sự không có tên trong biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình, nhà thầu cần cung cấp xác nhận từ chủ đầu tư. Trường hợp xác nhận của chủ đầu tư có điểm chưa rõ hoặc xác nhận có điểm không khớp với nội dung kê khai khác của nhà thầu, nhà thầu cần chuẩn bị sẵn hồ sơ mời thầu, hồ sơ dự thầu, các biên bản nghiệm thu công việc, nghiệm thu giai đoạn của công trình tương tự (có liên quan đến nhân sự chứng minh kinh nghiệm) để chủ đầu tư đối chiếu làm rõ, trường hợp nhà thầu không cung cấp được các tài liệu trên, nhà thầu sẽ bị đánh giá không đạt ở mục tương ứng. - Các nhân sự chủ chốt không được đảm nhận quá 01 nhiệm vụ trong gói thầu. - Tất cả thời gian được nêu trong E-HSMT được tính chính xác theo ngày. Ví dụ thời gian để tính kinh nghiệm của nhân sự: được tính chính xác theo ngày, căn cứ trên ngày cấp bằng, chứng chỉ, chứng nhận, biên bản...) tính đến thời điểm đóng thầu của gói thầu đang xét. - Chi tiết xem file E-HSMT đính kèm.
E-CDNT 12.2	Phân tích chi phí thù lao cho chuyên gia: <i>Không áp dụng</i>
E-CDNT 14.3	Đề xuất thời gian làm việc của nhân sự chủ chốt: Không áp dụng.
E-CDNT 15.1	Thời gian có hiệu lực của E-HSDT: ≥ 90 ngày, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.
E-CDNT 19.1	<p>Phương pháp đánh giá E-HSDT là:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá về kỹ thuật: Chấm điểm - Đánh giá về giá: Phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá.
E-CDNT 21.2	Xếp hạng nhà thầu: <i>Nhà thầu có điểm tổng hợp cao nhất được xếp thứ nhất.</i>
E-CDNT 26.3	Giá trị tối đa dành cho nhà thầu phụ: 10% giá dự thầu của nhà thầu.

E-CDNT 28.4	Giá gói thầu để làm căn cứ xét duyệt trúng thầu: bao gồm chi phí dự phòng cho các yếu tố rủi ro về khối lượng công việc và trượt giá có thể xảy ra trong quá trình thực hiện hợp đồng tương ứng với trách nhiệm quản lý rủi ro giao cho nhà thầu; trường hợp gói thầu tư vấn đơn giản, thời gian thực hiện gói thầu ngắn, không phát sinh rủi ro, trượt giá thì chi phí cho các yếu tố rủi ro và chi phí trượt giá được tính bằng 0 (đồng).
E-CDNT 31	- Tùy chọn mua thêm: không áp dụng.
E-CDNT 33.2	Các bên tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu.
E-CDNT 34.1 (b)	<p>- Người có thẩm quyền: Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh. + Địa chỉ: Số 61 đường Nguyễn Huệ, phường Long An, tỉnh Tây Ninh; + E-mail: ubnd@tayninh.gov.vn</p> <p>- Bộ phận thường trực giúp việc cho Chủ tịch Hội đồng giải quyết kiến nghị: Sở Tài chính tỉnh Tây Ninh. + Địa chỉ: Số 61 Trương Định, phường Long An, tỉnh Tây Ninh. + E-mail: stc@tayninh.gov.vn</p>
E-CDNT 34.2	<p>Khi thấy quyền và lợi ích hợp pháp bị ảnh hưởng, nhà thầu, cơ quan, tổ chức được kiến nghị theo quy trình sau:</p> <p>Quy trình giải quyết kiến nghị được thực hiện theo Chương XII trong Nghị định 214/2025/NĐ-CP.</p> <p>Địa chỉ của cá nhân/tổ chức/đơn vị giải quyết kiến nghị: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Đức Hòa. Địa chỉ: Ấp Khiêm Cương, xã Hậu Nghĩa, tỉnh Tây Ninh.</p> <p>Email của cá nhân/tổ chức/đơn vị giải quyết kiến nghị: bql daxdduchoa@longan.gov.vn</p>

Chương III. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ E-HSDT

Mục 1. Đánh giá tính hợp lệ của E-HSDT

E-HSDT của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

STT	Nội dung
1	Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế. Trường hợp thời điểm đóng thầu sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, yêu cầu đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế áp dụng đối với năm tài chính trước năm Y (năm Y-1) (Ví dụ: thời điểm đóng thầu là vào ngày 20/3/2024, năm tài chính của nhà thầu kết thúc vào ngày 31/12 thì nhà thầu phải chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm 2022);
2	Trường hợp nhà thầu liên danh thì trong thỏa thuận liên danh phải nêu rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục công việc nêu trong điều khoản tham chiếu, đề xuất kỹ thuật, không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này;
3	Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu;
4	Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 5 E-CDNT;
5	Không trong trạng thái bị tạm ngừng, chấm dứt tham gia Hệ thống;
6	Có chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng được cơ quan có thẩm quyền cấp có phạm vi hoạt động xây dựng là Giám sát công trình giao thông hoặc tự công khai thông tin về năng lực hoạt động xây dựng theo quy định của nghị định 175/2024/NĐ-CP.
	Đối với nhà thầu liên danh, tất cả các thành viên liên danh đều phải đáp ứng yêu cầu này. Nhà thầu có E-HSDT hợp lệ được xem xét, đánh giá trong các bước tiếp theo.

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

2.1. Việc đánh giá về kỹ thuật đối với từng E-HSDT được thực hiện theo phương pháp chấm điểm, trong đó phải quy định mức điểm tối đa đối với các tiêu chuẩn tổng quát, tiêu chuẩn chi tiết; quy định mức điểm tối thiểu đối với tiêu chuẩn tổng quát và chi tiết của các nội dung giải pháp và phương pháp luận, nhân sự chủ chốt. Đối với tiêu chuẩn về kinh nghiệm và năng lực của nhà thầu, căn cứ tính chất gói thầu để xác định sự cần thiết quy định hoặc không quy định điểm tối thiểu đối với tiêu chuẩn tổng quát này. Việc đánh giá hợp đồng tương tự của nhà thầu liên danh căn cứ vào khối lượng công việc của từng thành viên trong liên danh đảm nhận.

Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật bao gồm các nội dung sau đây:

Bảng số 01 (Webform trên Hệ thống)

TT	Tiêu chuẩn đánh giá	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
1	Kinh nghiệm và năng lực của nhà thầu (Từ 0 đến 15% tổng số điểm)	15		10,5
1.1	Kinh nghiệm thực hiện hợp đồng tương tự: Số lượng hợp đồng tương tự ⁽¹⁾ đã thực hiện và hoàn thành công tác tư vấn giám sát cho công trình giao thông từ cấp III trở lên, trong vòng 03 năm gần đây tính đến thời điểm đóng thầu:	13		
	Có ≥ 02 hợp đồng tương tự		13	
	Có 01 hợp đồng tương tự		9,1	
	Không có công trình tương tự		0	
	<p>(1) Hợp đồng tương tự là: loại công trình giao thông đường bộ, cấp III trở lên, có tính chất tương tự gói thầu đang xét: có nền đường, mặt đường nhựa, mặt đường BTXM, thoát nước (bao gồm cống dọc, cống ngang, rọ đá).</p> <p>* Tài liệu chứng minh hợp đồng tương tự:</p> <p>1/ Hợp đồng, các phụ lục hợp đồng (nếu có). Bản gốc hoặc chứng thực.</p> <p>2/ Biên bản nghiệm thu hoàn thành hoặc biên bản thanh lý hợp đồng. Bản gốc hoặc chứng thực.</p> <p>3/ Hóa đơn VAT. Bản gốc hoặc chứng thực</p> <p>4/ Các tài liệu để chứng minh loại, cấp và quy mô công trình (Quyết định phê duyệt dự án/Phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công/Phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật,...) của cấp có thẩm quyền.</p> <p>+ Đối với các dự án không sử dụng vốn ngân sách nhà nước thì nhà thầu phải cung cấp các tài liệu, văn bản của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp cho dự án như: giấy phép xây dựng hoặc các tài liệu có tính pháp lý tương đương khác để chứng minh loại, cấp và quy mô công trình.</p> <p>Hợp đồng thiếu một trong các tài liệu chứng minh trên (kể cả sau khi làm rõ) sẽ được đánh giá là không đáp ứng yêu cầu.</p> <p>Nhà thầu phải chuẩn bị sẵn sàng file scan bản vẽ một số hạng mục chính của công trình tương tự (nhằm làm rõ quy mô công trình) khi được yêu cầu.</p> <p>Ghi chú:</p>			

TT	Tiêu chuẩn đánh giá	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
	+ Đối với nhà thầu liên danh: năng lực kinh nghiệm được xác định bằng tổng năng lực kinh nghiệm của các thành viên trong liên danh đồng thời phải đảm bảo từng thành viên liên danh đáp ứng năng lực kinh nghiệm đối với quy mô công việc mà mình đảm nhiệm theo thỏa thuận liên danh.			
1.2	<p>Bố trí máy móc thiết bị:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Máy vi tính: ≥ 02 (bộ); - Máy in: ≥ 01 (máy); - Máy toàn đạc điện tử/ kinh vĩ: ≥ 01 (máy); - Máy thủy bình: ≥ 01 (máy); <p>Nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh sở hữu nếu thiết bị thuộc sở hữu của nhà thầu, nếu thiết bị đi thuê nhà thầu cung cấp hợp đồng nguyên tắc và tài liệu chứng minh sở hữu của bên cho thuê.</p> <p>Riêng đối với Máy thủy bình, máy toàn đạc điện tử/ kinh vĩ, nhà thầu phải cung cấp kiểm định của thiết bị còn hạn tính tới thời điểm đóng thầu.</p>	2		
	Bố trí đầy đủ thiết bị theo yêu cầu		2	
	Bố trí thiếu 01 thiết bị theo yêu cầu		1,4	
	Bố trí thiếu > 01 thiết bị theo yêu cầu		0	
2	Uy tín của nhà thầu (5% tổng số điểm)	5		
	<p><i>Uy tín của nhà thầu thông qua việc tham dự thầu, kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu:</i></p> <p><i>Trong thời gian 05 năm trở lại đây tính đến thời điểm đóng thầu:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhà thầu có cam kết không bị kết luận vi phạm uy tín thông qua việc tham dự thầu, kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/08/2025. - Nhà thầu không có hợp đồng chậm tiến độ hoặc bỏ dở hoàn thành do lỗi của nhà thầu. - Nhà thầu chưa từng bị cơ quan hoặc tổ chức kết luận có hành vi cung cấp tài liệu không trung thực trong quá trình tham dự thầu trước đây. <p><i>Lưu ý:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhà thầu cam kết thông tin một cách trung thực, trường hợp bên mời thầu phát hiện nhà thầu có nội dung cam kết không trung thực thì được coi là có hành 	5		

TT	Tiêu chuẩn đánh giá	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
	<i>vi gian lận theo quy định tại khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và E-HSĐT của nhà thầu sẽ bị loại. - Đối với liên danh dự thầu: Từng thành viên trong liên danh phải có cam kết đáp ứng theo yêu cầu mới được đánh giá là đạt.</i>			
	Có bản cam kết đầy đủ kèm theo trong E-HSĐT các nội dung theo yêu cầu.		5	
	Không có cam kết hoặc có cam kết kèm theo trong E-HSĐT nhưng không đầy đủ hoặc không đáp ứng theo yêu cầu (kể cả sau khi làm rõ E-HSĐT).		0	
3	Giải pháp và phương pháp luận	30		21
3.1	Hiểu rõ mục đích gói thầu	3		2,1
3.1.1	Thuyết minh hiểu biết về vị trí công trình, tuyến, giao thông, điều kiện tự nhiên, xã hội của khu vực có dự án	1		
	Đầy đủ, rõ ràng, chi tiết, chính xác		1	
	Đầy đủ, rõ ràng, chi tiết, có 01 điểm thiếu sót hoặc chưa chính xác so với yêu cầu nêu trên.		0,7	
	Không đầy đủ hoặc không rõ ràng hoặc không chi tiết hoặc có ≥ 02 điểm thiếu sót so với yêu cầu nêu trên.		0	
3.1.2	Thuyết minh hiểu biết về quy mô xây dựng công trình, am hiểu về mục tiêu và nhiệm vụ của dự án đã nêu trong điều khoản tham chiếu. Phạm vi công việc giám sát, tiến độ thi công công trình. Quyền và nghĩa vụ của tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình.	1		
	Đầy đủ, rõ ràng, chi tiết, chính xác.		1	
	Đầy đủ, rõ ràng, chi tiết, có 01 điểm thiếu sót hoặc chưa chính xác so với yêu cầu nêu trên.		0,7	
	Không đầy đủ hoặc không rõ ràng hoặc không chi tiết hoặc có ≥ 02 điểm thiếu sót so với yêu cầu nêu trên.		0	
3.1.3	Khảo sát hiện trường dự án (đề xuất về kỹ thuật có các hình minh họa vị trí, tuyến của các dự án hợp phần)	1		
	Đầy đủ, rõ ràng, chi tiết, chính xác.		1	
	Đầy đủ, rõ ràng, chi tiết, có 01 điểm thiếu sót hoặc chưa chính xác so với yêu cầu nêu trên.		0,7	
	Không đầy đủ hoặc không rõ ràng hoặc không chi tiết hoặc có ≥ 02 điểm thiếu sót so với yêu cầu nêu trên.		0	
3.2	Cách tiếp cận và phương pháp luận	11		7,7

TT	Tiêu chuẩn đánh giá	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
3.2.1	Thuyết minh các cơ sở để thực hiện công tác giám sát, vai trò và trách nhiệm của tư vấn giám sát, hiểu biết của nhà thầu về 04 nội dung tổng quát của công tác giám sát: chất lượng, tiến độ, khối lượng, an toàn lao động - vệ sinh lao động.	1		
	Đầy đủ, rõ ràng, chi tiết, chính xác.		1	
	Đầy đủ, rõ ràng, chi tiết, có 01 điểm thiếu sót hoặc chưa chính xác so với yêu cầu nêu trên.		0,7	
	Không đầy đủ hoặc không rõ ràng hoặc không chi tiết hoặc có ≥ 02 điểm thiếu sót so với yêu cầu nêu trên.		0	
3.2.2	Thuyết minh nội dung giám sát thi công các công tác: thanh thải di dời các công trình hiện hữu; sửa chữa mặt đường hiện hữu trước khi thi công, phát quang, vét hữu cơ, đào khuôn, đắp nền đường, taluy đường, sỏi đỏ, cấp phối đá dăm các lớp; bê tông nhựa; vuốt nổi.	2		
	Đầy đủ, rõ ràng, chi tiết, chính xác.		2	
	Đầy đủ, rõ ràng, chi tiết, có 01 điểm thiếu sót hoặc chưa chính xác so với yêu cầu nêu trên.		1,4	
	Không đầy đủ hoặc không rõ ràng hoặc không chi tiết hoặc có ≥ 02 điểm thiếu sót hoặc chưa chính xác so với yêu cầu nêu trên.		0	
3.2.3	Thuyết minh nội dung giám sát thi công các công tác: cống các loại, hố ga, cửa xả, rọ đá, bó vỉa, cù tràm; bê tông, cốt thép, phụ trợ thi công, thép hình; ván khuôn.	2		
	Đầy đủ, rõ ràng, chi tiết, chính xác.		2	
	Đầy đủ, rõ ràng, chi tiết, có 01 điểm thiếu sót hoặc chưa chính xác so với yêu cầu nêu trên.		1,4	
	Không đầy đủ hoặc không rõ ràng hoặc không chi tiết hoặc có ≥ 02 điểm thiếu sót hoặc chưa chính xác so với yêu cầu nêu trên.		0	
3.2.4	Thuyết minh các nội dung của các công tác giám sát thi công: di dời điện; điện chiếu sáng, di dời ống nước, an toàn giao thông, tổ chức giao thông; đảm bảo giao thông, đào móng, móng, đà kiềng, cột; xây tường gạch, tô trát, sơn nước.	1,5		
	Đầy đủ, rõ ràng, chi tiết, chính xác.		1,5	
	Đầy đủ, rõ ràng, chi tiết, có 01 điểm thiếu sót hoặc chưa chính xác so với yêu cầu nêu trên.		1,05	
	Không đầy đủ hoặc không rõ ràng hoặc không chi tiết hoặc có ≥ 02 điểm thiếu sót hoặc chưa chính xác so với yêu cầu nêu trên.		0	

TT	Tiêu chuẩn đánh giá	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
3.2.5	Thuyết minh hệ thống quản lý chất lượng công tác giám sát. Có sơ đồ tổ chức, kế hoạch huy động, biểu đồ công tác, lịch bố trí nhân sự tại hiện trường phù hợp với công tác, phù hợp với sơ đồ tổ chức công ty, E-HSMT và đề xuất của E-HSĐT.	1		
	Đầy đủ, rõ ràng, chi tiết, chính xác.		1	
	Đầy đủ, rõ ràng, chi tiết, có 01 điểm thiếu sót hoặc chưa chính xác so với yêu cầu nêu trên.		0,7	
	Không đầy đủ hoặc không rõ ràng hoặc không chi tiết hoặc có ≥ 02 điểm thiếu sót so với yêu cầu nêu trên.		0	
3.2.6	Thuyết minh quy trình kiểm soát và theo dõi vật liệu đầu vào, thiết bị sử dụng, quy trình giám sát lấy mẫu và thí nghiệm các vật liệu chính, kiểm tra năng lực của đơn vị thí nghiệm, lán trại và kho bãi tập kết, phù hợp với E-HSMT và đề xuất của E-HSĐT	1		
	Đầy đủ, rõ ràng, chi tiết, chính xác.		1	
	Đầy đủ, rõ ràng, chi tiết, có 01 điểm thiếu sót hoặc chưa chính xác so với yêu cầu nêu trên.		0,7	
	Không đầy đủ hoặc không rõ ràng hoặc không chi tiết hoặc có ≥ 02 điểm thiếu sót hoặc chưa chính xác so với yêu cầu nêu trên.		0	
3.2.7	Thuyết minh quy trình giám sát đặc công trình, phù hợp với E-HSMT và đề xuất của E-HSĐT	0,5		
	Đầy đủ, rõ ràng, chi tiết, chính xác.		0,5	
	Đầy đủ, rõ ràng, chi tiết, có 01 điểm thiếu sót hoặc chưa chính xác so với yêu cầu nêu trên.		0,35	
	Không đầy đủ hoặc không rõ ràng hoặc không chi tiết hoặc có ≥ 02 điểm thiếu sót hoặc chưa chính xác so với yêu cầu nêu trên.		0	
3.2.8	Thuyết minh quy trình giám sát an toàn lao động và bảo vệ môi trường cho các công tác thi công ở mục 3.2.2, 3.2.3, 3.2.4; Công tác giám sát thi công trong điều kiện thời tiết bất lợi.	1,5		
	Đầy đủ, rõ ràng, chi tiết, chính xác.		1,5	
	Đầy đủ, rõ ràng, chi tiết, có 01 điểm thiếu sót hoặc chưa chính xác so với yêu cầu nêu trên.		1,05	
	Không đầy đủ hoặc không rõ ràng hoặc không chi tiết hoặc có ≥ 02 điểm thiếu sót hoặc chưa chính xác so với yêu cầu nêu trên.		0	

TT	Tiêu chuẩn đánh giá	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
3.2.9	Thuyết minh quy trình quản lý và biện pháp phòng ngừa sai sót trong thi công; liệt kê các sai sót hư hỏng hay gặp và biện pháp sửa chữa sai sót, hư hỏng trong quá trình thi công	0,5		
	Đầy đủ, rõ ràng, chi tiết, chính xác.		0,5	
	Đầy đủ, rõ ràng, chi tiết, có 01 điểm thiếu sót hoặc chưa chính xác so với yêu cầu nêu trên.		0,35	
	Không đầy đủ hoặc không rõ ràng hoặc không chi tiết hoặc có ≥ 02 điểm thiếu sót hoặc chưa chính xác so với yêu cầu nêu trên.		0	
3.3	Sáng kiến cải tiến	1		0,7
	Đề xuất các sáng kiến cải tiến để thực hiện tốt hơn các công việc nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện gói thầu: cách tiếp cận, phương pháp luận của nhà thầu tư vấn chuyên nghiệp và tiên tiến, có đề xuất cụ thể cách áp dụng công nghệ để tăng hiệu quả cho công việc.			
	Đầy đủ, hợp lý, rõ ràng, chính xác.		1	
	Có 01 điểm thiếu sót so hoặc chưa chính xác với yêu cầu nêu trên		0,7	
	Có ≥ 02 điểm thiếu sót hoặc chưa chính xác so với yêu cầu nêu trên		0	
3.4	Cách trình bày	2		1,4
	Đề xuất được kết cấu và trình bày một cách khoa học, đầy đủ, rõ ràng, hợp lý, dễ theo dõi, đúng trình tự các nội dung theo E-HSMT quy định.			
	Trình bày khoa học, logic, rõ ràng, hợp lý, dễ đọc, dễ theo dõi, đúng theo mẫu quy định		2	
	Có 01 điểm thiếu sót hoặc chưa chính xác so với yêu cầu nêu trên		1,4	
	Có ≥ 02 điểm thiếu sót hoặc chưa chính xác so với yêu cầu nêu trên		0	
3.5	Kế hoạch triển khai	7		4,9
3.5.1	Kế hoạch công việc bao gồm tất cả các nhiệm vụ để thực hiện gói thầu. Mỗi một nhiệm vụ cụ thể phải được phân tích, mô tả một cách hoàn chỉnh, rõ ràng, chính xác, hợp lý.	2		
	Đầy đủ, rõ ràng, chính xác, hợp lý.		2	
	Có 01 điểm thiếu sót hoặc chưa chính xác so với yêu cầu nêu trên		1,4	

TT	Tiêu chuẩn đánh giá	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
	Có ≥ 02 điểm thiếu sót hoặc chưa chính xác so với yêu cầu nêu trên		0	
3.5.2	Kế hoạch triển khai phù hợp với phương pháp luận và giải pháp kỹ thuật, phù hợp tiến độ dự kiến, có biểu đồ tiến độ và phân bổ nhân sự cụ thể kèm theo.	4		
	Đầy đủ, rõ ràng, chính xác, hợp lí.		4	
	Có 01 điểm thiếu sót hoặc chưa chính xác so với yêu cầu nêu trên		2,8	
	Có ≥ 02 điểm thiếu sót hoặc chưa chính xác so với yêu cầu nêu trên		0	
3.5.3	Các bảng biểu mô tả kế hoạch thực hiện công việc và tiến độ nộp báo cáo.	1		
	Đầy đủ, rõ ràng, chính xác.		1	
	Có 01 điểm thiếu sót hoặc chưa chính xác		0,7	
	Có ≥ 02 điểm thiếu sót hoặc chưa chính xác		0	
3.6	Bố trí nhân sự hợp lý	6		4,2
3.6.1	Nhân sự được bố trí phải có phân công trách nhiệm đầy đủ, rõ ràng, chi tiết, hợp lí cho từng thành viên trong tổ tư vấn theo yêu cầu của E-HSMT và đề xuất của E-HSDT.	1,5		
	Đầy đủ, rõ ràng, chi tiết, hợp lí		1,5	
	Có 01 điểm thiếu sót hoặc chưa chính xác so với yêu cầu nêu trên		1,05	
	Có ≥ 02 điểm thiếu sót hoặc chưa chính xác so với yêu cầu nêu trên		0	
3.6.2	Thời điểm và thời gian huy động tư vấn (căn cứ trên tiến độ và kế hoạch thi công do nhà thầu tự đề xuất), phù hợp E-HSMT và đề xuất của E-HSDT	4,5		
	Thời điểm và thời gian huy động tư vấn phù hợp với kế hoạch triển khai đề xuất, phù hợp E-HSMT và đề xuất của E-HSDT		4,5	
	Thời điểm và thời gian huy động tư vấn có 01 điểm chưa phù hợp với kế hoạch triển khai đề xuất hoặc chưa phù hợp E-HSMT và hoặc chưa phù hợp đề xuất của E-HSDT		3,15	
	Thời điểm và thời gian huy động tư vấn có ≥ 02 điểm chưa phù hợp với kế hoạch triển khai đề xuất hoặc chưa phù hợp E-HSMT và hoặc chưa phù hợp đề xuất của E-HSDT		0	
4	Nhân sự chủ chốt	50		35,0

TT	Tiêu chuẩn đánh giá	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
4.1	<p>Giám sát trưởng: Yêu cầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có chứng chỉ hành nghề giám sát công trình giao thông (đường bộ) hạng III trở lên còn hiệu lực tính đến thời điểm đóng thầu. - Có chứng chỉ huấn luyện an toàn lao động và vệ sinh lao động. <p>(Nhân sự chỉ được xem xét đánh giá khi thỏa mãn các yêu cầu trên) Số lượng nhân sự: 01</p>	12		8,4
4.1.1	Kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực tư vấn giám sát thi công công trình giao thông (đường bộ), tính từ ngày thực hiện công việc tương tự đến ngày có thời điểm đóng thầu	3		
	Số năm kinh nghiệm ≥ 05 năm		3	
	Số năm kinh nghiệm ≥ 03 năm		2,1	
	Số năm kinh nghiệm < 03 năm		0	
4.1.2	Kinh nghiệm thực hiện tư vấn giám sát tại các hợp đồng tương tự (hợp đồng tương tự xem quy định tại mục 1.1, Bảng số 1-Webform)	9		
	Số lượng hợp đồng tương tự ≥ 02		9	
	Số lượng hợp đồng tương tự = 01		6,3	
	Số lượng hợp đồng tương tự = 0		0	
4.2	<p>Giám sát viên xây dựng giao thông (đường bộ): Yêu cầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có chứng chỉ hành nghề giám sát công trình giao thông (đường bộ) hạng III trở lên còn hiệu lực tính đến thời điểm đóng thầu. <p>(Nhân sự chỉ được xem xét đánh giá khi thỏa mãn các yêu cầu trên) Số lượng nhân sự: 02 <i>Nhà thầu đề xuất đủ 02 nhân sự đáp ứng yêu cầu mới được chấm điểm. Điểm đánh giá sẽ được tính bằng trung bình cộng giữa các nhân sự.</i></p>	12		8,4
4.2.1	Kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực tư vấn giám sát thi công công trình giao thông (đường bộ), tính từ ngày thực hiện công việc tương tự đến ngày có thời điểm đóng thầu	3		
	Số năm kinh nghiệm ≥ 04 năm		3	
	Số năm kinh nghiệm ≥ 03 năm		2,1	
	Số năm kinh nghiệm < 03 năm		0	

TT	Tiêu chuẩn đánh giá	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
4.2.2	Kinh nghiệm thực hiện tư vấn giám sát viên tại các hợp đồng tương tự (hợp đồng tương tự xem quy định tại mục 1.1, Bảng số 1-Webform).	9		
	Số lượng hợp đồng tương tự ≥ 02		9	
	Số lượng hợp đồng tương tự = 01		6,3	
	Số lượng hợp đồng tương tự = 0		0	
4.3	Giám sát viên xây dựng dân dụng: Yêu cầu: - Có chứng chỉ hành nghề giám sát công trình dân dụng hạng III trở lên còn hiệu lực tính đến thời điểm đóng thầu. (Nhân sự chỉ được xem xét đánh giá khi thỏa mãn các yêu cầu trên) Số lượng nhân sự: 01	5		3,5
4.3.1	Kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực tư vấn giám sát thi công công trình dân dụng, tính từ ngày thực hiện công việc tương tự đến ngày có thời điểm đóng thầu	1,5		
	Số năm kinh nghiệm ≥ 04 năm		1,5	
	Số năm kinh nghiệm ≥ 03 năm		1,05	
	Số năm kinh nghiệm < 03 năm		0	
4.3.2	Kinh nghiệm thực hiện tư vấn giám sát thi công tại các công trình/hạng mục công trình tương tự (công trình tường rào, cấp IV trở lên)	3,5		
	Số lượng công trình ≥ 02		3,5	
	Số lượng công trình = 01		2,45	
	Số lượng công trình = 0		0	
4.4	Giám sát viên hạng mục điện: Yêu cầu: - Có chứng chỉ hành nghề giám sát thi công xây dựng công trình đường dây và trạm biến áp hoặc chứng chỉ giám sát thi công xây dựng công trình công nghiệp (năng lượng) hoặc chứng chỉ giám sát lắp đặt thiết bị điện vào công trình, hạng III trở lên còn hiệu lực tính đến thời điểm đóng thầu. (Nhân sự chỉ được xem xét đánh giá khi thỏa mãn các yêu cầu trên) Số lượng nhân sự: 01	7		4,9
4.4.1	Kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực giám sát hạng mục điện công trình xây dựng hoặc công trình giao	2		

TT	Tiêu chuẩn đánh giá	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
	thông, tính từ ngày thực hiện công việc tương tự đến ngày có thời điểm đóng thầu			
	Số năm kinh nghiệm ≥ 05 năm		2	
	Số năm kinh nghiệm ≥ 03 năm		1,4	
	Số năm kinh nghiệm < 03 năm		0	
4.4.2	Kinh nghiệm thực hiện tư vấn giám sát điện thuộc công trình giao thông cấp III trở lên	5		
	Số lượng công trình ≥ 02		5	
	Số lượng công trình = 01		3,5	
	Số lượng công trình = 0		0	
4.5	Giám sát trắc đạc: Yêu cầu: - Tốt nghiệp cao đẳng trở lên thuộc một trong các chuyên ngành: địa chất, trắc địa, bản đồ, xây dựng công trình. (Nhân sự chỉ được xem xét đánh giá khi thỏa mãn các yêu cầu trên). Số lượng nhân sự: 01	7		4,9
4.5.1	Kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực tư vấn giám sát thi công công trình giao thông (đường bộ), tính từ ngày thực hiện công việc tương tự đến ngày có thời điểm đóng thầu	2		
	Số năm kinh nghiệm ≥ 05 năm		2	
	Số năm kinh nghiệm ≥ 03 năm		1,4	
	Số năm kinh nghiệm < 03 năm		0	
4.5.2	Kinh nghiệm thực hiện tư vấn giám sát trắc đạc tại các hợp đồng tương tự (hợp đồng tương tự xem quy định tại mục 1.1, Bảng số 1-Webform)	5		
	Số lượng hợp đồng tương tự ≥ 02		5	
	Số lượng hợp đồng tương tự = 01		3,5	
	Số lượng hợp đồng tương tự = 0		0	
4.6	Giám sát an toàn lao động và vệ sinh lao động: Yêu cầu: - Có trình độ chuyên môn thuộc ngành bảo hộ lao động hoặc ngành xây dựng có chứng chỉ huấn luyện an toàn lao động và vệ sinh lao động còn hiệu lực tính đến thời điểm đóng thầu.	7		4,9

TT	Tiêu chuẩn đánh giá	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
	(Nhân sự chỉ được xem xét đánh giá khi thỏa mãn các yêu cầu trên). Số lượng nhân sự: 01			
4.6.1	Kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực tư vấn giám sát thi công công trình giao thông (đường bộ), tính từ ngày thực hiện công việc tương tự đến ngày có thời điểm đóng thầu	2		
	Số năm kinh nghiệm ≥ 05 năm		2	
	Số năm kinh nghiệm ≥ 03 năm		1,4	
	Số năm kinh nghiệm < 03 năm		0	
4.6.2	Kinh nghiệm thực hiện tư vấn giám sát an toàn lao động và vệ sinh lao động tại các tại các hợp đồng tương tự (hợp đồng tương tự xem quy định tại mục 1.1, Bảng số 1-Webform)	5		
	Số lượng hợp đồng tương tự ≥ 02		5	
	Số lượng hợp đồng tương tự = 01		3,5	
	Số lượng hợp đồng tương tự = 0		0	
	Tổng cộng (100%)	100		70

* Nhân sự do nhà thầu đề xuất phải cung cấp: hợp đồng lao động không xác định thời hạn ký với nhà thầu (còn hiệu lực và hợp pháp); hoặc cam kết của nhân sự với nhà thầu về việc thực hiện gói thầu trên (với trường hợp nhà thầu sử dụng nhân sự không thuộc quản lý của nhà thầu, đồng thời nêu rõ lý do); Phải có đính kèm Căn cước công dân của các nhân sự đề xuất. Tất cả tài liệu như bằng cấp, chứng chỉ, chứng nhận, hợp đồng lao động phải còn hiệu lực tính đến thời điểm đóng thầu của gói thầu đang xét. Trường hợp trong E-HSDT không cung cấp hoặc cung cấp thiếu một trong các tài liệu trên (kể cả sau khi làm rõ), sẽ bị đánh giá là không đạt ở mục đánh giá nhân sự tương ứng.

* Đối với nhà thầu liên danh: năng lực kinh nghiệm được xác định bằng tổng năng lực kinh nghiệm của các thành viên trong liên danh đồng thời phải đảm bảo từng thành viên liên danh đáp ứng năng lực kinh nghiệm đối với quy mô công việc mà mình đảm nhiệm theo thỏa thuận liên danh.

* Kinh nghiệm làm việc của nhân sự đề xuất: là thời gian tính từ hợp đồng kinh nghiệm tham gia đầu tiên đến thời điểm đóng thầu mà nhà thầu cung cấp trong hồ sơ dự thầu.

* Để chứng minh năng lực kinh nghiệm của nhân sự tham gia thực hiện công trình tương tự, nhà thầu cần phải xin xác nhận từ chủ đầu tư cho tất cả và toàn bộ nhân sự tham gia thực hiện giám sát công trình tương tự đó. Xác nhận cần nêu rõ thời gian tham gia tương ứng của từng nhân sự, vai trò cụ thể của nhân sự trong công trình tương tự

(trường hợp xác nhận của chủ đầu tư chỉ ghi chung chung là giám sát viên, nhà thầu cần phải xin xác nhận vai trò cụ thể của nhân sự trong gói thầu là an toàn lao động, hay giao thông đường bộ, điện...). Kinh nghiệm của nhân sự trong công trình tương tự được xem là đạt yêu cầu khi nhân sự đã thực hiện và hoàn thành toàn bộ công trình tương tự đó.

* Với các nhân sự không có tên trong biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình, nhà thầu cần cung cấp xác nhận từ chủ đầu tư. Trường hợp xác nhận của chủ đầu tư có điểm chưa rõ hoặc xác nhận có điểm không khớp với nội dung kê khai khác của nhà thầu, nhà thầu cần chuẩn bị sẵn hồ sơ mời thầu, hồ sơ dự thầu, các biên bản nghiệm thu công việc, nghiệm thu giai đoạn của công trình tương tự (có liên quan đến nhân sự chứng minh kinh nghiệm) để chủ đầu tư đối chiếu làm rõ, trường hợp nhà thầu không cung cấp được các tài liệu trên, nhà thầu sẽ bị đánh giá không đạt ở mục tương ứng.

* Các nhân sự chủ chốt không được đảm nhận quá 01 nhiệm vụ trong gói thầu.

* Tất cả thời gian được nêu trong E-HSMT được tính chính xác theo ngày. Ví dụ thời gian để tính kinh nghiệm của nhân sự: được tính chính xác theo ngày.

2.2 Việc xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật cần đảm bảo các yêu cầu sau:

- *Tổng điểm cho các nội dung kinh nghiệm và năng lực, uy tín của nhà thầu thông qua việc tham dự thầu, kết quả thực hiện hợp đồng, giải pháp và phương pháp luận, nhân sự, yêu cầu về chuyển giao công nghệ (nếu có) là 100%.*

- *Đối với tiêu chuẩn đánh giá về nhân sự chủ chốt: chỉ đưa các tiêu chuẩn đánh giá về trình độ chuyên môn, năng lực, kinh nghiệm trên cơ sở phù hợp với vị trí công việc của mỗi nhân sự chủ chốt nêu tại khoản 4 của Bảng số 01 mà không đưa tiêu chuẩn đánh giá đối với nhân sự khác.*

- *Đối với gói thầu áp dụng phương pháp giá thấp nhất, phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá:*

+ *Mức điểm yêu cầu tối thiểu đối với tiêu chuẩn giải pháp và phương pháp luận, nhân sự, chuyển giao công nghệ (nếu có) không được quy định thấp hơn 60% điểm tối đa của tiêu chuẩn đó (không thấp hơn 70% đối với gói thầu tư vấn có yêu cầu kỹ thuật cao, đặc thù). E-HSMT không đáp ứng mức điểm yêu cầu tối thiểu đối với một hoặc các tiêu chuẩn giải pháp và phương pháp luận, nhân sự, chuyển giao công nghệ (nếu có) được đánh giá là không đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật;*

+ *Mức điểm yêu cầu tối thiểu về kỹ thuật không được quy định thấp hơn 70% tổng số điểm về kỹ thuật (80% đối với gói thầu tư vấn có yêu cầu kỹ thuật cao, đặc thù). E-HSMT có điểm kỹ thuật không thấp hơn mức điểm yêu cầu tối thiểu được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật.*

- *Đối với gói thầu áp dụng phương pháp dựa trên kỹ thuật:*

+ *Mức điểm yêu cầu tối thiểu đối với tiêu chuẩn giải pháp và phương pháp luận, nhân sự, chuyển giao công nghệ (nếu có) không được quy định thấp hơn 70% điểm tối đa của tiêu chuẩn đó. E-HSMT không đáp ứng mức điểm yêu cầu tối thiểu đối với một hoặc các tiêu chuẩn giải pháp và phương pháp luận, nhân sự, chuyển giao công nghệ (nếu có) được đánh giá là không đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật;*

+ Mức điểm yêu cầu tối thiểu về kỹ thuật không được quy định thấp hơn 80% tổng số điểm về kỹ thuật. E-HSDT có điểm kỹ thuật không thấp hơn mức điểm yêu cầu tối thiểu được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật.

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính

Căn cứ tính chất, quy mô của từng gói thầu cụ thể mà lựa chọn một trong các phương pháp dưới đây cho phù hợp.

3.2 Đối với phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá¹

Điểm giá được xác định như sau:

$$\text{Điểm giá}_{\text{đang xét}} = \frac{G_{\text{thấp nhất}} \times T}{G_{\text{đang xét}}}$$

Trong đó:

+ Điểm giá_{đang xét}: Điểm giá của E-HSĐXTC đang xét;

+ $G_{\text{thấp nhất}}$: Giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất trong số các nhà thầu được đánh giá chi tiết về tài chính (đối với gói thầu áp dụng loại hợp đồng theo thời gian). Đối với gói thầu áp dụng loại hợp đồng trọn gói và hợp đồng theo đơn giá là giá dự thầu sau giảm giá (nếu có) thấp nhất trong số các nhà thầu được đánh giá chi tiết về tài chính;

+ $G_{\text{đang xét}}$: Giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) của hồ sơ đề xuất về tài chính đang xét (đối với gói thầu áp dụng loại hợp đồng theo thời gian). Đối với gói thầu áp dụng loại hợp đồng trọn gói và hợp đồng theo đơn giá là giá dự thầu sau giảm giá (nếu có) của E-HSĐXTC đang xét;

+ T: Mức điểm tối đa kỹ thuật.

- Xác định điểm tổng hợp:

Điểm tổng hợp được xác định theo công thức sau đây:

$$\text{Điểm tổng hợp}_{\text{đang xét}} = K \times \text{Điểm kỹ thuật}_{\text{đang xét}} + G \times \text{Điểm giá}_{\text{đang xét}}$$

Trong đó:

+ Điểm kỹ thuật_{đang xét}: Là số điểm được xác định tại bước đánh giá về kỹ thuật;

+ Điểm giá_{đang xét}: Là số điểm được xác định tại bước đánh giá về giá;

+ K: Tỷ trọng điểm về kỹ thuật quy định trong thang điểm tổng hợp, chiếm tỷ lệ 80%;

+ G: Tỷ trọng điểm về giá quy định trong thang điểm tổng hợp, chiếm tỷ lệ từ 20%;

+ $K + G = 100\%$;

- Xếp hạng nhà thầu: E-HSDT có điểm tổng hợp cao nhất được xếp hạng thứ nhất.

¹ Đối với gói thầu áp dụng phương pháp giá thấp nhất hoặc phương pháp dựa trên kỹ thuật thì bỏ khoản này.

CHƯƠNG IV - BIỂU MẪU MỜI THẦU VÀ DỰ THẦU

STT	Biểu mẫu	Cách thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	
			Chủ đầu tư	Nhà thầu
1	Mẫu số 01. Hạng mục công việc của gói thầu	Webform	X	
E-HSDXKT				
2	Mẫu số 02. Đơn dự thầu thuộc E-HSDXKT			X
3	Mẫu số 03. Thỏa thuận liên danh	Scan đính kèm lên Hệ thống		X
4	Mẫu số 04. Cơ cấu tổ chức và kinh nghiệm của nhà thầu tư vấn			X
5	Mẫu số 05. Những góp ý (nếu có) để hoàn thiện nội dung điều khoản tham chiếu			X
6	Mẫu số 06. Giải pháp và phương pháp luận tổng quát do nhà thầu đề xuất để thực hiện dịch vụ tư vấn (DVTV)			X
7	Mẫu số 07: Lý lịch chuyên gia tư vấn			X
8	Mẫu số 08: Tiến độ thực hiện công việc	Webform		X
9	Mẫu số 09: Danh sách chuyên gia tham gia thực hiện DVTV			X
10	Mẫu số 10. Phạm vi công việc sử dụng nhà thầu phụ			X
E-HSDXTC				
11	Mẫu số 11. Đơn dự thầu thuộc E-HSDXTC			X
12	Mẫu số 12. Bảng thù lao cho chuyên gia			X
13	Mẫu số 12A. Bảng phân tích chi phí thù lao cho chuyên gia			X
14	Mẫu số 13. Chi phí khác cho chuyên gia			X
15	Mẫu số 14. Chi phí hạng mục công việc dựa trên đơn giá và khối lượng		X	
16	Mẫu số 15. Bảng tổng hợp chi phí		X	

Mẫu số 01 (Webform trên Hệ thống)

HẠNG MỤC CÔNG VIỆC CỦA GÓI THẦU

1. Phần công việc dựa trên đơn giá và khối lượng, áp dụng loại hợp đồng trọn gói

Mẫu số 01A

STT	Mô tả công việc	Đơn vị tính	Khối lượng
(1)	(2)	(3)	(4)
	<i>Dẫn chiếu đến yêu cầu nêu tại Điều khoản tham chiếu tại Chương V</i>		

2. Phần công việc dựa trên đơn giá và khối lượng, áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá

Mẫu số 01B

STT	Mô tả công việc	Đơn vị tính	Khối lượng
(1)	(2)	(3)	(4)
	<i>Dẫn chiếu đến yêu cầu nêu tại Điều khoản tham chiếu tại Chương V</i>		

3. Phần công việc dựa trên lương chuyên gia và chi phí khác ngoài lương, áp dụng loại hợp đồng trọn gói hoặc hợp đồng theo thời gian

Mẫu số 01C

STT	Mô tả công việc
<i>1</i>	Giám sát thi công xây dựng thuộc dự án Đường Đức Hòa Đông – Kênh 6 – Cống Bà Bông

Ghi chú:

- Mẫu số 01A áp dụng khi gói thầu bao gồm phần công việc dựa theo đơn giá và khối lượng, áp dụng loại hợp đồng trọn gói;
- Mẫu số 01B áp dụng khi gói thầu bao gồm phần công việc dựa theo đơn giá và khối lượng, áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá;
- Mẫu số 01C áp dụng cho phần công việc dựa trên lương chuyên gia và chi phí khác ngoài lương, áp dụng loại hợp đồng trọn gói hoặc hợp đồng theo thời gian;
- Trường hợp gói thầu có nhiều hạng mục công việc khác nhau thì có thể áp dụng đồng thời các Mẫu số 01A, 01B, 01C tương ứng cho từng hạng mục công việc.

Mẫu số 02 (Webform trên Hệ thống)

ĐƠN DƯ THẦU⁽¹⁾

(thuộc E-HSDXKT)

Ngày: ___ [Hệ thống tự động trích xuất]

Tên gói thầu: ___ [Hệ thống tự động trích xuất]

Kính gửi: ___ [Hệ thống tự động trích xuất]

Sau khi nghiên cứu E-HSMT, chúng tôi:

- Tên nhà thầu: ___ [Hệ thống tự động trích xuất], Mã số thuế: ___ [Hệ thống tự động trích xuất] cam kết thực hiện gói thầu ___ [Hệ thống tự động trích xuất] số E-TBMT: ___ [Hệ thống tự động trích xuất] theo đúng yêu cầu nêu trong E-HSMT.

Hiệu lực của E-HSDXKT: ___ [Hệ thống tự động trích xuất từ E-TBMT]

Chúng tôi cam kết:

1. Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản (không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh đối với nhà thầu là hộ kinh doanh).

2. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu.

3. Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu.

4. Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu⁽²⁾.

5. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật đấu thầu.

6. Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự (chủ hộ không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự trong trường hợp nhà thầu là hộ kinh doanh).

7. Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu, cản trở và các hành vi vi phạm quy định khác của pháp luật đấu thầu khi tham dự gói thầu này.

8. Những thông tin kê khai trong E-HSDT là trung thực.

9. Trường hợp trúng thầu, E-HSDT và các văn bản bổ sung, làm rõ E-HSDT tạo thành thỏa thuận ràng buộc trách nhiệm giữa hai bên cho tới khi hợp đồng được ký kết.

Ghi chú:

- (1) Đơn dự thầu được ký bằng chữ ký số của nhà thầu khi nhà thầu nộp E-HSDT.
- (2) E-HSMT không được yêu cầu nhà thầu phải nộp lý lịch tư pháp của nhân sự để chứng minh cho nội dung đánh giá này.

Mẫu số 03 (Webform trên Hệ thống)
THỎA THUẬN LIÊN DANH

Ngày: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Gói thầu: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Thuộc dự án/dự toán mua sắm: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Căn cứ⁽¹⁾ ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Căn cứ⁽¹⁾ ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Căn cứ E-HSMT gói thầu: _____ [*Hệ thống tự động trích xuất*] với số E-TBMT: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

Tên thành viên liên danh thứ nhất: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Mã số thuế: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*];

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Tên thành viên liên danh thứ hai: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Mã số thuế: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*];

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

...

Tên thành viên liên danh thứ n: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Mã số thuế: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*];

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

Điều 1. Nguyên tắc chung

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham dự thầu gói thầu _____ [*Hệ thống tự động trích xuất*] thuộc dự án/dự toán mua sắm _____ [*Hệ thống tự động trích xuất*].

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến gói thầu này là: _____ [*ghi tên của liên danh*].

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với nhà thầu khác để tham gia gói thầu này. Trường hợp trúng thầu, không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong hợp đồng. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:

- Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh;
- Bồi thường thiệt hại cho chủ đầu tư theo quy định nêu trong hợp đồng;
- Hình thức xử lý khác _____ [*ghi rõ hình thức xử lý khác*].

Điều 2. Phân công trách nhiệm

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện gói thầu _____ [*Hệ thống tự động trích xuất*] thuộc dự án/dự toán mua sắm _____ [*Hệ thống tự động trích xuất*] đối với từng thành viên như sau:

1. Thành viên đứng đầu liên danh:

Các bên nhất trí phân công _____ [*Hệ thống tự động trích xuất thành viên lập liên danh*] làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh trong những phần việc sau⁽²⁾:

- Sử dụng tài khoản, chứng thư số để nộp E-HSDT cho cả liên danh.
[- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với chủ đầu tư trong quá trình tham dự thầu, văn bản giải trình, làm rõ E-HSDT hoặc văn bản đề nghị rút E-HSDT;
- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;
- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;
- Các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng _____ [*ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)*].

2. Các thành viên trong liên danh thỏa thuận phân công trách nhiệm thực hiện công việc theo bảng dưới đây ⁽³⁾:

STT	Tên	Nội dung công việc đảm nhận	Tỷ lệ % giá trị đảm nhận so với tổng giá dự thầu
1	Tên thành viên đứng đầu liên danh (<i>Hệ thống tự động trích xuất</i>)	- _____ - _____	- _____% - _____%
2	Tên thành viên thứ 2	- _____ - _____	- _____% - _____%
....

Tổng cộng	Toàn bộ công việc của gói thầu	100%
------------------	---	-------------

Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.
2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:
 - Các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng;
 - Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;
 - Nhà thầu liên danh không trúng thầu;
 - Hủy thầu gói thầu ____ [*Hệ thống tự động trích xuất*] thuộc dự án/dự toán mua sắm ____ [*Hệ thống tự động trích xuất*] theo thông báo của chủ đầu tư.

Thỏa thuận liên danh được lập trên sự chấp thuận của tất cả các thành viên.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐỨNG ĐẦU LIÊN DANH

[xác nhận, chữ ký số]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH

[xác nhận, chữ ký số]

Ghi chú:

- (1) Hệ thống tự động cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.
- (2) Việc phân công trách nhiệm bao gồm một hoặc nhiều công việc như đã nêu.
- (3) Nhà thầu phải ghi rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện, trách nhiệm chung, trách nhiệm riêng của từng thành viên, kể cả thành viên đứng đầu liên danh. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục công việc nêu trong điều khoản tham chiếu, đề xuất kỹ thuật, không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này.

CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ KINH NGHIỆM CỦA NHÀ THẦU TƯ VẤN

A. Cơ cấu tổ chức của nhà thầu

[Mô tả tóm tắt quá trình hình thành và tổ chức của nhà thầu (trường hợp liên danh thì mô tả tổ chức của mỗi thành viên trong liên danh). Mô tả số lượng chuyên gia tư vấn chuyên ngành mà nhà thầu ký hợp đồng lao động dài hạn hoặc không xác định thời hạn và nêu rõ số năm kinh nghiệm của từng chuyên gia].

B. Kinh nghiệm của nhà thầu

Các gói thầu DVTV tương tự do nhà thầu thực hiện trong vòng _____[Ghi số năm]¹ năm gần đây.

Nhà thầu phải sử dụng bảng sau để kê khai cho mỗi DVTV tương tự như DVTV được yêu cầu trong gói thầu này mà nhà thầu đã thực hiện (với tư cách là nhà thầu độc lập hoặc liên danh với nhà thầu khác hoặc là nhà thầu phụ). Đối với từng công việc tương tự, nhà thầu tư vấn phải cung cấp bản tóm tắt bao gồm tên của nhân sự chủ chốt và nhà thầu phụ của nhà thầu đã tham gia, thời gian thực hiện công việc, giá hợp đồng (trường hợp nhà thầu tham dự thầu là thành viên liên danh hoặc là nhà thầu phụ thì ghi rõ khối lượng công việc, giá trị đảm nhận với vai trò thành viên liên danh, nhà thầu phụ).

Kinh nghiệm thực hiện hợp đồng của các chuyên gia với vai trò tư vấn cá nhân hoặc làm chuyên gia cho các nhà thầu tư vấn khác chỉ được tính vào kinh nghiệm làm việc của bản thân chuyên gia, không tính vào kinh nghiệm thực hiện hợp đồng của nhà thầu nộp E-HSDT.

¹ Ghi số năm cụ thể căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu (thông thường là 3, 4 hoặc 5 năm, đối với nhà thầu thành lập ít hơn 3 năm vẫn tiếp tục xem xét, đánh giá mà không loại nhà thầu).

Thời gian	Tên công việc <i>[mô tả tóm tắt các kết quả, sản phẩm chính]</i>	Tên gói thầu, tên dự án/dự toán mua sắm, chủ đầu tư, địa điểm làm việc	Giá trị hợp đồng <i>[trường hợp liên danh thì nêu giá trị DVTV do nhà thầu thực hiện]</i>	Vai trò trong công việc <i>[ghi nhà thầu, nhà thầu phụ, thành viên trong liên danh]</i>	Thời gian thực hiện gói thầu <i>[ghi rõ từ ngày... đến ngày...]</i>	Thời gian thực hiện gói thầu thực tế <i>[từ ngày... đến ngày...]</i> Trường hợp chậm trễ thì nêu rõ lý do

Nhà thầu phải gửi kèm theo bản chụp các văn bản, tài liệu liên quan.

**NHỮNG GÓP Ý (NẾU CÓ) ĐỂ HOÀN THIỆN
NỘI DUNG ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU**

[Nhà thầu trình bày những nội dung sửa đổi để hoàn thiện điều khoản tham chiếu nhằm thực hiện hợp đồng]

Đề xuất bổ sung, sửa đổi điều khoản tham chiếu:

- 1.
- 2.
- 3.
- 4.
- 5.

**GIẢI PHÁP VÀ PHƯƠNG PHÁP LUẬN TỔNG QUÁT
DO NHÀ THẦU ĐỀ XUẤT ĐỂ THỰC HIỆN DỊCH VỤ TƯ VẤN**

Nhà thầu chuẩn bị đề xuất kỹ thuật (cả biểu đồ) gồm 3 phần:

- 1. Giải pháp và phương pháp luận*
- 2. Kế hoạch công tác*
- 3. Tổ chức và nhân sự*

Giải pháp và phương pháp luận. [Mô tả hiểu biết về mục tiêu của công việc ghi trong Điều khoản tham chiếu, cách tiếp cận kỹ thuật và phương pháp luận sẽ áp dụng để thực hiện công việc nhằm đạt được kết quả dự kiến và mức độ chi tiết của kết quả đó. Đối với gói thầu tư vấn giám sát, giải pháp và phương pháp luận cần bao gồm cả khía cạnh môi trường, xã hội. Nhà thầu lưu ý không sao chép, nhắc lại Điều khoản tham chiếu trong phần này]

Kế hoạch thực hiện. [Đưa ra kế hoạch thực hiện các hoạt động/công việc chính, nội dung và thời gian hoạt động, phân kỳ hoạt động và tương quan giữa các kỳ, các mốc chính (bao gồm các bước phê duyệt tạm thời của chủ đầu tư) và ngày dự kiến giao nộp báo cáo. Kế hoạch thực hiện phải thống nhất với cách tiếp cận kỹ thuật và phương pháp luận, thể hiện sự hiểu biết về Điều khoản tham chiếu và khả năng chuyển Điều khoản tham chiếu thành kế hoạch thực hiện khả thi. Cần đính kèm danh sách các tài liệu hoàn chỉnh (bao gồm báo cáo) sẽ phải giao nộp. Kế hoạch thực hiện phải thống nhất với Kế hoạch tiến độ]

Tổ chức và Nhân sự. [Mô tả cơ cấu và thành phần nhóm chuyên gia, bao gồm danh sách các nhân sự chủ chốt, nhân sự khác, nhân viên hỗ trợ kỹ thuật và hành chính liên quan]

LÝ LỊCH CHUYÊN GIA TƯ VẤN

Tên nhà thầu:

Tên và số của vị trí tư vấn	[Vi dụ: K-1, TRƯỞNG NHÓM]
Tên chuyên gia tư vấn:	[điền tên đầy đủ]
Ngày sinh:	[ngày/tháng/năm]
Quốc tịch	

Trình độ học vấn: [liệt kê trường cao đẳng/đại học hoặc khóa học chuyên ngành, nêu tên của cơ sở đào tạo, thời gian học, loại bằng cấp đã đạt được]

Quá trình công tác phù hợp với công việc: [Liệt kê theo trình tự thời gian quá trình công tác của chuyên gia theo Bảng sau, không cần liệt kê các công việc đã làm không phù hợp với công việc đang yêu cầu]

Thời gian (từ...đến...)	Tên cơ quan, đơn vị, vị trí đảm nhận và thông tin liên hệ để tham chiếu	Địa điểm làm việc	Tóm tắt công việc đã làm phù hợp với công việc đang yêu cầu

Thành viên của Hiệp hội chuyên ngành, tổ chức nghề nghiệp và tác phẩm đã xuất bản: _____

Ngôn ngữ (Chỉ nêu những ngôn ngữ có thể dùng để làm việc):

Tôi xin cam đoan các thông tin nêu trên là đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Người khai

[Ký tên, chức danh và ghi rõ họ tên]

Ghi chú:

- Từng cá nhân chuyên gia tư vấn trong danh sách nêu tại Mẫu số 09 phải kê khai Mẫu này.
- Nhà thầu scan hợp đồng lao động; bản chụp bằng tốt nghiệp, chứng chỉ hành nghề chuyên môn của các chuyên gia tư vấn nêu trên đính kèm cùng E-HSĐT.

TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN CÔNG VIỆC

Stt	Nội dung công việc ⁽¹⁾	Tháng/ngày thứ ⁽²⁾ [Nhà thầu chọn tháng hoặc ngày trên Hệ thống]							
		1	2	3	4	5	n	Tổng
1	[Ví dụ: Hạng mục công việc 1:								
	1) Thu thập dữ liệu								
	2) Soạn thảo báo cáo								
	3) Báo cáo sơ bộ								
	4) Tổng hợp ý kiến								
	5) ...								
	6) Báo cáo cuối cùng]								
2	[Hạng mục công việc 2]								
...									
n									

Ghi chú:

- (1) Liệt kê tất cả hạng mục công việc, trong mỗi hạng mục công việc phải nêu tiến độ thực hiện các công việc cụ thể.
- (2) Thời gian cho mỗi công việc cụ thể thể hiện bằng biểu đồ, trường hợp cần thiết nhà thầu có ghi chú, giải thích biểu đồ.

DANH SÁCH CHUYÊN GIA THAM GIA THỰC HIỆN DỊCH VỤ TƯ VẤN

Stt	Tên	Số định danh/CMTND/căn cước công dân/Hộ chiếu	Chức danh bố trí trong gói thầu	Cách thức huy động	Địa điểm làm việc	Số công [Chọn người /tháng hoặc người/ ngày] ¹			Tổng số tháng công/ngày công
						Hạng mục công việc 1	Hạng mục công việc 2	... ²	
I	Nhân sự chủ chốt³								
1	Nguyễn Văn A		[Hệ thống trích xuất theo vị trí nêu tại Bảng số 01 Chương III]	[Nhà thầu chọn một trong hai phương án: nhân sự của nhà thầu/Nhân sự đi thuê]	[Công ty]				[Hệ thống tự tính]
					[Thực địa]				[Hệ thống tự tính]
2					[Công ty]				
					[Thực địa]				
								
	Số công nhân sự chủ chốt								
II	Nhân sự khác								
1			[Nhà thầu điền]	Nhà thầu chọn một trong hai phương án: nhân sự của nhà thầu/Nhân sự đi thuê]	[Công ty]				[Hệ thống tự tính]
					[Thực địa]				[Hệ thống tự tính]
2				[Công ty]				
					[Thực địa]				

Số công nhân sự khác									
----------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Ghi chú:

- (1) Trường hợp Mục 14.3 **E-BDL** có quy định, nhà thầu chọn người/tháng hoặc người/ngày phù hợp với quy định tại Mục này; nhà thầu phải đề xuất tổng số công cho nhân sự chủ chốt không ngắn hơn quy định tại Mục 14.3 **E-BDL**.
- (2) Hạng mục công việc được Hệ thống trích xuất theo Mẫu số 08 Chương IV.
- (3) Vị trí, số lượng nhân sự chủ chốt phù hợp với yêu cầu nêu tại Bảng số 01 Mục 2 Chương III.

PHẠM VI CÔNG VIỆC SỬ DỤNG NHÀ THẦU PHỤ ⁽¹⁾

STT	Tên nhà thầu phụ⁽²⁾	Phạm vi công việc⁽³⁾	Khối lượng công việc⁽⁴⁾	Giá trị % ước tính⁽⁵⁾	Hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận với nhà thầu phụ⁽⁶⁾
1					
2					
3					
4					
...					

Ghi chú:

(1) Trường hợp E-HSMT có quy định về việc sử dụng nhà thầu phụ thì nhà thầu kê khai theo Mẫu này. Đối với gói thầu của dự án thuộc lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tổ chức đấu thầu trong nước, nhà thầu trong nước được sử dụng nhà thầu phụ là nhà thầu nước ngoài đối với phần công việc đặc thù mà nhà thầu trong nước chưa thực hiện được hoặc cần chuyển giao công nghệ theo quy định tại khoản 4 Điều 11 Luật Đấu thầu.

(2) Nhà thầu ghi cụ thể tên nhà thầu phụ. Trường hợp khi tham dự thầu chưa xác định được cụ thể danh tính của nhà thầu phụ thì không phải kê khai vào cột này mà chỉ kê khai vào cột “Phạm vi công việc”. Sau đó, nếu được lựa chọn thì khi huy động thầu phụ thực hiện công việc đã kê khai phải được sự chấp thuận của chủ đầu tư.

(3) Nhà thầu ghi cụ thể tên hạng mục công việc dành cho nhà thầu phụ.

(4) Nhà thầu ghi cụ thể khối lượng công việc dành cho nhà thầu phụ.

(5) Nhà thầu ghi cụ thể giá trị % công việc mà nhà thầu phụ đảm nhận so với giá dự thầu.

(6) Nhà thầu ghi cụ thể số hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận và đính kèm bản scan các tài liệu này trong E-HSDT. Trường hợp chưa xác định được tên nhà thầu phụ thì để trống cột này.

Mẫu số 11 (Webform trên Hệ thống)

ĐƠN DỰ THẦU⁽¹⁾

(thuộc E-HSDXTC)

Ngày: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Tên gói thầu: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Kính gửi: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Sau khi nghiên cứu E-HSMT, chúng tôi:

Tên nhà thầu: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*] cam kết thực hiện gói thầu ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*] số E-TBMT: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*] theo đúng yêu cầu nêu trong E-HSMT với giá dự thầu là ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*] cùng với các bảng tổng hợp giá dự thầu kèm theo.

Ngoài ra, chúng tôi tự nguyện giảm giá dự thầu với tỷ lệ phần trăm giảm giá là ___ [*Ghi tỷ lệ phần trăm (%) giảm giá*].

Giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá là: ___ [*Hệ thống tự động tính*] (đã bao gồm toàn bộ thuế, phí, lệ phí (nếu có)).

Hiệu lực của E-HSDXTC: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*].

Chúng tôi cam kết những thông tin kê khai trong E-HSDT là trung thực.

Ghi chú:

(1) Đơn dự thầu được ký bằng chữ ký số của nhà thầu khi nhà thầu nộp E-HSDT.

Mẫu số 12 (Webform trên Hệ thống)

BẢNG THÙ LAO CHO CHUYÊN GIA (*)

STT	Họ và tên (1)	Chức danh bố trí trong gói thầu (2)	Địa điểm làm việc (3)	Thù lao/tháng- (ngày) người (4)	Số tháng (ngày) người (5)	Thù lao cho chuyên gia (6) = (4) x (5)	Tổng (7)
I Nhân sự chủ chốt							
1	[Hệ thống trích xuất theo Mẫu số 09]	[Hệ thống trích xuất theo Mẫu số 09]	Công ty	[Hệ thống trích xuất từ Mẫu 12A khi có yêu cầu phân tích thù lao]	[Hệ thống trích xuất theo Mẫu số 09]	(a)	(a)+(b)
			Thực địa	[Hệ thống trích xuất từ Mẫu 12A khi có yêu cầu phân tích thù lao]	[Hệ thống trích xuất theo Mẫu số 09]	(b)	
2		Công ty				
			Thực địa				
II Nhân sự khác							
1	[Hệ thống trích xuất theo Mẫu số 09]	[Hệ thống trích xuất theo Mẫu số 09]	Công ty	[Hệ thống trích xuất từ Mẫu 12A khi có yêu cầu phân tích thù lao]	[Hệ thống trích xuất theo Mẫu số 09]		
			Thực địa	[Hệ thống trích xuất từ Mẫu 12A khi có yêu cầu phân tích thù lao]	[Hệ thống trích xuất theo Mẫu số 09]		
2		Công ty				
			Thực địa				
						Tổng cộng	(A)

Ghi chú:

- (*): Mẫu này áp dụng cho các công việc thuộc Mục 3 Mẫu số 01C Chương này.
- (1), (2), (5): Hệ thống tự động trích xuất từ Mẫu số 09 Chương này.
- (4): Nhà thầu điền trong trường hợp E-HSMT không yêu cầu phân tích thù lao cho chuyên gia theo Mẫu số 12A. Trường hợp E-HSMT yêu cầu phân tích thù lao cho chuyên gia thì nhà thầu hoàn thành Mẫu số 12A để Hệ thống trích xuất thông tin vào cột này.
- (6) (7): Hệ thống tự tính

BẢNG PHÂN TÍCH CHI PHÍ THÙ LAO CHO CHUYÊN GIA

STT	Họ tên chuyên gia	Chức danh	Địa điểm làm việc	Lương cơ bản	Chi phí xã hội ¹ % của (3)	Chi phí quản lý chung ² % của (3)	Cộng (3)+(4)+(5)	Lợi nhuận % của (6)	Phụ cấp xa nhà	Thù lao cho chuyên gia/tháng (ngày) (6)+(7)+(8)
	(1)	(1a)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Nguyễn Văn A		Công ty							
			Thực địa							
...			Công ty							
			Thực địa							

Ghi chú: Trường hợp không yêu cầu nhà thầu phân tích chi tiết chi phí thù lao chuyên gia thì không sử dụng Mẫu này

¹ Chi phí xã hội: bao gồm các chi phí như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp thuộc trách nhiệm của người sử dụng lao động theo quy định của pháp luật hiện hành;

² Chi phí quản lý chung: là chi phí chung của nhà thầu không liên quan trực tiếp đến việc thực hiện gói thầu được tính theo đầu người, bao gồm các chi phí như: chi phí thuê trụ sở, điện nước, truyền thông, nghiên cứu phát triển...

CHI PHÍ KHÁC CHO CHUYÊN GIA

STT	Miêu tả	Đơn vị tính	Chi phí/đơn vị (1)	Số lượng (2)	Chi phí (3)
1	[Công tác phí]	[Ngày]		[Hệ thống tự tính trên cơ sở tổng số ngày làm việc thực địa của các nhân sự nêu tại Mẫu số 09]	(1)x(2)
2	[Chuyến bay]	[Chuyến]			
3	[Chi phí liên lạc]				
4	[Thiết bị, tài liệu...]				
5	[Chi phí đi lại trong nước]				
6	[Thuê văn phòng, thư ký hỗ trợ]				
7	[Đào tạo nhân sự của chủ đầu tư]				
Tổng chi phí					(B)

Cột (3): Hệ thống tự động tính

**CHI PHÍ HẠNG MỤC CÔNG VIỆC
DỰA TRÊN ĐƠN GIÁ VÀ KHỐI LƯỢNG**

STT	Mô tả công việc	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (bao gồm VAT)	Thành tiền (bao gồm VAT)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (4) x (5)
I	Phần công việc dựa trên đơn giá và khối lượng, áp dụng loại hợp đồng trọn gói				(M1)
1					
2					
...					
II	Phần công việc dựa trên đơn giá và khối lượng, áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá				(M2)
	Các công việc				
1					
2					
...					
Tổng cộng					M=(M1+M2)

Ghi chú:

- (1) (2) (3) (4): Hệ thống trích xuất từ Mẫu số 01A và 01B thuộc Mẫu số 01
- (5) Nhà thầu điền đơn giá đã bao gồm các chi phí cần thiết để thực hiện dịch vụ, kể cả thuế, phí, lệ phí.
- (6) Hệ thống tự động tính.

Mẫu số 15 (Webform trên Hệ thống)

BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ

Thù lao cho chuyên gia	(A)
Chi phí khác cho chuyên gia	(B)
Chi phí hạng mục công việc dựa trên đơn giá và khối lượng	(M)
Tổng chi phí	$A + B + M$

Ghi chú:

Mục A, B, M: Hệ thống tự trích xuất từ các Mẫu số 12, 13, 14

Tổng chi phí: Hệ thống tự tính và trích xuất ra giá dự thầu trong đơn dự thầu thuộc E-HSDXTC.

PHẦN 2. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

CHƯƠNG V. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

“Điều khoản tham chiếu” bao gồm những nội dung chủ yếu sau:

I. Giới thiệu:

1. Mô tả khái quát về gói thầu

- Tên gói thầu: Chi phí giám sát thi công xây dựng;
- Tên công trình: Đường Đức Hoà Đông – Kênh 6 – Công Bà Bông;
- Loại, cấp công trình: Công trình Giao thông, cấp III;
- Địa điểm xây dựng: xã Mỹ Hạnh, tỉnh Tây Ninh;

a. Quy mô xây dựng:

- Phần đường:
 - + Đoạn từ Km0+000 đến Km1+547,73 (đoạn đường Đức Hòa Đông- Kênh 6) thiết kế dạng đường phố gom theo tiêu chuẩn TCVN 13592:2022.
 - + Đoạn từ Km1+547,73 đến cuối tuyến Km2+030,44 (đoạn kênh 6 –ĐT.824) đường cấp V đồng bằng theo TCVN 4054-05.
 - + Tốc độ thiết kế: (40-50)Km/h.
 - + Tải trọng trục: 10T.
 - + Mặt đường bê tông nhựa, mô đun đàn hồi yêu cầu: $E_{yc} \geq 120$ Mpa.
- Phần thoát nước: cống tròn Ø60 - Ø150 hai bên; tải trọng cống đi dưới vỉa hè hoạt tải H10, tải trọng cống đi dưới mặt đường: H30-XB80.
- Phần chiếu sáng: Bố trí một bên tuyến, khoảng cách 28-31m/trụ phù hợp với cấp đường theo quy chuẩn QCVN 07-7:2023/BXD – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia các công trình hạ tầng kỹ thuật công trình chiếu sáng.

b. Giải pháp thiết kế:

b.1. Bình đồ:

- Tổng chiều dài thiết kế: 2.030,44m.
- Điểm đầu: Km0+000, giao đường Đức Hòa Đông.
- Điểm cuối: Km2+030,44, giao đường ĐT.824 (công Bà Bông).
- Đoạn từ Km0+000 – Km1+547,73: Tim tuyến bám theo tim đường hiện hữu mở rộng đều ra 2 bên.
- Đoạn từ Km1+547,73 – Km2+030,44: Tim tuyến dịch về phía trái và cách tim đường hiện hữu khoảng 3,25m để đảm bảo phạm vi an toàn của Kênh 6.
- Trên đoạn tuyến thiết kế có tổng cộng 8 đỉnh và 14 đường cong nằm với bán kính thay đổi từ $R=25$ m đến $R=500$ m có thiết kế mở rộng mặt đường và bố trí siêu cao theo cấp đường trong các đường cong nằm. Góc chuyển hướng lớn nhất $A=47^{\circ}20'9''$, góc chuyển hướng nhỏ nhất $A=0^{\circ}0'57''$.
- Trên tuyến có các vị trí giao cắt là ngã ba đầu tuyến, ngã rẽ vào các đường dân sinh dọc theo chiều dài tuyến. Tại các nút giao này có bố trí các bán kính rẽ ($R = 4,00$ m - 15,00m) cho phù hợp với địa hình tại vị trí ngã giao và cấp đường, có bố trí các biển báo và cọc tiêu.

b.2. Trắc đạc:

Cao độ thiết kế bám theo địa hình là chủ yếu dao động từ +3.15m đến +3.73m.

b.3. Trắc ngang thiết kế:

- Đoạn 1 từ Km0+000 – Km1+547 (đường Đức Hòa Đông – Kênh 6):

+ Mặt đường: $2 \times 4,0\text{m} = 8,0\text{m}$ (độ dốc ngang 2%).

+ Vía hè (đắp đất): $2 \times 1,5\text{m} = 3,0\text{m}$.

+ Tổng chiều rộng nền đường = 11,0m.

- Đoạn 2 từ Km1+547 – Km2+030 (Kênh 6 – cống Bà Bông):

+ Mặt đường: $2 \times 2,75\text{m} = 5,5\text{m}$ (độ dốc ngang 2%).

+ Lề đường trái + phần vát trên bó vĩa: $1 \times 0,5\text{m} = 0,5\text{m}$.

+ Lề đường phải: $1 \times 0,5\text{m} = 0,5\text{m}$.

+ Tổng chiều rộng nền đường = 6,5m.

b.4. Kết cấu áo đường:

b.4.1. Kết cấu tăng cường trên đường hiện hữu:

- Bê tông nhựa chặt, BTNC 16 dày 7 cm.

- Tưới nhựa thấm bám tiêu chuẩn 1,0 kg/m².

- Cấp phối đá dăm loại 1 dày 30cm, $K \geq 0,98$.

- Bù vênh cấp phối đá dăm loại 1 (nếu có).

b.4.2. Kết cấu mở rộng mặt đường:

- Bê tông nhựa chặt, BTNC 16 dày 7 cm

- Tưới nhựa thấm bám tiêu chuẩn 1,0 kg/m².

- Cấp phối đá dăm loại 1 dày 30cm, $K \geq 0,98$.

- Bên dưới kết cấu áo đường là lớp sỏi đỏ dày 30cm, đầm chặt $K \geq 0,98$, Eo nền đường $\geq 40\text{Mpa}$.

b.4.3. Kết cấu vượt nối đường giao, nút giao

- Đường hiện trạng kết cấu đá, láng nhựa:

+ Bê tông nhựa chặt, BTNC 16 dày 7 cm;

+ Tưới nhựa thấm bám tiêu chuẩn 1,0 kg/m²;

+ Cấp phối đá dăm loại 1 dày 30cm, $K \geq 0,98$;

+ Bù vênh cấp phối đá dăm loại 1 trên đường hiện hữu (nếu có).

- Đường hiện trạng kết cấu bê tông xi măng:

+ Bê tông xi măng đá 1x2 M300 dày 18cm;

+ Nilong lót;

+ Cấp phối đá dăm loại 1 dày 20cm, $K \geq 0,98$;

+ Bù vênh cấp phối đá dăm loại 1 trên đường hiện hữu (nếu có).

b.5. Kết bó vĩa, vĩa hè:

- Bó vĩa rộng 60cm gồm 02 loại: Loại 1 ngăn cách giữa vĩa hè và mặt đường; loại 2 tại các vị trí có xe ra vào thường xuyên. Bó vĩa bằng BTXM M250 đá 1x2.

- Vĩa hè: đắp đất tận dụng.

b.6. Nền đường:

- Toàn bộ phần đất đào khuôn đường mở rộng, đắp trả công còn dư được tận dụng đắp lề và taluy nền đường.

- Gia cố cừ tràm tại chân taluy những vị trí đi qua ao hoặc nơi trũng thấp dọc hai bên tuyến, mật độ đóng cừ tràm 16 cây/1md, đóng hai hàng, chiều dài cừ tràm $L=4,0m$, đường kính gốc $\varnothing=(8-10)cm$.

b.7. Nút giao:

Các nút giao chính trên tuyến được thiết kế dạng nút giao cùng mức, điều khiển bằng vạch sơn, biển báo và tín hiệu đèn. Bán kính nhánh rẽ $> 8m$; Các nút giao dân sinh được thiết kế dạng nút giao cùng mức, điều khiển bằng vạch sơn, biển báo. Bán kính nhánh rẽ $> 4m$.

b.8. Hệ thống thoát nước:

b.8.1. Thoát nước dọc:

- Đoạn 1 từ Km0+00 – Km1+547: Thiết kế hệ thống cống dọc có đường kính $\varnothing100 - \varnothing120$. Tại các đường nhánh đều bố trí hố ga để đấu nối với hệ thống cống dọc của các đường nhánh.

- Đoạn 2 từ Km1+547 – Km2+030: Thiết kế hệ thống cống dọc có đường kính $\varnothing60cm$ phía bên trái tuyến.

- Hướng thoát nước như sau:

+ Đoạn từ Km0+000 – Km1+547 (T, P): Sử dụng cống $\varnothing100$ đấu nối vào 02 hố ga $\varnothing100$ hiện hữu của đường Đức Hòa Đông. Đến Km0+220 thay đổi khẩu độ cống $\varnothing100$ thành $\varnothing120$ để đấu nối và thoát nước 01 phần vào hệ thống cống dọc $\varnothing120$ của ĐT.823D.

+ Đoạn từ Km1+547 – Km2+030 (T): sử dụng cống $\varnothing60$ hướng thu nước về Km1+789 và xả ra Kênh 6 bằng cống $\varnothing60$.

b.8.2. Thoát nước ngang:

- Tại Km0+80: Làm mới cống $\varnothing100$, đấu nối vào cống dọc $\varnothing100$ trái tuyến tại vị trí hố ga.

- Tại Km0+543: Làm lại cống $\varnothing100$, đấu nối vào cống dọc $\varnothing120$ tại vị trí hố ga.

- Tại Km0+900: Làm lại cống $\varnothing100$, đấu nối vào cống dọc $\varnothing120$ tại vị trí hố ga.

- Tại Km1+727: Lắp cống ngang đường $\varnothing60$. Đấu nối vào cống dọc $\varnothing60$ tại vị trí hố ga.

- Tại Km2+000: Lắp cống ngang đường $\varnothing40$. Đấu nối vào cống dọc $\varnothing60$ tại vị trí hố ga.

- Tại Km1+790: làm mới cống $\varnothing60$.

b.8.3. Kết cấu hệ thống thoát nước:

- Ống cống: Dùng cống BTCT bê tông đá 1x2 25MPa, chiều dài mỗi đốt từ 2,5m 3,0m, mỗi nối âm dương giữa bố trí joint cao su, ngoài trát vữa xi măng 7,5Mpa. Cống thoát nước dưới vỉa hè được sử dụng loại chịu hoạt tải H10. Đối với các đoạn băng đường sử dụng loại chịu hoạt tải H30-XB80.

- Móng cống được chia làm 2 loại:

+ Móng cống đúc sẵn BTCT đá 1x2 M200 đúc sẵn trên lớp BT lót đá 1x2 M150 dày 10cm.

+ Móng cống đổ tại chỗ là BT đá 1x2 M200 trên lớp BT lót đá 1x2 M150.

+ Hồ thu nước bằng bê tông đá 1x2 M200 được đúc sẵn lắp ghép đối với phần dưới và đổ tại chỗ tại công trường đối với phần trên.

+ Đà hàm, lưới máng và tấm đan bằng BTCT đúc sẵn lắp ghép.

+ Lưới chắn rác hồ ga bằng thép hình.

+ Nền đất bên dưới móng công, hồ ga được gia cố bằng cọc cừ tràm mật độ 16 cây/m² chiều dài cừ L=3m, trên đỉnh cừ là lớp cát đệm dày 10cm.

b.9. Tường rào:

- Tường rào của trường Nguyễn Văn Dương đoạn từ Km0+20 – Km0+60 khi mở rộng mặt đường cần được phá dỡ và làm lại mới tại vị trí phù hợp với quy mô mở rộng;

- Kết cấu hàng rào làm lại được như mẫu hiện trạng.

b.10. Hệ thống chiếu sáng:

- Trụ đèn STK cao 6m, 5m và cần đèn cao 2m vươn 1,5m góc nghiêng 10o. Thân trụ cao 6m đường kính đáy 156mm, đường kính đỉnh trụ 76mm dạng côn tròn được làm bằng thép. Thân trụ cao 5m đường kính đáy 140mm, đường kính đỉnh trụ 76mm dạng côn tròn được làm bằng thép.

- Sử dụng cáp điện ngầm CXV/DSTA/PVC 2x16mm²-0,6/1kV từ lưới điện hạ thế cung cấp nguồn cho tủ điều khiển chiếu sáng. Cáp ngầm CXV/DSTA/PVC

2x10mm²-0,6/1kV đi trong mương cáp cấp nguồn cho các bộ đèn chiếu sáng. Cáp điện Cu/XLPE/PVC 3x1,5 mm² - 0,6/1kV để đấu nối từ cửa trụ lên đèn chiếu sáng.

- Móng trụ được đổ bằng bê tông M150 và M200 đá 1x2. Khung bu lông móng bao gồm 4 bộ thanh bu lông M24x1000mm, được hàn cố định bằng thép bản 20x3mm. Phần ren của bộ khung bu lông móng được mạ kẽm. Vật liệu làm bu lông và đĩa định vị là thép SS400 hoặc tương đương.

- Loại đèn: sử dụng đèn LED công suất 100W/220V.

- Tủ điện tự động đóng, cắt theo thời gian yêu cầu, bộ điều khiển sử dụng bằng bộ lập trình PLC. Hệ thống điều khiển trong chế độ thời gian thực.

b.11. An toàn giao thông:

- Xây dựng hoàn chỉnh hệ thống an toàn giao thông theo “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2024/BGTVT”.

b.12. Di dời hạ tầng:

- Đường ống nước, trụ điện trung thế, hạ thế và trụ viễn thông được di dời ra ngoài phạm vi công trình trước khi thi công.

2. Thời hạn hoàn thành:

Thời gian: 730 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

Nhà thầu phải bảo đảm thi công đúng tiến độ và hoàn thành công trình theo đúng thời hạn trong hợp đồng kể từ ngày khởi công công trình và bàn giao mặt bằng thi công. Không khống chế thời gian tối thiểu để thực hiện thi công.

Trước khi thi công từng công tác, từng phần việc thì nhà thầu phải lập biện pháp thi công chi tiết gửi cho Chủ đầu tư xem xét mới được thi công phần tiếp theo hoặc nhà thầu có thể lập biện pháp thi công chi tiết cho tất cả các công tác của công trình và gửi

cho Chủ Đầu tư.

3. Thuế giá trị gia tăng:

Nhà thầu phải chịu trách nhiệm tìm hiểu, tính toán và chào đầy đủ các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) trong giá dự thầu. Nhà thầu khi tham gia dự thầu phải chào giá dự thầu với thuế giá trị gia tăng là 8% theo đúng cơ cấu của giá gói thầu được duyệt.

II. Phạm vi công việc

Mô tả phạm vi, nội dung công việc sau khi trúng thầu

Phạm vi, nội dung công việc sau khi trúng thầu đối với nhà thầu tư vấn là:

1.1. Kiểm tra các điều kiện khởi công công trình xây dựng theo quy định của pháp luật;

1.2. Kiểm tra sự phù hợp năng lực của nhà thầu thi công xây dựng công trình với hồ sơ dự thầu và hợp đồng xây dựng, bao gồm:

a/ Kiểm tra về nhân lực, thiết bị thi công của nhà thầu thi công xây dựng công trình đưa vào công trường;

b/ Kiểm tra hệ thống quản lý chất lượng của nhà thầu thi công xây dựng công trình;

c/ Kiểm tra giấy phép sử dụng các máy móc, thiết bị, vật tư có yêu cầu an toàn phục vụ thi công xây dựng công trình;

d/ Kiểm tra phòng thí nghiệm và các cơ sở sản xuất vật liệu, cấu kiện, sản phẩm xây dựng phục vụ thi công xây dựng của nhà thầu thi công xây dựng công trình.

1.3. Kiểm tra và giám sát chất lượng vật tư, vật liệu và thiết bị lắp đặt vào công trình do nhà thầu thi công xây dựng công trình cung cấp theo yêu cầu của thiết kế, bao gồm:

a/ Kiểm tra giấy chứng nhận chất lượng của nhà sản xuất, kết quả thí nghiệm của các phòng thí nghiệm hợp chuẩn và kết quả kiểm định chất lượng thiết bị của các tổ chức được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận đối với vật liệu, cấu kiện, sản phẩm xây dựng, thiết bị lắp đặt vào công trình trước khi đưa vào xây dựng công trình;

b/ Trường hợp nghi ngờ các kết quả kiểm tra chất lượng vật liệu, thiết bị lắp đặt vào công trình do nhà thầu thi công xây dựng cung cấp thì TVGS báo cáo chủ đầu tư để tiến hành thực hiện kiểm tra trực tiếp vật tư, vật liệu và thiết bị lắp đặt vào công trình xây dựng.

1.4. Kiểm tra và giám sát trong quá trình thi công xây dựng công trình, bao gồm:

a/ Thường xuyên kiểm tra an toàn lao động trên công trường;

b/ Kiểm tra biện pháp thi công của nhà thầu thi công xây dựng công trình phù hợp với hồ sơ mời thầu, hồ sơ trúng thầu được duyệt;

c/ Kiểm tra và giám sát thường xuyên có hệ thống quá trình nhà thầu thi công xây dựng công trình triển khai các công việc tại hiện trường. Kết quả kiểm tra đều phải ghi nhật ký giám sát của chủ đầu tư hoặc biên bản kiểm tra theo quy định;

d/ Xác nhận bản vẽ hoàn công;

e/ Nghiệm thu công trình xây dựng theo quy định của pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng (Nghị định 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng);

f/ Tập hợp, kiểm tra tài liệu phục vụ nghiệm thu công việc xây dựng, bộ phận công trình, giai đoạn thi công xây dựng, nghiệm thu thiết bị, nghiệm thu hoàn thành từng hạng mục công trình xây dựng và hoàn thành công trình xây dựng;

g/ Phát hiện sai sót, bất hợp lý về thiết kế để đề xuất với chủ đầu tư kịp thời điều chỉnh, sửa đổi;

h/ Phối hợp với chủ đầu tư tổ chức kiểm định lại chất lượng bộ phận công trình, hạng mục công trình và công trình xây dựng khi có nghi ngờ về chất lượng;

i/ Phối hợp với chủ đầu tư và các bên liên quan giải quyết những vướng mắc, phát sinh trong thi công xây dựng công trình.

2. Mô tả nhiệm vụ chi tiết.

2.1 Nhiệm vụ :

Chịu trách nhiệm giám sát các giai đoạn liên quan đến việc thực hiện Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình gồm:

Giai đoạn chuẩn bị thi công :

- Kiểm tra điều kiện khởi công công trình xây dựng chủ yếu là điều kiện về mặt bằng xây dựng.

- Giúp Chủ đầu tư thiết lập hệ thống quản lý chất lượng phù hợp với yêu cầu của dự án. Trình toàn bộ các mẫu biểu, biên bản liên quan đến công tác quản lý chất lượng phù hợp với quy định hiện hành.

- Kiểm tra điều kiện năng lực xây dựng của nhà thầu thi công xây dựng công trình.

- Kiểm tra danh mục, quy cách, chủng loại và tính năng của vật liệu cấu kiện, sản phẩm xây dựng, vật tư thiết bị sẽ sử dụng trong công trình do nhà thầu xây lắp cung cấp.

- Kiểm tra máy móc thiết bị thi công tập kết tới công trình cụ thể :

+ Tính năng kỹ thuật

+ Sự phù hợp với biện pháp tổ chức thi công.

+ Thời gian đăng kiểm.

+ Biện pháp an toàn khi vận hành.

+ Bảo hiểm máy, móc thiết bị và phương tiện theo yêu cầu trong Hồ sơ mời thầu gói thầu Xây lắp cho các khối công trình.

- Kiểm tra văn bằng, chứng chỉ hành nghề của nhân công điều khiển máy móc thiết bị thi công

Giai đoạn thực hiện thi công xây lắp :

- Thực hiện chế độ giám sát thường xuyên, liên tục, có hệ thống tại công trường để quản lý khối lượng, chất lượng, tiến độ các công tác xây lắp do doanh nghiệp xây dựng thực hiện theo hợp đồng giao nhận thầu.

- Kiểm tra hệ thống quản lý chất lượng của doanh nghiệp xây dựng phù hợp với yêu cầu nêu trong hợp đồng giao nhận thầu xây dựng, quy trình và phương án tự kiểm tra chất lượng của doanh nghiệp xây dựng. Tư vấn giám sát sẽ căn cứ vào kế hoạch kiểm tra chất lượng của nhà thầu để thực hiện các bước kiểm tra đánh giá và nghiệm thu theo từng công tác, từng giai đoạn, từng hạng mục, toàn bộ công trình và chịu trách nhiệm về chất lượng các công tác mà mình đã nghiệm thu.

- Thường xuyên kiểm tra sự phù hợp về thiết bị thi công và nhân lực của doanh nghiệp xây dựng được chọn với Hồ sơ dự thầu trong suốt quá trình thi công xây lắp nhằm mục đích đạt được hiệu quả tốt nhất về chất lượng, tiến độ thi công công trình và an toàn trong xây lắp.

- Thực hiện công tác kiểm tra vật liệu, cấu kiện, sản phẩm xây dựng tại hiện trường thông qua :

+ Chứng chỉ xuất xưởng và các thí nghiệm chứng minh chất lượng của lô hàng, đợt sản phẩm do nhà sản xuất cung cấp.

+ Các phiếu kiểm tra xác nhận chất lượng vật liệu sử dụng cho công trình, mẫu vật liệu lấy tại công trường trước khi gia công, lắp đặt.

+ Các phiếu kiểm tra trong quá trình thi công.

+ Các kết quả thí nghiệm hiện trường, thí nghiệm cấu kiện hoàn thành.

- Thay mặt Chủ đầu tư thực hiện công tác kiểm tra vật tư thiết bị trước khi sử dụng, lắp đặt tại công trình thông qua lý lịch, chứng chỉ xuất xưởng và kết quả kiểm định chất lượng thiết bị do các tổ chức có tư cách pháp nhân và các phòng thí nghiệm hợp chuẩn thực hiện. Đặc biệt kiểm tra chặt chẽ xuất xứ, chủng loại, quy cách, số lượng các phụ kiện, chế độ bảo hành theo hợp đồng cung cấp vật tư thiết bị. Việc kiểm tra này phải đảm bảo mục đích loại bỏ các sai sót, khuyết tật trong quá trình vận chuyển đến công trường, cũng như quá trình bảo quản tại công trường.

- Giám sát việc lắp đặt các vật liệu thiết bị đúng theo bản vẽ kỹ thuật, quy trình, phù hợp với thực tế thi công và dây chuyền công nghệ. Thực hiện công tác giám sát thường xuyên, liên tục từ khi có lệnh khởi công từ Chủ đầu tư.

- Kết hợp với nhà thầu xây lắp tiến hành tập hợp các tài liệu, hồ sơ kịp thời để phục vụ cho quá trình nghiệm thu thanh toán đợt cũng như nghiệm thu đưa vào sử dụng. Chủ đầu tư chỉ tiến hành nghiệm thu khi có đầy đủ hồ sơ, tài liệu để nghiệm thu.

- Việc giám sát thi công lắp đặt hệ thống thoát nước không chỉ nhằm mục đích đảm bảo điều kiện vận hành tốt cho từng bản thân từng hệ thống mà phải đảm bảo được yêu cầu vận hành tốt khi tham gia vào hoạt động chung trong phạm vi tổng thể công trình.

- Thay mặt Chủ đầu tư xử lý bằng biên bản bất cứ trường hợp sai sót nào về vật tư thiết bị so với yêu cầu đề ra trong trường hợp ở mọi quá trình từ lúc cung cấp đến khi lắp đặt

đưa vào sử dụng. Tùy từng trường hợp, yêu cầu nhà thầu thay thế sửa chữa hoặc cung cấp bổ sung các phần còn thiếu trước khi chính thức bàn giao cho Chủ đầu tư.

- Tuyệt đối không cho phép đưa vào sử dụng trong công trình những vật liệu, cấu kiện, sản phẩm xây dựng, thiết bị không phù hợp với tiêu chuẩn về chất lượng, quy cách, công nghệ và chưa qua kiểm tra, kiểm định. Trường hợp các vật tư, thiết bị qua kiểm tra không đạt yêu cầu, Tư vấn giám sát phải lập biên bản, khoanh vùng đồng thời yêu cầu Nhà thầu cung cấp phải vận chuyển ngay lô hàng đó ra khỏi công trường.

- Giúp Chủ đầu tư xem xét đánh giá sự phù hợp của các biện pháp thi công xây lắp được Nhà thầu đưa ra so với thiết kế kỹ thuật được duyệt. Các biện pháp thi công sẽ được các chuyên gia của tư vấn giám sát đánh giá dựa trên các yếu tố chủ yếu về mặt công nghệ thiết bị, công nghệ xây dựng, chất lượng, tiến độ, an toàn, khả năng ảnh hưởng tới các hạng mục, phần việc khác, đặc biệt là công tác an toàn cho công trình lân cận nhằm đảm bảo tiến độ và chất lượng công tác xây lắp trên công trường.

- Kết hợp với Nhà thầu xây lắp thực hiện công tác theo dõi và báo cáo các sự cố biến dạng của các hạng mục công trình, toàn bộ công trình và các công trình lân cận trong phạm vi lún ảnh hưởng trong suốt quá trình xây dựng.

- Thực hiện công tác giám sát về chất lượng, khối lượng, tiến độ các công việc xây lắp cho từng bộ phận, giai đoạn xây lắp từng hạng mục công trình và công trình để nghiệm thu theo quy định tại (Nghị định 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng) cụ thể:

Về chất lượng:

- Giám sát chất lượng công tác xây lắp dựa trên cơ sở các tiêu chuẩn kỹ thuật xây dựng được phép áp dụng; bản vẽ thiết kế và các yêu cầu kỹ thuật riêng của công trình.

- Xem xét và đánh giá sự phù hợp và cần thiết của các tiêu chuẩn do Nhà thầu thi công xây lắp đưa ra theo thực tế thi công tại công trường và giám sát việc tuân thủ chất lượng theo các yêu cầu kỹ thuật này. Các chuyên gia của nhà thầu tư vấn giám sát sẽ chịu trách nhiệm trước Chủ đầu tư và pháp luật về các quyết định của mình.

Về khối lượng:

- Thực hiện việc kiểm tra, theo dõi, xác nhận kịp thời và chịu trách nhiệm các khối lượng thi công xây lắp trên công trường phục vụ cho các công tác thanh quyết toán đúng với hợp đồng thi công xây lắp và phù hợp các quy định hiện hành.

- Cập nhật khối lượng thi công hằng ngày trên công trường và có ý kiến đánh giá trong báo cáo định kỳ trình Chủ đầu tư.

- Xem xét và xác nhận các khối lượng phát sinh trên công trường theo đúng trình tự và nguyên tắc trong hợp đồng.

Về tiến độ:

- Kiểm tra kế hoạch tiến độ công trình (tiến độ chi tiết từng phân từng hạng mục và tiến độ tổng thể).

- Giám sát việc đảm bảo tiến độ thi công của các Nhà thầu theo tiến độ đã đề ra trong hợp đồng thi công xây lắp. Trong trường hợp Nhà thầu có dấu hiệu không đảm bảo tiến độ, tư vấn giám sát phải kịp thời báo cáo cho chủ đầu tư và đề xuất hướng giải quyết khắc phục.

- Thực hiện đánh giá và báo cáo tiến độ thường xuyên trong các báo cáo định kỳ.

- Cập nhật và thống kê toàn bộ các thay đổi thiết kế đã được phê duyệt để bổ túc hồ sơ hoàn thành công trình và làm cơ sở để tính toán khối lượng phát sinh (tăng, giảm).

- Phối hợp với các bên liên quan giải quyết những vướng mắc, phát sinh trong thi công.

- Lập báo cáo tình hình chất lượng, tiến độ phục vụ giao ban thường kỳ cũng như báo cáo định kỳ của Chủ đầu tư về chất lượng, tiến độ của công trình xây dựng.

- Kiểm tra thiết bị máy móc thi công trong quá trình thi công có đúng như ở giai đoạn chuẩn bị thi công thông qua chứng chỉ chất lượng của nơi sản xuất thiết bị và kết quả kiểm định chất lượng thiết bị do các tổ chức có tư cách pháp nhân được nhà nước quy định thực hiện.

- Tổ chức kiểm định sản phẩm xây dựng khi cần thiết. Số lượng mẫu kiểm định này không được vượt quá 5% số lượng mẫu kiểm định phải thực hiện theo quy định của các tiêu chuẩn kỹ thuật và không ít hơn 3 mẫu.

- Kiểm tra và xác nhận bản vẽ hoàn công từng công việc, từng bộ phận, từng giai đoạn, từng hạng mục công trình và đưa công trình vào sử dụng.

- Kiểm tra biện pháp bảo đảm an toàn lao động, phòng chống cháy nổ và vệ sinh trong quá trình thi công xây dựng công trình.

- Trước khi nghiệm thu những bộ phận, hạng mục công trình hoặc công trình, nếu phát hiện các dấu hiệu không đảm bảo chất lượng thì đề nghị kịp thời báo cáo Chủ đầu tư và đề xuất biện pháp kiểm tra, hướng xử lý nếu có sai phạm xảy ra

Giai đoạn hoàn thành xây dựng công trình:

- Kiểm tra, tập hợp toàn bộ hồ sơ pháp lý và tài liệu quản lý chất lượng. Lập danh mục hồ sơ, tài liệu hoàn thành công trình xây dựng theo quy định tại (Nghị định 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng).

- Tư vấn cho Chủ đầu tư mời cơ quan chức năng quản lý Nhà nước về chất lượng công trình xây dựng kiểm tra công tác nghiệm thu đối với các giai đoạn quan trọng của công trình; kiểm tra sự tuân thủ quy định quản lý chất lượng công trình xây dựng khi hoàn thành công trình đưa vào sử dụng.

- Kiểm tra xác nhận thiết kế bản vẽ phi công phát sinh, thay đổi (nếu có).

- Kiểm tra, xác nhận quyết toán công trình.

2.2 Quyền hạn thực hiện.

- Hướng dẫn, đề xuất nhà thầu xây lắp các biện pháp thi công thích hợp nhằm đảm bảo chất lượng tiến độ thi công

- Được phép dừng thi công và lập biên bản khi nhà thầu xây lắp vi phạm các điều kiện đảm bảo chất lượng công trình, an toàn thi công xây lắp.

- Từ chối nghiệm thu sản phẩm của công tác thi công xây lắp, các giai đoạn xây lắp không đảm bảo chất lượng. Lý do từ chối phải thể hiện bằng văn bản.

- Khi phát hiện thiết bị thi công, nhân lực, vật liệu, cấu kiện sản phẩm xây dựng, thiết bị công trình và thiết bị công nghệ không phù hợp với hợp đồng giao nhận thầu thì được quyền:

- Yêu cầu Nhà thầu xây lắp phải sử dụng thiết bị thi công, nhân lực theo đúng cam kết đã nêu trong hợp đồng giao nhận thầu xây lắp.

Không cho phép đưa vào sử dụng trong công trình những vật liệu, cấu kiện, sản phẩm xây dựng, thiết bị không phù hợp với tiêu chuẩn về chất lượng, quy cách không phù hợp với công nghệ hoặc chưa qua kiểm tra, kiểm định và yêu cầu Nhà thầu vận chuyển ra khỏi phạm vi công trình ngay lập tức.

III. Báo cáo và thời gian thực hiện

Đơn vị tư vấn giám sát phải chuẩn bị và nộp các báo cáo sau

STT	Mục	Số lượng	Thời gian nộp
1	Báo cáo nhanh, báo cáo khi có sự cố	02	Ngay sau khi có hiện tượng xảy ra
2	Báo cáo hiện trường hàng tuần	02	Hàng tuần vào sáng thứ 6 hoặc theo yêu cầu của chủ đầu tư.
3	Báo cáo tiến độ hàng tháng	02	Hàng tháng vào ngày 20 cuối tháng hoặc theo yêu cầu của chủ đầu tư
4	Báo cáo kiểm tra hàng hoá	02	Cho mỗi lần kiểm tra trong vòng 01 tuần sau mỗi lần kiểm tra
5	Báo cáo theo từng đợt nghiệm thu, giai đoạn nghiệm thu	02	Trước khi nghiệm thu
6	Báo cáo hoàn thành	02	Trong vòng 01 tháng sau khi kết thúc

IV. Kinh nghiệm và nhân sự của nhà thầu.

Theo mục 2a chương III của E-HSMT

V. Trách nhiệm của Chủ đầu tư

- Chủ đầu tư sẽ cung cấp cho nhà thầu các thông tin, tài liệu liên quan đến dự án mà Chủ đầu tư có được trong khoảng thời gian sớm nhất theo đề nghị của nhà thầu;

-
- Chủ đầu tư sẽ cung cấp cho nhà thầu một (01) bản sao của tất cả các tài liệu liên quan đến thiết kế, hợp đồng đã ký kết với các nhà thầu khác;
 - Chủ đầu tư sẽ cùng hợp tác với nhà thầu và tạo điều kiện đến mức tối đa cho nhà thầu trong quá trình thực hiện hợp đồng.
 - Thanh toán: Chủ đầu tư sẽ thanh toán cho nhà thầu toàn bộ giá hợp đồng theo đúng các quy định được thỏa thuận trong hợp đồng.
 - Thông tin: Chủ đầu tư sẽ trả lời bằng văn bản các đề nghị hay yêu cầu của nhà thầu trong vòng 07 ngày làm việc
 - Nhân lực của Chủ đầu tư: Chủ đầu tư có trách nhiệm cử những cá nhân có đủ năng lực và chuyên môn phù hợp với từng công việc để làm việc với nhà thầu.
 - Chủ đầu tư sẽ cùng bàn bạc và đi tới thống nhất trước khi quyết định các vấn đề quan trọng liên quan đến phạm vi công việc của nhà thầu;
 - Chủ đầu tư sẽ cấp biên bản xác nhận việc hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng cho nhà thầu. Tuy nhiên tất cả việc phê duyệt hay cấp bất kỳ văn bản nào của Chủ đầu tư không làm giảm trách nhiệm của nhà thầu trong quá trình thực hiện hợp đồng

PHẦN 3. YÊU CẦU VỀ HỢP ĐỒNG
Chương VI. ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG

1. Định nghĩa	<p>Trong hợp đồng này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <p>1.1. “chủ đầu tư” là tổ chức được quy định tại E-ĐKCT;</p> <p>1.2. “Hợp đồng” là thỏa thuận giữa chủ đầu tư và nhà thầu, thể hiện bằng văn bản, được hai bên ký kết, bao gồm cả phụ lục và tài liệu kèm theo;</p> <p>1.3. “Nhà thầu” là nhà thầu trúng thầu (có thể là nhà thầu độc lập hoặc liên danh) và được quy định tại E-ĐKCT;</p> <p>1.4. “Nhà thầu phụ” là tổ chức, cá nhân ký hợp đồng với nhà thầu để tham gia thực hiện công việc tư vấn;</p> <p>1.5. “Tài liệu hợp đồng” là các tài liệu được liệt kê trong Hợp đồng, bao gồm bất kỳ bản sửa đổi, bổ sung nào của Hợp đồng;</p> <p>1.6. “Giá hợp đồng” là giá trị ghi trong hợp đồng giữa chủ đầu tư và nhà thầu. Giá hợp đồng đã bao gồm tất cả các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có);</p> <p>1.7. “Ngày” là ngày dương lịch; “năm” là 365 ngày;</p> <p>1.8. “Dịch vụ tư vấn” là toàn bộ công việc do Nhà thầu thực hiện theo hợp đồng được miêu tả trong Điều khoản tham chiếu;</p> <p>1.9. “Hoàn thành” là việc Nhà thầu hoàn tất toàn bộ công việc theo các điều khoản và điều kiện quy định tại Hợp đồng;</p> <p>1.10. “Địa điểm dự án” là địa điểm được quy định tại E-ĐKCT;</p> <p>1.11. “Ngày hợp đồng có hiệu lực” là ngày được quy định tại E-ĐKCT;</p> <p>1.12. “Chi phí khác” là tất cả chi phí ngoài lương của tư vấn có liên quan đến DVTV;</p> <p>1.13 “Thời gian thực hiện hợp đồng” được tính từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến khi các bên đã hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng đã ký.</p>
2. Hồ sơ hợp đồng và thứ tự ưu tiên	<p>2.1. Tất cả các tài liệu nêu tại Mục 2.2 E-ĐKC (bao gồm cả các phần của tài liệu) sẽ cấu thành Hợp đồng để tạo thành thể thống nhất, có tính tương hỗ, bổ sung và giải thích cho nhau.</p> <p>2.2. Các tài liệu cấu thành Hợp đồng được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên sau đây:</p> <p>a) Văn bản hợp đồng, kèm theo các phụ lục hợp đồng;</p> <p>b) E-ĐKCT của hợp đồng đã được điền đầy đủ các nội dung và bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu, thương thảo hợp đồng (nếu có), hoàn thiện hợp đồng (nếu có);</p> <p>c) Biên bản đối chiếu tài liệu và thương thảo hợp đồng, hoàn thiện</p>

	<p>hợp đồng;</p> <p>d) E-ĐKC của hợp đồng;</p> <p>đ) Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;</p> <p>e) Thư chấp thuận E-HSĐT và trao hợp đồng;</p> <p>g) E-HSĐT và các văn bản làm rõ E-HSĐT của Nhà thầu (nếu có);</p> <p>h) E-HSMT và các tài liệu sửa đổi, làm rõ E-HSMT (nếu có);</p> <p>i) Các tài liệu khác quy định tại E-ĐKCT.</p> <p>2.3. Tài liệu hợp đồng là một phần của hồ sơ hợp đồng quy định tại Điều 65 Luật Đấu thầu và được các bên ký số để tạo thành hợp đồng điện tử bao gồm:</p> <p>a) Văn bản hợp đồng;</p> <p>b) Điều kiện cụ thể của hợp đồng được điền đầy đủ toàn bộ nội dung và bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu;</p> <p>c) Phụ lục hợp đồng gồm danh mục chi tiết về phạm vi công việc, biểu giá, tiến độ thực hiện (nếu có);</p> <p>d) Tài liệu khác (nếu có).</p>
<p>3. Luật áp dụng và ngôn ngữ sử dụng</p>	<p>3.1. Luật điều chỉnh hợp đồng là luật Việt Nam.</p> <p>3.2. Ngôn ngữ của hợp đồng là tiếng Việt.</p>
<p>4. Sử dụng các tài liệu và thông tin liên quan đến hợp đồng</p>	<p>4.1. Các tài liệu, thông tin là sản phẩm của nhà thầu trong khuôn khổ Hợp đồng này thuộc quyền sở hữu của chủ đầu tư, trừ khi có quy định khác tại E-ĐKCT. Nhà thầu có thể giữ lại bản sao của các tài liệu và thông tin này nhưng không được sử dụng vào mục đích khác nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của chủ đầu tư.</p> <p>4.2. Chủ đầu tư và Nhà thầu phải bảo mật bất kỳ tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin nào khác liên quan đến hợp đồng do một bên cung cấp trực tiếp hoặc gián tiếp cho bên kia, không được tiết lộ tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó cho bên thứ ba nếu không có văn bản đồng ý của bên kia cho dù tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó được cung cấp trước, trong hoặc sau khi hoàn thành hoặc chấm dứt hợp đồng. Nhà thầu có thể chuyển cho nhà thầu phụ các tài liệu, dữ liệu và thông tin phù hợp do chủ đầu tư cung cấp để nhà thầu phụ thực hiện công việc của mình theo hợp đồng; trong trường hợp này, nhà thầu phụ phải có cam kết với Nhà thầu về việc bảo mật các tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó.</p> <p>4.3. Chủ đầu tư không được sử dụng các tài liệu, dữ liệu và thông tin khác nhận được từ Nhà thầu cho bất kỳ mục đích nào khác không liên quan đến hợp đồng. Nhà thầu không được sử dụng các tài liệu, dữ liệu và thông tin khác nhận được từ chủ đầu tư cho bất kỳ mục đích nào khác không liên quan đến việc thực hiện hợp đồng.</p>

	<p>4.4. Nghĩa vụ của chủ đầu tư và nhà thầu quy định tại Mục 4.2 và Mục 4.3 E-ĐKC không áp dụng đối với các thông tin sau đây:</p> <p>a) Thông tin mà chủ đầu tư hoặc Nhà thầu cần cung cấp cho cấp có thẩm quyền;</p> <p>b) Thông tin đã hoặc sẽ được công bố mà không phải do lỗi của chủ đầu tư hoặc nhà thầu;</p> <p>c) Thông tin thuộc sở hữu của một bên vào thời điểm công bố và trước đó không phải do bên kia cung cấp trực tiếp hoặc gián tiếp;</p> <p>d) Thông tin mà một bên nhận được một cách hợp pháp từ một bên thứ ba không có nghĩa vụ bảo mật thông tin.</p> <p>4.5. Các quy định tại Mục 4 E-ĐKC không làm thay đổi bất kỳ cam kết bảo mật nào do một bên đưa ra trước ngày ký hợp đồng liên quan đến việc cung cấp dịch vụ tư vấn.</p> <p>4.6. Các quy định tại Mục 4 E-ĐKC tiếp tục có hiệu lực sau khi hoàn thành hoặc chấm dứt hợp đồng vì bất cứ lý do gì.</p>
<p>5. Bản quyền</p>	<p>5.1. Trừ trường hợp E-ĐKCT có quy định khác, tất cả báo cáo, số liệu và thông tin có liên quan như bản đồ, sơ đồ, kế hoạch, cơ sở dữ liệu, các tài liệu khác do Nhà thầu tổng hợp hoặc thực hiện cho chủ đầu tư trong quá trình thực hiện hợp đồng phải được bảo mật và thuộc quyền sở hữu duy nhất của chủ đầu tư.</p> <p>Ngay khi chấm dứt hay hết hạn Hợp đồng, Nhà thầu có nghĩa vụ nộp tất cả các tài liệu nêu trên cho chủ đầu tư kèm theo bản kê chi tiết về các tài liệu. Nhà thầu có thể lưu giữ bản sao của các tài liệu, dữ liệu, phần mềm này nhưng không được sử dụng cho các mục đích không liên quan đến Hợp đồng khi chưa có sự chấp thuận bằng văn bản của chủ đầu tư.</p> <p>5.2. Trường hợp phải có thỏa thuận cho phép sử dụng giữa Nhà thầu và bên thứ ba để lập, xây dựng các bản vẽ, thông số kỹ thuật, thiết kế, cơ sở dữ liệu, các tài liệu và phần mềm khác, nhà thầu phải được chủ đầu tư chấp thuận trước bằng văn bản đối với các thỏa thuận này. Chủ đầu tư có quyền yêu cầu bù đắp các chi phí liên quan đến việc xây dựng các bản vẽ, thông số kỹ thuật, thiết kế, cơ sở dữ liệu, các tài liệu và phần mềm nêu trên.</p> <p>5.3. Nhà thầu phải cam kết rằng dịch vụ tư vấn mà nhà thầu cung cấp cho chủ đầu tư không vi phạm quyền sở hữu trí tuệ của bất kỳ bên thứ ba nào.</p> <p>5.4. Nhà thầu phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi thiệt hại phát sinh do việc khiếu nại của bên thứ ba (nếu có) về việc vi phạm quyền sở hữu trí tuệ liên quan tới dịch vụ tư vấn mà nhà thầu cung cấp cho chủ đầu tư.</p>
<p>6. Bảo hiểm</p>	<p>6.1. Nhà thầu phải mua và duy trì đồng thời yêu cầu các nhà thầu phụ (nếu có) mua và duy trì bảo hiểm rủi ro và các loại bảo hiểm khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>6.2. Nhà thầu phải bảo đảm mua các loại bảo hiểm đó trước khi thực hiện công việc tư vấn.</p>

7. Loại hợp đồng	Loại hợp đồng: được quy định tại E-ĐKCT .
8. Giá hợp đồng	Giá hợp đồng quy định tại E-ĐKCT là toàn bộ chi phí để hoàn thành toàn bộ nội dung công việc của gói thầu trên cơ sở bảo đảm tiến độ, chất lượng theo đúng yêu cầu của E-HSMT.
9. Thuế, phí	Nhà thầu, nhà thầu phụ có trách nhiệm thanh toán các nghĩa vụ thuế, phí (nếu có) phát sinh từ Hợp đồng.
10. Tạm ứng và thanh toán	Việc tạm ứng và thanh toán thực hiện theo quy định tại E-ĐKCT .
11. Bảo hành sản phẩm của dịch vụ	Việc bảo hành sản phẩm của dịch vụ thực hiện theo quy định tại E-ĐKCT .
12. Thời gian thực hiện hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng quy định tại E-ĐKCT .
13. Sửa đổi hợp đồng	<p>13.1. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp cần phải thay đổi các điều khoản trong hợp đồng thì trong thời hạn nêu tại E-ĐKCT kể từ khi nhận được đề nghị sửa đổi hợp đồng của chủ đầu tư hoặc nhà thầu, bên nhận được đề nghị có trách nhiệm xem xét và đưa ra các yêu cầu cụ thể cho việc sửa đổi này làm cơ sở để hai bên thương thảo và ký kết văn bản sửa đổi hợp đồng.</p> <p>13.2. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, các bên được điều chỉnh các mốc thời gian hoàn thành các nội dung quy định cụ thể trong hợp đồng trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Trường hợp bất khả kháng hoặc phát sinh các điều kiện bất lợi, cản trở nhà thầu trong việc thực hiện hợp đồng và không liên quan đến vi phạm hoặc sơ suất của các bên tham gia hợp đồng;</p> <p>b) Thay đổi, điều chỉnh dự án, phạm vi công việc, phạm vi cung cấp, thiết kế, giải pháp thi công chủ đạo, biện pháp cung cấp do yêu cầu khách quan làm ảnh hưởng đến tiến độ hợp đồng;</p> <p>c) Một hoặc các bên đề xuất sáng kiến, cải tiến thực hiện hợp đồng mà cần thay đổi tiến độ nhằm mục đích mang lại lợi ích cao hơn cho chủ đầu tư;</p> <p>d) Tạm dừng hợp đồng do lỗi của chủ đầu tư ảnh hưởng đến tiến độ hợp đồng mà không do lỗi của nhà thầu;</p> <p>đ) Tạm dừng thực hiện công việc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền mà không do lỗi của chủ đầu tư, nhà thầu;</p> <p>e) Các trường hợp khác theo quy định của E-ĐKCT</p> <p>Khi điều chỉnh các mốc thời gian hoàn thành mà không vượt thời gian thực hiện hợp đồng thì chủ đầu tư và nhà thầu thống nhất điều chỉnh,</p>

	<p>trường hợp vượt thì chủ đầu tư và nhà thầu chỉ được thỏa thuận, thống nhất việc điều chỉnh khi được người có thẩm quyền cho phép.</p> <p>13.3. Trường hợp phạm vi công việc nêu trong hợp đồng và điều khoản tham chiếu có sự thay đổi ảnh hưởng tới giá hợp đồng, hai bên thỏa thuận, thống nhất về thay đổi nội dung công việc, giá hợp đồng để làm cơ sở ký kết văn bản sửa đổi hợp đồng.</p>
14. Nhân sự	<p>14.1. Nhà thầu phải huy động tất cả chuyên gia để thực hiện các nội dung công việc như đã đề xuất trong E-HSDT trừ trường hợp chủ đầu tư có thỏa thuận khác. Trường hợp cần thiết phải thay đổi nhân sự theo quy định tại Mục 27 E-CDNT thì nhà thầu phải báo cáo và được sự chấp thuận của chủ đầu tư. Nhân sự thay thế phải có năng lực, kinh nghiệm tương đương hoặc tốt hơn so với nhân sự đã đề xuất trước đó.</p> <p>14.2. Chủ đầu tư có quyền yêu cầu nhà thầu thay thế nhân sự trong trường hợp cá nhân chuyên gia tư vấn mất năng lực hành vi dân sự hoặc không hoàn thành tốt công việc của mình hoặc không đúng với nhân sự đã đề xuất trong E-HSDT. Khi nhận được văn bản yêu cầu thay thế nhân sự của chủ đầu tư, trong thời gian quy định tại E-ĐKCT, nhà thầu phải thực hiện thay thế chuyên gia có năng lực và kinh nghiệm được chủ đầu tư chấp nhận. Trừ trường hợp có thỏa thuận khác, mọi chi phí phát sinh do thay đổi nhân sự do nhà thầu chịu. Mức thù lao cho nhân sự thay thế không vượt mức thù lao cho người bị thay thế.</p>
15. Quyền và nghĩa vụ của nhà thầu	<p>15.1. Quyền của nhà thầu:</p> <p>a) Yêu cầu chủ đầu tư cung cấp các thông tin, tài liệu liên quan đến việc thực hiện dịch vụ tư vấn;</p> <p>b) Từ chối thực hiện công việc không hợp lý ngoài nội dung Hợp đồng;</p> <p>c) Được đảm bảo quyền tác giả theo quy định của pháp luật (đối với những sản phẩm tư vấn có quyền tác giả);</p> <p>d) Được quyền yêu cầu chủ đầu tư thanh toán đúng hạn theo quy định tại Mục 10 Chương này.</p> <p>15.2. Nghĩa vụ của nhà thầu:</p> <p>a) Chịu trách nhiệm đối với chất lượng các sản phẩm tư vấn của mình;</p> <p>b) Nộp cho chủ đầu tư các báo cáo và các tài liệu với số lượng và thời gian quy định trong Hợp đồng. Nhà thầu thông báo đầy đủ và kịp thời tất cả thông tin liên quan đến công việc tư vấn có thể làm chậm trễ hoặc cản trở việc hoàn thành các công việc theo tiến độ và đề xuất giải pháp thực hiện;</p> <p>c) Có trách nhiệm hoàn thành đúng tiến độ và giao nộp các sản phẩm tư vấn theo quy định trong Hợp đồng. Nhà thầu có trách nhiệm trình bày và bảo vệ các quan điểm về các nội dung của công việc tư vấn trong các buổi họp trình duyệt của các cấp có thẩm quyền do chủ đầu tư tổ chức (nếu có);</p> <p>d) Thực hiện công việc đúng pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng cho hợp đồng và đảm bảo rằng Nhà thầu phụ (nếu có), nhân lực của</p>

	<p>Nhà thầu và Nhà thầu phụ sẽ luôn tuân thủ pháp luật. Phải cam kết khi có yêu cầu của chủ đầu tư, nhà thầu hoặc nhà thầu phụ sẽ cử đại diện có đủ thẩm quyền, năng lực để giải quyết các công việc còn vướng mắc tại bất kỳ thời điểm theo yêu cầu của chủ đầu tư (kể cả ngày nghỉ) cho tới ngày nghiệm thu sản phẩm tư vấn;</p> <p>đ) Có trách nhiệm cung cấp hồ sơ, tài liệu phục vụ cho các cuộc họp, báo cáo, thẩm định ... với số lượng theo yêu cầu của chủ đầu tư;</p> <p>e) Thu thập các thông tin cần thiết để phục vụ cho công việc tư vấn theo Hợp đồng;</p> <p>g) Giữ bí mật thông tin liên quan đến dịch vụ tư vấn mà hợp đồng và pháp luật có quy định.</p>
16. Nhà thầu phụ	<p>16.1. Nhà thầu được ký kết hợp đồng với các Nhà thầu phụ trong danh sách các Nhà thầu phụ quy định tại E-ĐKCT để thực hiện một phần công việc nêu trong E-HSDT. Việc sử dụng Nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các nghĩa vụ của Nhà thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm trước chủ đầu tư về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các nghĩa vụ khác đối với phần việc do Nhà thầu phụ thực hiện.</p> <p>Việc thay thế, bổ sung Nhà thầu phụ trong danh sách các Nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT hoặc thay đổi nội dung thầu phụ nêu trong E-HSDT chỉ được thực hiện khi được chủ đầu tư, tư vấn giám sát (nếu có) chấp thuận và không vượt mức tối đa giá trị công việc dành cho Nhà thầu phụ nêu trong hợp đồng; việc sử dụng Nhà thầu phụ phải phù hợp với nhu cầu của nhà thầu trong thực hiện hợp đồng, Nhà thầu phụ phải đáp ứng về năng lực, kinh nghiệm theo yêu cầu của nhà thầu;</p> <p>16.2. Giá trị công việc mà các Nhà thầu phụ quy định tại Mục 16.1 E-ĐKC thực hiện không được vượt quá tỷ lệ phần trăm theo giá hợp đồng nêu tại E-ĐKCT.</p> <p>16.3. Nhà thầu có trách nhiệm thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho Nhà thầu phụ theo các điều khoản thỏa thuận giữa Nhà thầu và Nhà thầu phụ</p> <p>16.4. Yêu cầu khác về Nhà thầu phụ quy định tại E-ĐKCT.</p>
17. Phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại	<p>Phạt vi phạm hợp đồng và bồi thường thiệt hại theo quy định tại E-ĐKCT.</p>
18. Tạm dừng hợp đồng	<p>18.1. Chủ đầu tư có thể tạm dừng toàn bộ hoặc một phần công việc của Nhà thầu bằng cách thông báo bằng văn bản cho nhà thầu về việc tạm dừng nếu nhà thầu không thực hiện một nghĩa vụ cụ thể nào của mình theo Hợp đồng với điều kiện thông báo đó phải (i) nêu rõ nội dung của việc không thực hiện được; và (ii) yêu cầu Nhà thầu có biện pháp khắc phục trong thời gian không quá ba mươi (30) ngày sau khi Nhà thầu nhận được thông báo tạm dừng đồng thời nhà thầu phải bồi thường thiệt hại (nếu có) cho chủ đầu tư do tạm ngừng công việc</p> <p>18.2. Tạm ngừng công việc bởi Nhà thầu</p>

	<p>a) Nếu chủ đầu tư không thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng, không thanh toán theo các điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng này quá 28 ngày kể từ ngày hết hạn thanh toán, sau khi thông báo cho chủ đầu tư, Nhà thầu có thể sẽ tạm ngừng công việc (hoặc giảm tỷ lệ công việc).</p> <p>b) Sau khi chủ đầu tư thực hiện các nghĩa vụ của mình theo hợp đồng, Nhà thầu phải tiếp tục tiến hành công việc bình thường ngay khi có thể được.</p> <p>c) Nếu các chi phí phát sinh là hậu quả của việc tạm ngừng công việc (hoặc do giảm tỷ lệ công việc) theo khoản này, Nhà thầu phải thông báo cho chủ đầu tư để xem xét. Sau khi nhận được thông báo, chủ đầu tư xem xét và có ý kiến về các vấn đề đã nêu.</p> <p>d) Trước khi tạm ngừng thực hiện công việc trong hợp đồng thì Nhà thầu phải thông báo cho chủ đầu tư biết bằng văn bản trong đó nêu rõ lý do tạm ngừng công việc thực hiện.</p>
19. Chấm dứt hợp đồng do sai phạm của nhà thầu	<p>19.1. Chủ đầu tư có thể chấm dứt việc thực hiện một phần hoặc toàn bộ hợp đồng bằng cách thông báo bằng văn bản cho nhà thầu khi nhà thầu không thực hiện nội dung công việc như quy định tại E-ĐKCT.</p> <p>19.2. Chủ đầu tư có thể gửi thông báo chấm dứt hợp đồng cho nhà thầu khi phát hiện nhà thầu lâm vào tình trạng phá sản mà không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào. Việc chấm dứt hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của chủ đầu tư được hưởng theo quy định của hợp đồng và pháp luật.</p> <p>19.3. Trong trường hợp chủ đầu tư chấm dứt việc thực hiện một phần hay toàn bộ hợp đồng theo Mục 19.1 E-ĐKC, chủ đầu tư có thể ký hợp đồng với nhà thầu khác để thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt đó. Nhà thầu sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho chủ đầu tư những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt này. Tuy nhiên, nhà thầu vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng không bị chấm dứt.</p>
20. Chấm dứt hợp đồng do lỗi của chủ đầu tư	<p>Nhà thầu có thể chấm dứt việc thực hiện một phần hoặc toàn bộ hợp đồng bằng cách thông báo bằng văn bản cho chủ đầu tư khi chủ đầu tư không thực hiện nội dung công việc như quy định tại E-ĐKCT.</p>
21. Trường hợp bất khả kháng	<p>21.1. Khi xảy ra sự việc bất khả kháng, việc một bên không thực hiện được bất kỳ một nghĩa vụ nào của mình sẽ không bị coi là vi phạm hay phá vỡ Hợp đồng, với điều kiện bên bị ảnh hưởng bởi vụ việc này: (a) đã tiến hành những biện pháp ngăn ngừa hợp lý, cần trọng và các biện pháp thay thế cần thiết, tất cả với mục đích thực hiện được những điều khoản và điều kiện của Hợp đồng này, và (b) phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ của mình trong phạm vi Hợp đồng chừng nào việc thực hiện này còn hợp lý và thực tế.</p> <p>21.2. Trong hợp đồng này, bất khả kháng được hiểu là các sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên và không thể lường trước, không thể tránh được và khiến cho việc thực hiện hợp đồng là không</p>

khả thi mà nguyên nhân không phải do sơ suất hoặc thiếu chú ý của các bên. Sự kiện bất khả kháng có thể bao gồm nhưng không giới hạn bởi chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch hoặc các chính sách, quy định của Nhà nước.

21.3. Khi xảy ra sự kiện bất khả kháng, bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho bên kia về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện trong vòng 14 ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện bất khả kháng. Đồng thời, chuyển cho bên kia giấy xác nhận về sự kiện bất khả kháng đó được cấp bởi một tổ chức có thẩm quyền tại nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng.

Nhà thầu bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để hạn chế hậu quả của sự việc bất khả kháng.

21.4. Thời hạn mà một bên phải hoàn thành một công việc theo Hợp đồng này được gia hạn thêm một khoảng thời gian bằng đúng thời gian bên đó không thể thực hiện được công việc do sự kiện bất khả kháng gây ra.

21.5. Trong thời gian không thực hiện được Dịch vụ do sự kiện bất khả kháng, theo yêu cầu của chủ đầu tư, Nhà thầu có nghĩa vụ:

(a) Ngừng huy động chuyên gia, trong trường hợp này, Nhà thầu sẽ được hoàn trả những chi phí phát sinh mà họ phải chi trả một cách hợp lý và cần thiết. Trường hợp được chủ đầu tư yêu cầu phục hồi lại Dịch vụ thì nhà thầu còn được hoàn trả chi phí này; hoặc

(b) Tiếp tục thực hiện Dịch vụ trong chừng mực có thể; trong trường hợp này, Nhà thầu sẽ tiếp tục được thanh toán theo điều khoản của Hợp đồng và được hoàn trả những chi phí phát sinh thêm một cách hợp lý và cần thiết.

Trường hợp phát sinh tranh chấp giữa các bên do sự kiện bất khả kháng xảy ra hoặc kéo dài thì tranh chấp sẽ được giải quyết theo quy định tại Mục 22 Chương này.

21.6. Chấm dứt hợp đồng và thanh toán hợp đồng trong trường hợp bất khả kháng (nếu có)

a) Nếu việc thực hiện các công việc của hợp đồng bị dừng do bất khả kháng đã được thông báo theo quy định của hợp đồng trong khoảng thời gian mà tổng số ngày bị dừng lớn hơn số ngày do bất khả kháng đã được thông báo, thì một trong hai bên có quyền gửi thông báo chấm dứt hợp đồng cho bên kia.

b) Đối với trường hợp chấm dứt này, chủ đầu tư sẽ phải thanh toán cho Nhà thầu:

- Các khoản thanh toán cho bất kỳ công việc nào đã được hoàn thành theo giá đã được nêu trong hợp đồng.

- Chi phí cho thiết bị và vật tư được đặt hàng cho gói thầu (nếu có) đã được chuyển tới cho Nhà thầu. Thiết bị và vật tư này sẽ trở thành

	tài sản (và là rủi ro) của chủ đầu tư khi đã được chủ đầu tư thanh toán và Nhà thầu sẽ để cho chủ đầu tư sử dụng.
22. Giải quyết tranh chấp	<p>22.1. Nhà thầu và chủ đầu tư có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hoà giải.</p> <p>22.2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hoà giải trong thời gian quy định tại E-ĐKCT kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết theo cơ chế được xác định trong E-ĐKCT.</p>
23. Thông báo	<p>23.1. Bất cứ thông báo nào của một bên gửi cho bên kia liên quan đến hợp đồng phải được thể hiện bằng văn bản, theo địa chỉ được ghi trong E-ĐKCT.</p> <p>23.2. Thông báo của một bên sẽ có hiệu lực kể từ ngày bên kia nhận được hoặc theo ngày hiệu lực nêu trong thông báo, tùy theo ngày nào đến muộn hơn.</p>

Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

E-ĐKC 1.1	- Chủ đầu tư là: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Đức Hòa; - Địa chỉ: : Ấp Khiêm Cường, Xã Hậu Nghĩa, Tỉnh Tây Ninh
E-ĐKC 1.3	Nhà thầu: _____ <i>[ghi tên, địa chỉ, số tài khoản, mã số thuế, điện thoại, fax, email của Nhà thầu]</i>
E-ĐKC 1.10	Địa điểm dự án: xã Mỹ Hạnh, tỉnh Tây Ninh.
E-ĐKC 1.11	Ngày hợp đồng có hiệu lực: Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hai bên ký hợp đồng.
E-ĐKC 2.2 (i)	Các tài liệu khác: _____ <i>[Ghi các tài liệu khác, nếu có]</i>
E-ĐKC 4.1	Việc sử dụng tài liệu và thông tin liên quan đến hợp đồng: _____ <i>[Ghi các quy định khác (nếu có)]</i>
E-ĐKC 5.1	Các trường hợp khác: _____ <i>[ghi các trường hợp khác (nếu có). Trường hợp không áp dụng thì ghi “không áp dụng”]</i>
E-ĐKC 7	Loại hợp đồng: Trọn gói
E-ĐKC 8	Giá hợp đồng bao gồm toàn bộ các chi phí, lãi và bất kỳ khoản thuế nào mà nhà thầu phải nộp. (1) Đối với loại hợp đồng trọn gói: giá hợp đồng là cố định đối với phạm vi công việc nêu trong hợp đồng và điều khoản tham chiếu.
E-ĐKC 10	10.1. Tạm ứng - Thời gian tạm ứng: Quy định chi tiết trong hợp đồng ký kết. Chủ đầu tư tạm ứng cho Nhà thầu là $\geq 20\%$ giá trị hợp đồng Số tiền tạm ứng này sẽ được Chủ đầu tư thu hồi qua các lần thanh toán khối lượng hoàn thành của hợp đồng và thu hồi hết khi giá trị thanh toán (bao gồm cả tạm ứng và thanh toán khối lượng hoàn thành) đạt 80% giá trị hợp đồng. 10.2. Thanh toán Phương thức thanh toán: chuyển khoản - Đồng tiền thanh toán: VND. - Số lần thanh toán: Quy định chi tiết trong hợp đồng ký kết. - Thời hạn thanh toán: 07 ngày kể từ khi nhà thầu xuất trình đầy đủ các chứng từ theo yêu cầu. Chứng từ phục vụ cho việc thanh toán
E-ĐKC 11	Bảo hành sản phẩm của dịch vụ: không áp dụng
E-ĐKC 12	Thời gian thực hiện hợp đồng: 730 ngày.
E-ĐKC 13.1	Thời gian bên nhận yêu cầu trả lời yêu cầu sửa đổi hợp đồng của Chủ đầu tư hoặc nhà thầu: 05 ngày.
E-ĐKC 13.2 (e)	Các trường hợp khác: _____ <i>[ghi các trường hợp khác (nếu có) phù hợp với quy định của pháp luật].</i>

E-ĐKC 14.2	Thời gian nhà thầu thực hiện việc thay thế nhân sự: 07 ngày.
E-ĐKC 16.1	Danh sách nhà thầu phụ: _____ [<i>Ghi danh sách nhà thầu phụ phù hợp với danh sách nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT</i>].
E-ĐKC 16.2	Tổng giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá: 10% giá hợp đồng
E-ĐKC 16.4	Yêu cầu khác về nhà thầu phụ: Phù hợp quy định của pháp luật hiện hành.
E-ĐKC 17	<p>1. Phạt vi phạm hợp đồng: Không áp dụng</p> <p>2. Bồi thường thiệt hại: Áp dụng.</p> <p><i>Trường hợp áp dụng bồi thường thiệt hại thì quy định về bồi thường thiệt hại theo một trong các cách thức sau:</i></p> <p>- <i>Bồi thường thiệt hại trên cơ sở toàn bộ thiệt hại thực tế;</i></p>
E-ĐKC 19.1	<p>Chấm dứt hợp đồng do sai phạm của nhà thầu:</p> <p><i>Nhà thầu tư vấn không sửa chữa được sai sót nghiêm trọng mà Nhà thầu tư vấn không thể khắc phục được trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình trong vòng 07 ngày.</i></p> <p>- <i>Nhà thầu không có lý do chính đáng mà không tiếp tục thực hiện công việc theo [Thời gian thực hiện gói thầu, thời gian thực hiện hợp đồng và tiến độ thực hiện hợp đồng tư vấn xây dựng], hoặc 07 ngày liên tục không thực hiện công việc theo hợp đồng</i></p>
E-ĐKC 20	<p>Chấm dứt hợp đồng do lỗi của chủ đầu tư:</p> <p><i>Chủ đầu tư không thanh toán cho Nhà thầu tư vấn theo hợp đồng và không thuộc đối tượng tranh chấp theo [Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp] sau khoảng thời gian 07 ngày kể từ ngày Chủ đầu tư nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ</i></p>
E-ĐKC 22.2	<p>Giải quyết tranh chấp:</p> <p>- Đối với những vấn đề không quy định trong hợp đồng này sẽ bàn bạc trao đổi trên tinh thần hợp tác, hòa giải.</p> <p>- Mọi tranh chấp xảy ra các bên phải có trách nhiệm thương lượng, giải quyết. Trường hợp không đạt được thỏa thuận giữa các bên, tranh chấp sẽ được giải quyết tại Tòa án Khu vực 1 – tỉnh Tây Ninh. Luật áp dụng là luật Việt Nam. Quyết định của Tòa án là quyết định cuối cùng buộc các bên phải thi hành. Án phí do bên thua kiện chịu.</p>
E-ĐKC 23.1	<p>Địa chỉ để hai bên thông báo cho nhau những thông tin theo quy định:</p> <p>- Địa chỉ liên lạc của chủ đầu tư: Ban quản lý dự án ĐTXD khu vực Đức Hòa.</p> <p>Điện thoại: _____</p> <p>Fax: _____</p> <p>E-mail: bqldaxdduchoa@longan.gov.vn</p> <p>- Địa chỉ liên lạc của Nhà thầu: _____</p>



	Điện thoại: _____ Fax: _____ E-mail: _____
--	--



CHƯƠNG VIII. BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Tùy theo tính chất và yêu cầu của gói thầu mà áp dụng loại hợp đồng DVTV cho phù hợp.

Trường hợp hợp đồng có một hoặc nhiều hợp đồng bộ phận, chủ đầu tư vận dụng biểu mẫu hợp đồng DVTV loại hợp đồng trọn gói và loại hợp đồng theo thời gian để xây dựng hợp đồng DVTV.

*Khi sử dụng cần chú ý không được thay đổi E-ĐKC, các điều khoản trong **E-ĐKCT** cần được thực hiện như mô tả trong ghi chú bằng chữ in nghiêng cho từng điều khoản.*

HỢP ĐỒNG ĐIỆN TỬ⁽¹⁾

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Hợp đồng số: _____ [Chủ đầu tư kê khai thông tin]

Gói thầu: _____ [Hệ thống trích xuất theo thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu]

Thuộc dự án: _____ [Hệ thống trích xuất theo thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu]

- Căn cứ⁽²⁾ ____ (Bộ luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015) [Chủ đầu tư kê khai thông tin];

- Căn cứ⁽²⁾ ____ (Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 06 năm 2023 (được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15)) [Chủ đầu tư kê khai thông tin];

- Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của ____ về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu ____ [ghi tên gói thầu] và Thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của chủ đầu tư; [Hệ thống trích xuất theo thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu]

- Căn cứ biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng đã được chủ đầu tư và Nhà thầu trúng thầu ký ngày ____ tháng ____ năm ____; [Chủ đầu tư kê khai thông tin]

- Các căn cứ khác (nếu có). [Hệ thống để trường ký tự để chủ đầu tư/đơn vị được ủy quyền và nhà thầu tự kê khai]

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Đối với trường hợp chủ đầu tư trực tiếp ký kết và quản lý thực hiện hợp đồng với nhà thầu:

Chủ đầu tư (sau đây gọi là Bên A)

Tên chủ đầu tư: _____ [Hệ thống trích xuất]

Địa chỉ: _____ [Hệ thống trích xuất]

Điện thoại: _____ [Hệ thống trích xuất]

Fax: _____

E-mail: _____ [Hệ thống trích xuất]

Tài khoản: ____; [Chủ đầu tư kê khai thông tin]

Mã số thuế: _____ [Hệ thống trích xuất]

Đại diện là ông/bà: _____ [Hệ thống trích xuất]

Chức vụ: _____ [Hệ thống trích xuất]

Đối với trường hợp chủ đầu tư ủy quyền ký kết và quản lý hợp đồng:

Chủ đầu tư

Tên chủ đầu tư: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Địa chỉ: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Điện thoại: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Fax: _____

E-mail: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Tài khoản: _____; [*chủ đầu tư kê khai thông tin*]

Mã số thuế: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Đại diện là ông/bà: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Chức vụ: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Đơn vị được ủy quyền (sau đây gọi là Bên A)

Tên Đơn vị được ủy quyền: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Địa chỉ: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Điện thoại: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Fax: _____

E-mail: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Tài khoản: _____; [*Đơn vị được ủy quyền kê khai thông tin*]

Mã số thuế: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Đại diện là ông/bà: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Chức vụ: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số ___ ngày ___ tháng ___ năm ___ (*trường hợp được ủy quyền*) [*Đơn vị được ủy quyền kê khai thông tin*].

Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)

Tên nhà thầu: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Địa chỉ: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Điện thoại: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Fax: _____

E-mail: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Đại diện là ông/bà: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Chức vụ: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng cung cấp dịch vụ tư vấn với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng hợp đồng

Đối tượng của hợp đồng là các dịch vụ được nêu chi tiết tại Phụ lục A “Điều khoản tham chiếu” kèm theo.

Điều 2. Thành phần hợp đồng

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng;
2. Phụ lục hợp đồng gồm điều khoản tham chiếu, nhân sự của nhà thầu, trách nhiệm báo cáo của nhà thầu;
3. E-ĐKCT của hợp đồng đã được điền đầy đủ các nội dung và bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu, thương thảo hợp đồng (nếu có), hoàn thiện hợp đồng (nếu có);
4. Biên bản thương thảo hợp đồng, biên bản hoàn thiện hợp đồng (nếu có);
5. E-ĐKC của hợp đồng;
6. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;
7. Thư chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng;
8. E-HSDT và các văn bản làm rõ E-HSDT của Nhà thầu (nếu có);
9. E-HSMT và các tài liệu sửa đổi, làm rõ E-HSMT (nếu có);
10. Các tài liệu khác quy định tại E-ĐKCT.

Điều 3. Trách nhiệm của Bên A

1. Chủ đầu tư cam kết thanh toán cho Nhà thầu theo giá hợp đồng và phương thức nêu tại Điều 5 của hợp đồng này cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định tại E-ĐKC và E-ĐKCT của hợp đồng.

2. Chủ đầu tư chỉ định ông/bà _____ [*Ghi rõ họ tên*] là cán bộ phụ trách của Chủ đầu tư để điều phối các hoạt động thuộc phạm vi hợp đồng này.

Điều 4. Trách nhiệm của Bên B

1. Thực hiện các nghĩa vụ được nêu tại Điều 1 của hợp đồng này;
2. Đảm bảo huy động và bố trí nhân sự được liệt kê tại Phụ lục B “Nhân sự của nhà thầu” để thực hiện dịch vụ;
3. Nộp báo cáo cho chủ đầu tư trong thời hạn và theo các hình thức được nêu trong Phụ lục C “Trách nhiệm báo cáo của nhà thầu”;
4. Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm khác được nêu trong E-ĐKC và E-

ĐKCT của hợp đồng.

Điều 5. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán

1. Hợp đồng trọn gói ⁽³⁾

a) Giá hợp đồng: *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền ký hợp đồng]*

Giá hợp đồng: _____ *[Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền ký hợp đồng]*. Số tiền này bao gồm toàn bộ các chi phí, lãi và bất kỳ khoản thuế nào mà nhà thầu phải nộp.

b) Thời hạn thanh toán:

_____ *[Ghi giá trị/phần trăm và đồng tiền] khi hợp đồng có hiệu lực (trường hợp có tạm ứng).*

_____ *[Ghi giá trị/phần trăm và đồng tiền] khi chủ đầu tư nhận được và chấp thuận dự thảo báo cáo do nhà thầu lập.*

_____ *[Ghi giá trị/phần trăm và đồng tiền] khi chủ đầu tư nhận được và chấp thuận báo cáo cuối cùng.*

Tổng số tiền thanh toán _____ *[Ghi giá trị và đồng tiền]*

[Thời hạn thanh toán có thể thay đổi để phù hợp với các báo cáo đầu ra được nêu chi tiết tại Phụ lục C].

2. Hợp đồng theo đơn giá cố định⁽³⁾

a) Giá hợp đồng *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền ký hợp đồng]*. Số tiền này bao gồm toàn bộ các chi phí, lãi và bất kỳ khoản thuế nào mà nhà thầu phải nộp.

- Giá hợp đồng ban đầu (không bao gồm thuế);

- Giá trị thuế

- Dự phòng.

b) Thời hạn thanh toán:

_____ *[Ghi giá trị/phần trăm và đồng tiền] khi hợp đồng có hiệu lực (trường hợp có tạm ứng).*

_____ *[Ghi giá trị/phần trăm và đồng tiền] khi chủ đầu tư nhận được và chấp thuận dự thảo báo cáo do nhà thầu lập.*

_____ *[Ghi giá trị/phần trăm và đồng tiền] khi chủ đầu tư nhận được và chấp thuận báo cáo cuối cùng.*

Tổng số tiền thanh toán _____ *[Ghi giá trị và đồng tiền]*

[Thời hạn thanh toán có thể thay đổi để phù hợp với các báo cáo đầu ra được nêu chi tiết tại Phụ lục C].

3. Hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh⁽³⁾

a) Giá hợp đồng: *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền ký hợp đồng]*. Số tiền này bao gồm toàn bộ các chi phí, lãi và bất kỳ khoản thuế nào mà nhà thầu phải nộp.

- Giá hợp đồng ban đầu (không bao gồm thuế);

- Giá trị thuế

- Dự phòng: trong đó nêu rõ giá trị trượt giá tạm tính trên cơ sở dự kiến trượt giá và quy định pháp luật về quản lý chi phí.

b) Thời hạn thanh toán:

_____ [Ghi giá trị/phần trăm và đồng tiền] khi hợp đồng có hiệu lực (trường hợp có tạm ứng).

_____ [Ghi giá trị/phần trăm và đồng tiền] khi chủ đầu tư nhận được và chấp thuận dự thảo báo cáo do nhà thầu lập.

_____ [Ghi giá trị/phần trăm và đồng tiền] khi chủ đầu tư nhận được và chấp thuận báo cáo cuối cùng.

Tổng số tiền thanh toán _____ [Ghi giá trị và đồng tiền]

[Thời hạn thanh toán có thể thay đổi để phù hợp với các báo cáo đầu ra được nêu chi tiết tại Phụ lục C].

4. Hợp đồng theo thời gian⁽³⁾

a) Giá hợp đồng: _____ [Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền ký hợp đồng]. Số tiền này bao gồm toàn bộ các chi phí, lãi và bất kỳ khoản thuế nào mà nhà thầu phải trả, chi tiết như sau:

- Thù lao cho chuyên gia:

Chủ đầu tư thanh toán cho nhà thầu thù lao tính theo tháng người hoặc theo tuần, theo ngày, theo giờ (lựa chọn một trong ba nội dung và xóa nội dung còn lại) như đã thống nhất tại Phụ lục B.

- Chi phí khác cho chuyên gia:

Chủ đầu tư thanh toán cho nhà thầu các chi phí khác với mức trần là ____ [Ghi giá trị và đồng tiền thanh toán] cho các khoản chi thực tế hoặc khoán gọn⁽⁴⁾ dưới đây:

+ Chi phí công tác (bao gồm chi phí đi lại, phụ cấp công tác và lưu trú), tiền văn phòng phẩm và photô, in ấn tài liệu, chi phí liên lạc. Chi phí này sẽ được hoàn trả và cần được chủ đầu tư xác nhận;

+ Chi phí khác đã được chủ đầu tư phê duyệt.

b) Thời hạn thanh toán:

_____ [Ghi giá trị/phần trăm và đồng tiền] khi hợp đồng có hiệu lực (trường hợp có tạm ứng).

_____ [Ghi giá trị/phần trăm và đồng tiền] khi chủ đầu tư nhận được và chấp thuận dự thảo báo cáo do nhà thầu lập.

_____ [Ghi giá trị/phần trăm và đồng tiền] khi chủ đầu tư nhận được và chấp thuận báo cáo cuối cùng.

Tổng số tiền thanh toán _____ [Ghi giá trị và đồng tiền]

[Thời hạn thanh toán có thể thay đổi để phù hợp với các báo cáo đầu ra được nêu chi tiết tại Phụ lục C].

5. Phương thức thanh toán: ____ [*Hệ thống trích xuất phương thức thanh toán theo quy định tại Mục 10.2 E-ĐKCT*].

Điều 6. Loại hợp đồng

Loại hợp đồng: [*Hệ thống trích xuất loại hợp đồng theo E-ĐKCT*].

Điều 7. Thời gian thực hiện hợp đồng: ____ [*Chủ đầu tư/Đơn vị được ủy quyền kê khai thông tin về thời gian thực hiện hợp đồng phù hợp với quy định tại Mục 9 E-ĐKC, E-HSDT và kết quả hoàn thiện hợp đồng giữa hai bên*].

Điều 8. Hiệu lực hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ____ [*Chủ đầu tư/Đơn vị được ủy quyền kê khai thông tin về ngày có hiệu lực của hợp đồng*].

2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng được lập trên sự chấp thuận của tất cả các bên.

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP
CỦA NHÀ THẦU**

[*xác nhận, chữ ký số*]

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA
CHỦ ĐẦU TƯ/ĐƠN VỊ ĐƯỢC ỦY QUYỀN**

[*xác nhận, chữ ký số*]

Ghi chú:

(1) Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, nội dung hợp đồng theo mẫu này có thể sửa đổi, bổ sung cho phù hợp, đặc biệt là đối với các nội dung khi hoàn thiện hợp đồng có sự khác biệt so với E-ĐKCT.

(2) Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

(3) Lựa chọn bảo đảm phù hợp với Mục 7 E-ĐKCT của hợp đồng

(4) Ghi rõ loại chi phí nào thanh toán theo thực tế phát sinh hoặc chi phí nào khoán gọn.

PHỤ LỤC

Phụ lục A: Điều khoản tham chiếu

Phụ lục B: Nhân sự của nhà thầu

Phụ lục C: Trách nhiệm báo cáo của nhà thầu.

Mẫu số 17 (Webform trên Hệ thống)
THƯ CHẤP THUẬN E-HSDT VÀ TRAO HỢP ĐỒNG⁽¹⁾

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: _____ [*Hệ thống trích xuất tên nhà thầu trúng thầu*] (sau đây gọi tắt là “Nhà thầu”)

Về việc: Thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng

Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của _____ [*Hệ thống trích xuất tên chủ đầu tư*] (sau đây gọi tắt là “Chủ đầu tư”) về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu _____ [*Hệ thống trích xuất tên, số hiệu gói thầu*], Chủ đầu tư thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng cho Nhà thầu để thực hiện gói thầu _____ [*Hệ thống trích xuất tên, số hiệu gói thầu*] với giá hợp đồng là _____ [*Hệ thống trích xuất giá trúng thầu trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu*] với thời gian thực hiện gói thầu là ____ [*Hệ thống trích xuất thông tin trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu*].

Đề nghị đại diện hợp pháp của Nhà thầu tiến hành hoàn thiện và ký kết hợp đồng với Chủ đầu tư theo kế hoạch như sau:

Trường hợp hoàn thiện hợp đồng thông qua phương tiện điện tử:

- Thời gian hoàn thiện hợp đồng: ____ [*ghi thời gian hoàn thiện hợp đồng*];
- Địa chỉ phương tiện điện tử: ____ [*ghi đường link, tên đăng nhập, mật khẩu (nếu có)...*];
- Việc ký biên bản hoàn thiện hợp đồng thực hiện qua Hệ thống.

Trường hợp hoàn thiện hợp đồng trực tiếp:

- Thời gian hoàn thiện hợp đồng: ____ [*ghi thời gian hoàn thiện hợp đồng*], tại địa điểm⁽²⁾ ____ [*ghi địa điểm hoàn thiện hợp đồng*].

Văn bản này là một phần không thể tách rời của hồ sơ hợp đồng. Sau khi nhận được văn bản này, Nhà thầu hoàn thiện, ký kết hợp đồng theo quy định nêu trên. Chủ đầu tư sẽ từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng với Nhà thầu trong trường hợp phát hiện năng lực hiện tại của nhà thầu không đáp ứng yêu cầu thực hiện gói thầu.

Nếu đến ngày ____ tháng ____ năm ____ mà Nhà thầu không tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng theo các yêu cầu nêu trên thì Nhà thầu sẽ bị loại.

Ghi chú:

(1) Trong quá trình hoàn thiện hợp đồng, các bên phải điền đầy đủ và đưa toàn bộ nội dung, bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu, thương thảo hợp đồng (nếu có), hoàn thiện hợp đồng (nếu có) vào điều kiện cụ thể của hợp đồng để hình thành tài liệu hợp đồng điện tử.

(2) Khuyến khích thực hiện hoàn thiện hợp đồng qua phương tiện điện tử. Trường hợp việc hoàn thiện hợp đồng thực hiện trực tiếp thì Chủ đầu tư điền thông tin về địa điểm (văn phòng, cơ quan Chủ đầu tư...) để Nhà thầu đến tiến hành hoàn thiện hợp đồng.

GIẤY ỦY QUYỀN ⁽¹⁾

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm ____, tại ____

Tôi là ____ [ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu], là người đại diện theo pháp luật của ____ [ghi tên nhà thầu] có địa chỉ tại ____ [ghi địa chỉ của nhà thầu] bằng văn bản này ủy quyền cho ____ [ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham dự thầu gói thầu ____ [ghi tên gói thầu] thuộc dự án/dự toán mua sắm ____ [ghi tên dự án/dự toán mua sắm] do ____ [ghi tên chủ đầu tư] tổ chức:

- Tham gia, ký các tài liệu trong quá trình đối chiếu tài liệu;
- Tham gia, ký các tài liệu trong quá trình thương thảo hợp đồng (nếu có) đối với trường hợp thương thảo hợp đồng trực tiếp;
- Tham gia, ký các tài liệu trong quá trình hoàn thiện hợp đồng đối với trường hợp hoàn thiện hợp đồng trực tiếp.⁽²⁾

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của ____ [ghi tên nhà thầu]. ____ [ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà thầu] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do ____ [ghi tên người được ủy quyền] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ____ đến ngày ____⁽³⁾. Giấy ủy quyền này được lập thành ____ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ ____ bản, người được ủy quyền giữ ____ bản, chủ đầu tư giữ ____ bản.

Người được ủy quyền

[ghi tên, chức danh, ký tên và
đóng dấu (nếu có)]

Người ủy quyền

[ghi tên người đại diện theo pháp luật
của nhà thầu, chức danh, ký tên và
đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho chủ đầu tư khi đối chiếu tài liệu, thương thảo, hoàn thiện hợp đồng. Việc ủy quyền của

người đại diện theo pháp luật của nhà thầu cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà thầu để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà thầu hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình đối chiếu tài liệu, thương thảo, hoàn thiện, ký hợp đồng. Giấy ủy quyền phải bảo đảm có hiệu lực trước ngày thực hiện các công việc được ủy quyền.

PHỤ LỤC CÁC VÍ DỤ

Tiêu chuẩn đánh giá chi tiết về mặt kỹ thuật của gói thầu tư vấn khảo sát, thiết kế chi tiết Hệ thống cấp thoát nước và xử lý nước thải thành phố X

<i>TT</i>	<i>Tiêu chuẩn đánh giá</i>	<i>Điểm tối đa</i>	<i>Thang điểm chi tiết</i>	<i>Điểm tối thiểu</i>
1	<i>Kinh nghiệm nhà thầu</i>	15		10
<i>1.1</i>	<i>Kinh nghiệm quốc tế về thiết kế các dự án cấp thoát nước và xử lý nước thải tương tự trong 10 năm gần đây</i>	5		
<i>1.1.1</i>	<i>Kinh nghiệm thiết kế các dự án cấp nước</i>	2,5		
	<i>>= 10 dự án (đạt 100% số điểm)</i>		2,5	
	<i>8-9 dự án (đạt 90% số điểm)</i>		2,25	
	<i>6-8 dự án (đạt 70% số điểm)</i>		1,75	
	<i>3-5 dự án (đạt 40% số điểm)</i>		1	
	<i>< 3 dự án (đạt 0 điểm)</i>		0	
<i>1.1.2</i>	<i>Kinh nghiệm thiết kế các dự án thoát nước và xử lý nước thải</i>	2,5		
	<i>>= 10 dự án (đạt 100% số điểm)</i>		2,5	
	<i>8-9 dự án (đạt 90% số điểm)</i>		2,25	
	<i>6-8 dự án (đạt 70% số điểm)</i>		1,75	
	<i>3-5 dự án (đạt 40% số điểm)</i>		1	
	<i>< 3 dự án (đạt 0 điểm)</i>		0	
<i>1.2</i>	<i>Kinh nghiệm thiết kế các dự án cấp thoát nước và xử lý nước thải tương tự trong 10 năm gần đây tại khu vực Đông Nam Á</i>	5		
<i>1.2.1</i>	<i>Kinh nghiệm thiết kế các dự án cấp nước</i>	2,5		
	<i>>= 6 dự án (đạt 100% số điểm)</i>		2,5	
	<i>4-5 dự án (đạt 90% số điểm)</i>		2,25	
	<i>2-3 dự án (đạt 70% số điểm)</i>		1,75	
	<i>1 dự án (đạt 40% số điểm)</i>		1	
	<i>0 dự án (đạt 0 điểm)</i>		0	
<i>1.2.2</i>	<i>Kinh nghiệm thiết kế các dự án thoát nước và xử lý nước thải</i>	2,5		

TT	Tiêu chuẩn đánh giá	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết	Điểm tối thiểu
	>= 6 dự án (đạt 100% số điểm)		2,5	
	4-5 dự án (đạt 90% số điểm)		2,25	
	2-3 dự án (đạt 70% số điểm)		1,75	
	1 dự án (đạt 40% số điểm)		1	
	0 dự án (đạt 0 điểm)		0	
1.3	Kinh nghiệm tư vấn các dự án cấp thoát nước và xử lý nước thải tương tự trong 10 năm gần đây tại Việt Nam	6		
1.3.1	Kinh nghiệm thiết kế các dự án cấp nước	3		
	>= 6 dự án (đạt 100% số điểm)		3	
	4-5 dự án (đạt 90% số điểm)		2,7	
	2-3 dự án (đạt 70% số điểm)		2,1	
	1 dự án (đạt 40% số điểm)		1,2	
	0 dự án (đạt 0 điểm)		0	
1.3.2	Kinh nghiệm thiết kế các dự án thoát nước và xử lý nước thải	3		
	>= 6 dự án (đạt 100% số điểm)		3	
	4-5 dự án (đạt 90% số điểm)		2,7	
	2-3 dự án (đạt 70% số điểm)		2,1	
	1 dự án (đạt 40% số điểm)		1,2	
	0 dự án (đạt 0 điểm)		0	
2	Uy tín của nhà thầu thông qua việc tham dự thầu, kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu	5		
	Nhà thầu không bị đánh giá về uy tín trong việc tham dự thầu theo quy định tại khoản 1 Điều 20 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP trong vòng 02 năm tính đến thời điểm đóng thầu. Tất cả hợp đồng trước đó đảm bảo hoặc vượt yêu cầu về chất lượng, tiến độ thực hiện (đạt 100% số điểm)		5	
	Nhà thầu không bị đánh giá về uy tín trong việc tham dự thầu theo quy định tại khoản 1 Điều 20 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP trong vòng 02 năm tính đến thời điểm đóng thầu. 75% các hợp đồng trước đó đảm bảo hoặc vượt yêu cầu về chất lượng, tiến độ thực hiện (đạt 90% số điểm)		4,5	

TT	Tiêu chuẩn đánh giá	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết	Điểm tối thiểu
	Nhà thầu không bị đánh giá về uy tín trong việc tham dự thầu theo quy định tại khoản 1 Điều 20 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP trong vòng 02 năm tính đến thời điểm đóng thầu. 50% các hợp đồng trước đó đảm bảo hoặc vượt yêu cầu về chất lượng, tiến độ thực hiện (đạt 70% số điểm)		3,5	
	Nhà thầu không bị đánh giá về uy tín trong việc tham dự thầu theo quy định tại khoản 1 Điều 20 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP trong vòng 02 năm tính đến thời điểm đóng thầu. 25% các hợp đồng trước đó đảm bảo hoặc vượt yêu cầu về chất lượng, tiến độ thực hiện (đạt 40% số điểm)		2	
	Không có hợp đồng trước đó đảm bảo hoặc vượt yêu cầu về chất lượng, tiến độ thực hiện (đạt 0 điểm) hoặc nhà thầu bị đánh giá về uy tín trong việc tham dự thầu theo quy định tại khoản 1 Điều 20 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP trong vòng 02 năm tính đến thời điểm đóng thầu		0	
3	Giải pháp và phương pháp luận	30		20
3.1	Am hiểu về mục tiêu và nhiệm vụ của dự án đã nêu trong điều khoản tham chiếu	5		
3.1.1	Am hiểu chung về phạm vi, quy mô của dự án nêu trong điều khoản tham chiếu	2		
3.1.2	Đề xuất về kỹ thuật có các nội dung mô tả về vị trí, tuyến, đặc điểm của các dự án hợp phần	1,5		
3.1.3	Khảo sát hiện trường dự án (đề xuất về kỹ thuật có các hình minh họa vị trí, tuyến của các dự án hợp phần)	1,5		
3.2	Cách tiếp cận và phương pháp luận	5		
3.2.1	Đề xuất về kỹ thuật bao gồm tất cả hạng mục công việc quy định trong điều khoản tham chiếu. Các hạng mục công việc được phân chia thành những nhiệm vụ cụ thể một cách hoàn chỉnh và logic; đồng thời có phân công cho từng chuyên gia tư vấn đề xuất cho dự án.	2		
3.2.2	Phương pháp luận phù hợp với nhiệm vụ	1,5		
3.2.3	Đề xuất trình bày rõ ràng làm thế nào để thực hiện tốt được công việc (đặc biệt là những công việc mang tính đặc thù của dự án)	1,5		
3.3	Sáng kiến cải tiến	2		
3.3.1	Đề xuất các sáng kiến cải tiến để thực hiện tốt hơn các công việc nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện dự án	1		
3.3.2	Cách tiếp cận và phương pháp luận của nhà thầu chuyên nghiệp và tiên tiến	1		
3.4	Cách trình bày đề xuất	2		

TT	Tiêu chuẩn đánh giá	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết	Điểm tối thiểu
3.4.1	Đề xuất được kết cấu và trình bày một cách hợp lý, dễ theo dõi	1		
3.4.2	Đề xuất hoàn chỉnh và thuyết phục	1		
3.5	Kế hoạch triển khai	10		
3.5.1	Kế hoạch công việc bao gồm tất cả nhiệm vụ để thực hiện dự án. Mỗi một nhiệm vụ cụ thể phải được phân tích, mô tả một cách hoàn chỉnh, phù hợp và rõ ràng	5		
3.5.2	Kế hoạch triển khai phù hợp với phương pháp luận và tiến độ dự kiến	2,5		
3.5.3	Các bảng biểu mô tả kế hoạch thực hiện công việc và tiến độ nộp báo cáo	2,5		
3.6	Bố trí nhân sự hợp lý	6		
3.6.1	Nhân sự được bố trí theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu	3		
3.6.2	Thời điểm và thời gian huy động tư vấn phù hợp với kế hoạch triển khai	3		
4	Nhân sự	50		40
4.1	Tư vấn trưởng	13		11
4.1.1	Trình độ chung	3		
a	Bằng cấp	1,5		
	Giáo sư, tiến sĩ, thạc sĩ hoặc các bằng cấp tương đương khác (đạt 100% số điểm)		1,5	
	Kỹ sư, cử nhân (đạt 70% số điểm)		1,05	
	Trung cấp, cao đẳng hoặc các bằng cấp tương đương khác (đạt 0 điểm)		0	
b	Kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực có liên quan	1,5		
	>= 15 năm (đạt 100% số điểm)		1,5	
	10 – <15 năm (đạt 70% số điểm)		1,05	
	5 - < 10 năm (đạt 40% số điểm)		0,6	
	< 5 năm (đạt 0 điểm)		0	
4.1.2	Kinh nghiệm thiết kế các dự án cấp thoát nước và xử lý nước thải có quy mô tương tự	6		
a	Kinh nghiệm thiết kế dự án cấp nước	2		
	>= 5 dự án (đạt 100% số điểm)		2	

TT	Tiêu chuẩn đánh giá	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết	Điểm tối thiểu
	3 - 4 dự án (đạt 70% số điểm)		1,4	
	1 - 2 dự án (đạt 40% số điểm)		0,8	
	0 dự án (đạt 0 điểm)		0	
b	Kinh nghiệm thiết kế dự án thoát nước và xử lý nước thải	2		
	>= 5 dự án (đạt 100% số điểm)		2	
	3 - 4 dự án (đạt 70% số điểm)		1,4	
	1 - 2 dự án (đạt 40% số điểm)		0,8	
	0 dự án (đạt 0 điểm)		0	
c	Kinh nghiệm ở vị trí tư vấn trưởng trong suốt quá trình làm việc	2		
	>= 5 dự án (đạt 100% số điểm)		2	
	3 - 4 dự án (đạt 70% số điểm)		1,4	
	1 - 2 dự án (đạt 40% số điểm)		0,8	
	0 dự án (đạt 0 điểm)		0	
4.1.3	Kinh nghiệm làm việc trong khu vực Đông Nam Á	1,5		
	≥ 15 năm (đạt 100% số điểm)		1,5	
	10 - < 15 năm (đạt 80% số điểm)		1,2	
	5 - < 10 năm (đạt 50% số điểm)		0,75	
	1 - 5 năm (đạt 30% số điểm)		0,45	
	≤ 1 năm (đạt 0 điểm)		0	
4.1.4	Kinh nghiệm làm việc tại Việt Nam	1,5		
	≥ 5 năm (đạt 100% số điểm)		1,5	
	3 - 4 năm (đạt 70% số điểm)		1,05	
	1 - 2 năm (đạt 50% số điểm)		0,75	
	Không có kinh nghiệm (đạt 0 điểm)		0	
4.1.5	Trình độ tiếng Anh	1		

TT	Tiêu chuẩn đánh giá	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết	Điểm tối thiểu
	<i>Tốt (đạt 100% số điểm)</i>		1	
	<i>Khá (đạt 70% số điểm)</i>		0,7	
	<i>Trung bình (đạt 40% số điểm)</i>		0,4	
	<i>Kém (đạt 0 điểm)</i>		0	
4.2	<i>Tư vấn phó</i>	9		7
4.2.1	<i>Trình độ chung</i>	2		
a	<i>Bằng cấp</i>	1		
	<i>Giáo sư, tiến sĩ, thạc sĩ hoặc các bằng cấp tương đương khác (đạt 100% số điểm)</i>		1	
	<i>Kỹ sư, cử nhân (đạt 70% số điểm)</i>		0,7	
	<i>Trung cấp, cao đẳng hoặc các bằng cấp tương đương khác (đạt 0 điểm)</i>		0	
b	<i>Kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực có liên quan</i>	1		
	<i>>= 15 năm (đạt 100% số điểm)</i>		1	
	<i>10 – <15 năm (đạt 70% số điểm)</i>		0,7	
	<i>5 – < 10 năm (đạt 40% số điểm)</i>		0,4	
	<i>< 5 năm (đạt 0 điểm)</i>		0	
4.2.2	<i>Kinh nghiệm thiết kế các dự án cấp thoát nước và xử lý nước thải có quy mô tương tự</i>	4,5		
a	<i>Kinh nghiệm thiết kế dự án cấp nước</i>	1,5		
	<i>>= 5 dự án (đạt 100% số điểm)</i>		1,5	
	<i>3 - 4 dự án (đạt 70% số điểm)</i>		1,05	
	<i>1 - 2 dự án (đạt 40% số điểm)</i>		0,6	
	<i>0 dự án (đạt 0 điểm)</i>		0	
b	<i>Kinh nghiệm thiết kế dự án thoát nước và xử lý nước thải</i>	1,5		
	<i>>= 5 dự án (đạt 100% số điểm)</i>		1,5	
	<i>3 - 4 dự án (đạt 70% số điểm)</i>		1,05	
	<i>1 - 2 dự án (đạt 40% số điểm)</i>		0,6	

TT	Tiêu chuẩn đánh giá	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết	Điểm tối thiểu
	0 dự án (đạt 0 điểm)		0	
c	Kinh nghiệm ở vị trí tư vấn phó (hoặc tư vấn trưởng) trong suốt quá trình làm việc	1,5		
	>= 5 dự án (đạt 100% số điểm)		1,5	
	3 - 4 dự án (đạt 70% số điểm)		1,05	
	1 - 2 dự án (đạt 40% số điểm)		0,6	
	0 dự án (đạt 0 điểm)		0	
4.2.3	Kinh nghiệm làm việc trong khu vực Đông Nam Á	1		
	≥ 15 năm (đạt 100% số điểm)		1	
	10 - < 15 năm (đạt 80% số điểm)		0,8	
	5 - < 10 năm (đạt 50% số điểm)		0,5	
	1 - 5 năm (đạt 30% số điểm)		0,3	
	≤ 1 năm (đạt 0 điểm)		0	
4.2.4	Kinh nghiệm làm việc tại Việt Nam	1		
	≥ 5 năm (đạt 100% số điểm)		1	
	3 - 4 năm (đạt 70% số điểm)		0,7	
	1 - 2 năm (đạt 50% số điểm)		0,5	
	Không có kinh nghiệm (đạt 0 điểm)		0	
4.2.5	Trình độ tiếng Anh	0,5		
	Tốt (đạt 100% số điểm)		0,5	
	Khá (đạt 70% số điểm)		0,35	
	Trung bình (đạt 40% số điểm)		0,2	
	Kém (đạt 0 điểm)		0	
4.3	Chuyên gia, kỹ sư khác	28		22
4.3.1	Kỹ sư cấp nước	4		
4.3.2	Kỹ sư thoát nước	4		

<i>TT</i>	<i>Tiêu chuẩn đánh giá</i>	<i>Điểm tối đa</i>	<i>Thang điểm chi tiết</i>	<i>Điểm tối thiểu</i>
4.3.3	<i>Kỹ sư công nghệ xử lý</i>	4		
4.3.4	<i>Kỹ sư địa chất</i>	4		
4.3.5	<i>Kỹ sư xây dựng giao thông (đường bộ)</i>	4		
4.3.6	<i>Chuyên gia về môi trường</i>	4		
4.3.7	<i>Chuyên gia tái định cư và các vấn đề xã hội</i>	4		
	<i>Tiêu chuẩn đánh giá của các chuyên gia, kỹ sư khác</i>			
<i>a</i>	<i>Bằng cấp</i>	0,5		
	<i>Giáo sư, tiến sĩ, thạc sĩ hoặc các bằng cấp tương đương khác (đạt 100% số điểm)</i>		0,5	
	<i>Kỹ sư, cử nhân (đạt 70% số điểm)</i>		0,35	
	<i>Trung cấp, cao đẳng hoặc các bằng cấp tương đương khác (đạt 0 điểm)</i>		0	
<i>b</i>	<i>Kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực có liên quan</i>	1		
	<i>>= 7 năm (đạt 100% số điểm)</i>		1	
	<i>4 – <7 năm (đạt 70% số điểm)</i>		0,7	
	<i>2 – < 4 năm (đạt 50% số điểm)</i>		0,5	
	<i>< 2 năm (đạt 0 điểm)</i>		0	
<i>c</i>	<i>Kinh nghiệm thực hiện các dự án có tính chất tương tự</i>	1		
	<i>>= 5 dự án (đạt 100% số điểm)</i>		1	
	<i>3 - 4 dự án (đạt 70% số điểm)</i>		0,7	
	<i>1 - 2 dự án (đạt 50% số điểm)</i>		0,5	
	<i>0 dự án</i>		0	
<i>d</i>	<i>Kinh nghiệm làm việc trong khu vực Đông Nam Á</i>	0,5		
	<i>>= 5 năm (đạt 100% số điểm)</i>		0,5	
	<i>3 - < 5 năm (đạt 70% số điểm)</i>		0,35	
	<i>1 - < 3 năm (đạt 50% số điểm)</i>		0,25	
	<i>< 1 năm (đạt 0 điểm)</i>		0	

<i>TT</i>	<i>Tiêu chuẩn đánh giá</i>	<i>Điểm tối đa</i>	<i>Thang điểm chi tiết</i>	<i>Điểm tối thiểu</i>
<i>đ</i>	<i>Kinh nghiệm làm việc tại Việt Nam</i>	<i>0,5</i>		
	<i>≥ 3 năm (đạt 100% số điểm)</i>		<i>0,5</i>	
	<i>1 - 2 năm (đạt 50% số điểm)</i>		<i>0,25</i>	
	<i>Không có kinh nghiệm (đạt 0 điểm)</i>		<i>0</i>	
<i>e</i>	<i>Trình độ tiếng Anh</i>	<i>0,5</i>		
	<i>Tốt (đạt 100% số điểm)</i>		<i>0,5</i>	
	<i>Khá (đạt 70% số điểm)</i>		<i>0,35</i>	
	<i>Trung bình (đạt 50% số điểm)</i>		<i>0,25</i>	
	<i>Kém (đạt 0 điểm)</i>		<i>0</i>	
	<i>Tổng</i>	<i>100</i>		<i>70</i>